

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN HỘ CƠ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐỒNG THÁP - 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN HỘ CƠ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ngô Trần Bảo Thy	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2	Lê Văn Long Em	P. Hiệu Trưởng	P.Chủ tịch	
3	Nguyễn Thị Kim Phương	P. Hiệu Trưởng	P.Chủ tịch	
4	Đặng Thị Bích	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thư ký	
5	Trần Thị Kim Tuyền	Tổ trưởng tổ Lịch sử-Địa lí	Thành viên	
6	Nguyễn Thanh Thúy	Tổ trưởng tổ KHTN- Công nghệ - Thư viện	Thành viên	
7	Bùi Minh Quang	Chủ tịch công đoàn	Thành viên	
8	Lâm Quang Kết	Tổ trưởng tổ Toán - Tin học	Thành viên	
9	Nguyễn Văn Hiếu	Bí thư chi đoàn	Thành viên	
10	Nguyễn Thanh Nhe	Tổng phụ trách Đội	Thành viên	
11	Lưu Thị Bé Hằng	Giáo viên	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	17
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	20
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	23
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	26
Tiêu chí 1.5: Lớp học	29
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	31
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	33
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	34
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	35
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	37
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	40
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	
Mở đầu	41
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	42
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	46
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	47
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	51

NỘI DUNG	TRANG
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	53
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	
Mở đầu	54
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	54
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	56
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	60
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	62
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	64
Tiêu chí 3.6: Thư viện	67
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	69
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	
Mở đầu	70
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	71
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	75
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	79
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	
Mở đầu	80
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	80
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	84
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	88
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	90
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	92
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	96
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	99
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	101
Phần IV. CÁC PHỤ LỤC	103

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BĐD	Ban đại diện
2	CBQL- GV- NV	Cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên
3	CMHS	Cha mẹ học sinh
4	CSVC	Cơ sở vật chất
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
7	HS	Học sinh
8	THCS	Trung học cơ sở
9	THPT	Trung học phổ thông
10	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chuẩn 1		10/10	10/10	2/5	0/1
Tiêu chí 1		X	X	X	
Tiêu chí 2		X	X	-	-
Tiêu chí 3		X	X	X	-
Tiêu chí 4		X	X		-
Tiêu chí 5		X	X		-
Tiêu chí 6		X	X		-
Tiêu chí 7		X	X	-	-
Tiêu chí 8		X	X	-	-
Tiêu chí 9		X	X	-	-
Tiêu chí 10		X	X	-	-
Tiêu chuẩn 2		4/4	4/4	3/4	0/0
Tiêu chí 1		X	X	X	-
Tiêu chí 2		X	X		-
Tiêu chí 3		X	X	X	-
Tiêu chí 4		X	X	X	-
Tiêu chuẩn 3		6/6	6/6	4/5	0/01
Tiêu chí 1		X	X		-
Tiêu chí 2		X	X	X	-
Tiêu chí 3		X	X	X	-
Tiêu chí 4		X	X	-	-
Tiêu chí 5		X	X	X	-
Tiêu chí 6		X	X	X	
Tiêu chuẩn 4		2/2	2/2	2/2	0/0
Tiêu chí 1		X	X	X	-
Tiêu chí 2		X	X	X	-
Tiêu chuẩn 5		6/6	6/6	3/4	1/4

Tiêu chí 1		X	X	X	
Tiêu chí 2		X	X	X	
Tiêu chí 3		X	X	-	-
Tiêu chí 4		X	X	-	-
Tiêu chí 5		X	X	X	X
Tiêu chí 6		X	X		

2. Kết luận: Trường đạt Mức: **2**

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG THCS TÂN HỘ CƠ

Tên trước đây (nếu có): TRƯỜNG PTCS TÂN HỘ CƠ

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG

Tỉnh	Đồng Tháp	Họ và tên hiệu trưởng	Ngô Trần Bảo Thy
Huyện	Tân Hồng	Điện thoại	02773 529308
Xã	Tân Hộ Cơ	Fax	
Năm thành lập trường	2006	Website	http://thcstanhoco.pgdanhong.edu.vn
Công lập	X	Số điểm trường	
Tư thục		Loại hình khác	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng khó khăn	Vùng khó khăn
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 – 2025
Khối lớp 6	6	5	5	6	5
Khối lớp 7	6	5	4	5	6
Khối lớp 8	4	5	5	4	5
Khối lớp 9	4	4	5	5	4
Cộng	20	19	19	20	20

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập						
1	Phòng học	16	16	08	20	20	
a	Phòng kiên cố	08	08	08	20	20	
b	Phòng bán kiên cố	08	0	00	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn				11	11	
a	Phòng kiên cố	07	07	07	11	11	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập				5	5	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	5	5	
b	Phòng bán kiên cố	01	01	01	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị				5	5	
1	Phòng kiên cố	08	08	08	05	05	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)				22	22	
	Cộng	33	25	25	64	64	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	SL Nữ	SL người dân tộc thiểu số	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0		01		
Phó hiệu trưởng	02	01	0		02		
Giáo viên	35	20	0		35		
Nhân viên	06	04	0		04	01	
Cộng	43	26	0		42	01	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 – 2025
1	Tổng số giáo viên	37	34	34	34	35
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,89	1,89	1,79	1,70	1,75
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	1/19,84 (37 GV/734 HS)	1/21,16 (36 GV/783HS)	1/21,59 (34 GV/734HS)	1/22 (34 GV/748HS)	1/21,85 (35 GV/765HS)
4	Tổng số giáo	37	35	26	32	32

TT	Số liệu	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 – 2025
	viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương (nếu có)					
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	13	9	12	14	14

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 – 2025	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	734	737	734	748	765	
	- Nữ	353	354	361	377	401	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
	- Khối lớp 6	220	180	189	244	197	
	- Khối lớp 7	220	205	164	179	245	
	- Khối lớp 8	160	206	191	148	173	
	- Khối lớp 9	134	146	190	177	150	
2	Tổng số tuyển mới	238	190	200	243	194	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	30	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân học sinh/lớp	36,7	38,78	38,63	37,4	38,25	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	704/782 (90,02%)	695/783 (88,76%)	679/768 (88,41%)	691/771 (89,60%)	669/765 (87,45%)	

TT	Số liệu	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 – 2025	Ghi chú
	- Nữ						
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	17/0	13/3	10/3	21/02		
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	130	130	67	176	45	
	- Nữ	75	75	30	92	22	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	20	20	22	60	60	

b) Kết quả giáo dục

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
1	Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	18,07%	21,53%	32,97%	29,43%	33,56%	
2	Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	41,82%	42,37%	42,74%	47,14%	37,17%	
3	Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém/ Chưa đạt	1,85%	2,72%	1,63%	0,41%	0,27%	

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
4	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	88,05%	86,65%	88,33%	93,60%	91,04%	
5	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	8,06%	11,99%	10,99%	6,13%	8,42%	
6	Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình/ Đạt	1,85%	0,95%	0,68%	00%	0,53%	

5. Các số liệu khác (nếu có)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tổng quan về nhà trường

Trường Trung học cơ sở (THCS) Tân Hộ Cơ là trường được thành lập từ rất sớm của huyện Tân Hồng (trước đây là vùng Tam Tân của huyện Hồng Ngự), trường được thành lập vào tháng 8 năm 1976, lúc đó khuôn viên của trường tọa lạc tại trường Tiểu học Tân Hộ Cơ 1 hiện nay, sau nhiều lần thay đổi địa điểm, đến tháng 8/1997 trường được chuyển về cơ sở mới cho đến ngày hôm nay với tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 7.647m²

Kể từ khi thành lập cho đến hiện nay trường đã góp phần rất lớn trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương. Với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (*CBQL, GV, NV*) và học sinh (*HS*), tháng 3/2005 trường THCS Tân Hộ Cơ trở thành trường trung học cơ sở đầu tiên trong huyện Tân Hồng được Ủy ban nhân dân (*UBND*) tỉnh Đồng Tháp công nhận trường THCS đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2001 – 2010, theo Quyết định số 202/QĐ-UB.HC ngày 02 tháng 02 năm 2005.

Về cơ cấu tổ chức - nhân sự: Trường có Chi bộ Đảng, Ban giám hiệu, tổ chức Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh; có 06 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 43 người.

Về HS, trường hiện có 20 lớp từ khối 6 đến khối 9 với tổng số 765 HS thuộc địa bàn của bốn ấp: Gò Bói, Chiến Thắng, Dinh Bà, Đuôi Tôm và một số ít HS của xã Thông Bình, Bình Phú. Ngoài ra, có khoảng 4 HS là con Việt kiều Cam -pu - chia sang học.

Công tác quản lý chất lượng được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ hiệu trưởng đến các Tổ chuyên môn. Việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất HS luôn được chú trọng hàng đầu. Nhờ đó đã tạo nên những chuyển biến khá mạnh mẽ về chất lượng: Số HS bỏ học giảm, tỷ lệ HS lên lớp thẳng và danh hiệu HS xuất sắc, HS giỏi, HS tiên tiến hàng năm đều tăng. Trong những năm qua, nhà trường luôn có HS đạt giải HS giỏi cấp Huyện, cấp Tỉnh; Ngoài ra, nhà trường cũng tham gia đầy đủ các phong trào thi đua khác và đạt được những thứ hạng

cao. Việc giáo dục đạo đức HS luôn được đặc biệt quan tâm, nhà trường chủ trương giáo dục HS bằng các biện pháp kỷ luật tích cực. Giáo dục đạo đức HS thông qua thái độ tận tụy với nghề, tình thương yêu và tôn trọng HS của người Thầy, kết hợp với nội dung phong trào “*Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực*” tiến tới xây dựng trường học hạnh phúc. Bên cạnh đó, việc quản lý nề nếp, trật tự kỷ luật HS được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bởi đội ngũ giáo viên chủ nhiệm (GVCM), giáo viên trực, thành viên Tổ tư vấn tâm lý là các thầy cô có kinh nghiệm giáo dục và có uy tín đối với HS và Cha mẹ HS (CMHS). Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*”, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị và Kết luận số 01-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” và các cuộc vận động của ngành. Việc phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong nhà trường đều cụ thể, phù hợp nhằm tạo điều kiện để các thành viên hiểu biết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc, qua đó, xây dựng một tập thể đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, nắm vững chuyên môn - nghiệp vụ và gắn bó với nghề.

Về quản lý tài chính - tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản.

Về cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị dạy học của trường khá đầy đủ, đáp ứng tốt cho hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có trình độ đào tạo đại học 100%.

Khó khăn cần giải pháp hiệu quả hiện nay là trường có nhiều HS thuộc diện gia đình nghèo và cận nghèo, hộ khó khăn thường xuyên đi làm ăn xa, do đó ảnh hưởng không ít đến chất lượng học tập và công tác duy trì sĩ số của nhà trường.

2. Mục đích, lý do tự đánh giá; quy trình tự đánh giá; phương pháp và công cụ đánh giá

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là nhằm tự xem xét, tự

kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD-ĐT ban hành; thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực giáo dục, góp phần đảm bảo cho trường đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường. Mục đích tự đánh giá lần này nhằm để kiểm tra công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường gồm 11 thành viên, Nhóm thư kí gồm 5 người, Nhóm công tác gồm 23 người đầy đủ mọi thành phần của trường như Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, thư ký Hội đồng trường, các tổ trưởng chuyên môn, đại diện Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Các thành viên trong hội đồng được phân công theo nhóm nhằm thu thập, xử lý, phân tích nội hàm tìm các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí trên phụ lục 4, viết phiếu đánh giá mô tả phụ lục 5. Nhóm thư ký có trách nhiệm kiểm tra, chọn lọc, mã hóa các thông tin minh chứng, đồng thời giúp Chủ tịch Hội đồng rà soát, hoàn chỉnh các Phiếu đánh giá và tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của nhà trường. Báo cáo tự đánh giá sau khi thông qua Hội đồng tự đánh giá được công bố để lấy ý kiến của hội đồng sư phạm nhà trường.

Trường THCS Tân Hộ Cơ tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Hướng dẫn công tác tự đánh giá
- Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Viết báo cáo tự đánh giá.
- Công bố báo cáo tự đánh giá.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường căn cứ báo cáo tự đánh giá để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh,

khắc phục điểm yếu đã đề ra trong từng tiêu chí.

Công cụ đánh giá được sử dụng là quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Gồm 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí, 84 chỉ báo.

3. Kết quả của quá trình tự đánh giá

Sau khi tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá nhà trường kết luận: cấp độ kiểm định chất lượng giáo dục mà nhà trường đạt được theo Điều 34 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học là:

Kiểm định chất lượng: đạt cấp độ 2

Chuẩn quốc gia: đạt mức độ 1

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường THCS Tân Hộ Cơ có đầy đủ các hội đồng như Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng, các Hội đồng tư vấn, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Các Hội đồng và các tổ chức đoàn thể đều hoạt động đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ trường Trung học.

Trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9. Mỗi lớp đều được phân công 01 GVCN. Sĩ số HS trong lớp đảm bảo theo quy định.

Hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng luôn bám sát kế hoạch của Ban giám hiệu từ đó luôn đạt được kết quả cao trong chuyên môn. Công tác kiểm tra nội bộ luôn được duy trì thường xuyên nên thúc đẩy các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Mức 4

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Để nhà trường có cơ sở định hướng mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới về chất lượng giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Nhà trường đã xây dựng Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định

tại Luật Giáo dục về phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia với các mục tiêu như sau: Mục tiêu ngắn hạn: Duy trì và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn Quốc gia, khẳng định chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn HS giỏi, giáo viên dạy giỏi, xây dựng thương hiệu nhà trường trên địa bàn của huyện. Mục tiêu trung hạn: Duy trì bền vững, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn tiếp tục được kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 3, công nhận trường THCS đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Mục tiêu dài hạn: đến năm 2030 trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau: Chất lượng giáo dục đứng đầu của huyện Tân Hồng. Đạt tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Tỉnh. Duy trì trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025 và những năm sau. Có quy mô ổn định và phát triển. Duy trì cấp độ 3 kiểm định chất lượng giáo dục **[H1-1.1-01]**. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn thể hiện qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của xã Tân Hộ Cơ nhiệm kỳ 2020 – 2025, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã Tân Hộ Cơ, Nghị quyết Chi bộ nhiệm kỳ 2020 – 2022 và nhiệm kỳ 2022 – 2025 **[H1-1.1-02]**. Đồng thời phù hợp với các nguồn lực của nhà trường thể hiện cụ thể qua các báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của nhà trường **[H1-1.1-03]**.

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định rõ ràng bằng văn bản theo kế hoạch số 292/KH-THCSTHC ngày 28 tháng 10 năm 2020 của trường trung học cơ sở Tân Hộ Cơ và được lãnh đạo Phòng Giáo dục & Đào tạo Tân Hồng phê duyệt **[H1-1.1-01]**.

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được triển khai rộng rãi trong hội đồng trường, hội đồng sư phạm nhà trường, được niêm yết công khai tại bảng thông tin nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ <http://thestanhoco.pgdtanhong.edu.vn> **[H1-1.1-04]**.

1.2. Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược thể hiện qua biên bản của Hội đồng trường trong việc đánh giá, giám sát việc thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường như: Hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược cho toàn thể CBQL-GV-NV nhà trường, phân công các thành viên giám sát việc thực hiện kế hoạch, định kỳ rà

soát để điều chỉnh, bổ sung phương hướng hoạt động sao cho đạt được chỉ tiêu đề ra của chiến lược và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Phó Hiệu trưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện. Chủ tịch công đoàn giám sát việc thực hiện Thi đua khen thưởng, chỉ tiêu của giáo viên; báo cáo thường kì nội dung, biện pháp, đề xuất các giải pháp thực hiện. Tổng phụ trách đội nêu các chỉ tiêu về đạo đức và rèn luyện của HS. Tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng văn phòng tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên, tìm hiểu nguyên nhân các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện, đề xuất các giải pháp có hiệu quả [H1-1.1-05]. Bên cạnh còn thể hiện được các ưu điểm, hạn chế, biện pháp khắc phục và phương hướng phát triển qua các báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm [H1-1.1-03].

1.3. Mức 3

Cuối học kì và cuối mỗi năm học, nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh xây dựng và phát triển cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nhà trường. Việc rà soát, điều chỉnh có sự tham gia của tất cả các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên. Thông thường những nội dung được góp ý điều chỉnh chủ yếu xoay quanh các chỉ tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ; chỉ tiêu và giải pháp nâng cao chất lượng mũi nhọn; chất lượng tuyển sinh lớp 10... Thể hiện rõ qua báo cáo và văn bản bổ sung điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường có sự tham gia đầy đủ các thành phần. Trước khi được Phòng GDĐT phê duyệt, trường có tổ chức lấy ý kiến cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên về xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, qua hình thức <https://forms.gle/w2J7kqA8YiaLtee16> [H1-1.1-06], đối với CMHS và HS nhà trường lấy ý kiến trực tiếp trong cuộc họp.

1.4. Mức 4

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Tỷ lệ HSG cấp huyện và tỉnh hằng năm chưa đạt theo mục tiêu đề ra ở mục tiêu ngắn hạn (phải đạt từ 60% cấp huyện), trung hạn và dài hạn (phải đạt từ 70% cấp huyện).

Cụ thể năm 2021 – 2022 tỉ lệ đạt HSG cấp huyện là: 48,15%; Năm 2023 – 2024 tỉ lệ đạt HSG cấp huyện là: 43,8%.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt. Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng, có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, CMHS và HS.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ HSG cấp huyện và tỉnh hằng năm chưa đạt theo mục tiêu đề ra ở mục tiêu ngắn hạn (phải đạt từ 60% cấp huyện), trung hạn và dài hạn (phải đạt từ 70% cấp huyện). Cụ thể năm 2021 – 2022 tỉ lệ đạt HSG cấp huyện là: 48,15%; Năm 2023 – 2024 tỉ lệ đạt HSG cấp huyện là: 43,8%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 Phó hiệu trưởng chuyên môn tham mưu với Hiệu trưởng tổ chức những buổi hội thảo về nâng cao chất lượng HS giỏi cấp huyện, tỉnh. Tăng cường giải pháp kích thích khen thưởng cho giáo viên và HS. Giáo viên bồi dưỡng tăng cường trao đổi kiến thức và học hỏi kinh nghiệm, tìm những giải pháp mới đột phá hơn trong công tác bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022 – 2027 được thành lập theo quy định gồm có 13 thành viên: Hiệu trưởng, Bí thư chi bộ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, 6 tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện (BDD) CMHS và đại diện HS [H1-1.2-01]. Hàng năm, khi có thay đổi thành viên của hội đồng trường thì nhà trường đề nghị UBND huyện ra quyết định kiện toàn Hội đồng trường [H1-1.2-02]. Mỗi năm học, nhà trường thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phó, Chủ tịch Công đoàn, Phó chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, 6 tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, 1 nhân viên và GVCN (số lượng thành viên có thể thay đổi tùy vào số lượng lớp học ở mỗi năm) [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường xây dựng kế hoạch và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng trường thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường trung học [H1-1.2-04]. Hội đồng trường tham gia xây dựng chiến lược nhà trường và quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Hội đồng trường còn giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. Hội đồng trường quyết nghị về phương hướng hoạt động của nhà trường trong từng năm học: về chiến lược phát triển giai đoạn 2022 – 2027 tầm nhìn đến năm 2030. Quyết nghị, sửa đổi các quy chế như: quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy chế chuyên môn, quy chế xếp loại thi đua, quy chế xét nâng bậc lương trước thời hạn, quy chế khen thưởng kỉ luật HS, quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường [H1-1.2-05].

Hội đồng thi đua khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CBQL-GV-NV-HS nhà trường vào cuối mỗi năm học, hoặc khi cần thiết. Các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Bên cạnh đó, tổ tư vấn làm kiêm nhiệm nhiều việc nên chưa có nhiều thời gian đầu tư cho công tác nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu có liên quan đến những diễn biến về tâm sinh lý giáo viên và HS.

c) Hội đồng trường họp ít nhất 03 lần/năm học, các hội đồng khác họp theo kế hoạch. Trong cuộc họp đầu năm các hội đồng đề ra phương hướng hoạt động trong năm học. Các cuộc họp tiếp theo sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình hoạt động. Chủ tịch các hội đồng đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, những hạn chế trong quá trình hoạt động có sự đóng góp ý kiến của các thành viên. Từ đó đề ra các biện pháp phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.2-06].

1.2. Mức 2

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, cụ thể: Đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết, các quy chế thường xuyên và có đánh giá nhận xét theo từng kì. Vì vậy nhà trường đã hoàn thành tốt nghị quyết trong từng năm học: 100% cán bộ, giáo viên của nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định; 100% HS lớp 9 được tốt nghiệp THCS; hằng năm có từ trên 25% HS (toàn trường) đạt danh hiệu HS giỏi, trên 45% HS (toàn trường) đạt danh hiệu HS tiên tiến [H1-1.1-03]. Nhiều CBQL, GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và giấy khen của các cấp, tập thể nhà trường luôn đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc” [H1-1.2-07]. Trong những năm gần đây, kết quả các mặt hoạt động của nhà trường luôn được xếp trong tốp đầu của huyện, được CMHS, nhân dân và chính quyền địa phương tin tưởng.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác được thành lập theo quy định. Các hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Hội đồng trường và các hội đồng khác đã đánh giá, rà soát việc thực hiện các hoạt động giáo dục thường xuyên giúp nhà trường rút

kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ trong từng năm học. Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường (đặc biệt là chất lượng mũi nhọn có bước tiến vượt bậc so với giai đoạn trước), cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, chất lượng đội ngũ được nâng lên được phụ huynh và nhân dân địa phương tin tưởng.

3. Điểm yếu

Tổ tư vấn làm kiêm nhiệm nhiều việc nên chưa có nhiều thời gian đầu tư cho công tác nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu có liên quan đến những diễn biến về tâm sinh lý giáo viên và HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, nhà trường tiết kiệm ngân sách đầu tư cho công tác tư vấn tâm lý, tổ chức cho đội ngũ làm công tác tư vấn học tập nâng cao trình độ qua internet và các tài liệu liên quan, học hỏi kinh nghiệm qua đồng nghiệp và thực tiễn. Đồng thời, hiệu trưởng chỉ đạo tổ tư vấn tâm lý xây dựng kế hoạch hoạt động, đổi mới phương pháp, chủ động tổ chức các nội dung tư vấn HS phù hợp không để xảy ra tình trạng HS vi phạm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trường có tổ chức Công đoàn cơ sở với 44 công đoàn viên. Ban chấp hành Công đoàn được Liên đoàn Lao động huyện Tân Hồng công nhận chuẩn y theo quyết định số 65/QĐ-LĐLĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 gồm 01 Chủ tịch, 01 phó Chủ tịch và 03 ủy viên phụ trách công tác kiểm tra, nữ công, phong trào [H1-1.3-01]. Hiện tại, nhà trường có 01 đoàn viên đang sinh hoạt chi đoàn ghép với xã đoàn Tân Hộ Cơ. Liên đội có 765 đội viên với số lượng 20 chi đội trong đó có 01 Liên đội trưởng chịu trách nhiệm chung, 01 Liên đội phó chịu trách nhiệm phong trào, 01 Liên đội phó chịu trách nhiệm đội sao đỏ và 13 ủy viên [H1-1.3-02].

b) Hàng năm, Công đoàn xây dựng phương hướng hoạt động; hàng tháng đều có xây dựng kế hoạch và tổ chức họp Ban chấp hành, họp toàn thể đoàn viên. Công đoàn cơ sở tổ chức hoạt động đúng theo nhiệm vụ và quyền hạn như tuyên truyền, vận động người lao động; đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà trường; tham gia và kiến nghị với nhà trường xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội qui, qui chế trong đơn vị; tham gia các phiên họp có liên quan đến đoàn viên; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của nhà trường; phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; quản lý tài chính, tài sản của Công đoàn [H1-1.3-03]. Tổng phụ trách Đội xây dựng đầy đủ chương trình, kế hoạch năm, học kỳ, tháng đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-04]. Đoàn thanh niên phối hợp với xã Đoàn tổ chức sinh hoạt đoàn, chỉ đạo hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi. Do giáo viên của trường đa số đã qua tuổi Đoàn, tổ chức Chi đoàn phải sinh hoạt ghép với xã Đoàn Tân Hộ Cơ, nên Chi đoàn chưa tổ chức được nhiều hoạt động cho đội viên.

c) Sau mỗi học kì, cuối năm học Công Đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh đều có đánh giá rà soát, cải tiến phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội đều có sinh hoạt định kỳ, cuối kỳ và cuối nhiệm kỳ nhằm tổng kết rà soát đánh giá rút kinh nghiệm đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới; tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo nghị quyết, kế hoạch đề ra **[H1-1.3-05]**. Nhiều năm liền Công đoàn được đánh giá là công đoàn vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.3-06]**. Liên đội trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt Liên đội mạnh cấp tỉnh và cấp trung ương **[H1-1.3-07]**.

1.2. Mức 2

a) Chi bộ nhà trường trực thuộc Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ. Chi bộ lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ. Chi bộ có 29 Đảng viên, chi ủy có 5 đồng chí trong đó có 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 03 Ủy viên do Đại hội Chi bộ bầu ra được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ chuẩn y theo quyết định số 34-QĐ/ĐU ngày 29 tháng 7 năm 2022 **[H1-1.3-08]**. Chi bộ hoạt động đúng theo Điều lệ Đảng, luôn thể hiện rõ vai trò lãnh đạo trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức cán bộ, tổ chức đoàn thể, xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh gắn với nhiệm vụ cụ thể được giao thông qua báo cáo tổng kết hàng năm **[H1-1.3-09]**. Trong 05 năm qua, từ năm 2019 đến năm 2024 chi bộ THCS Tân Hộ Cơ luôn được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 03 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2019, năm 2022, năm 2023), đồng thời được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ tuyên dương “Chi bộ bốn tốt” và biểu dương chi bộ có thành tích xuất sắc trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2023 **[H1-1.3-10]**.

b) Các đoàn thể: Công đoàn cơ sở phối hợp với Hiệu trưởng giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động, phối hợp tổ chức các phong trào thi đua trong đơn vị như: Quỹ vì người nghèo, mái ấm công đoàn, ủng hộ khắc phục thiên tai, lũ lụt, phong trào hiến máu nhân đạo, khen thưởng công đoàn viên, con giáo viên có thành tích học tập xuất sắc, ủng hộ HS có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức các ngày lễ: trung thu, 20/10, 08/3...; Đội thiếu niên và Đoàn thanh niên tham mưu cho nhà trường về công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống cho HS, hướng dẫn HS “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ

Chí Minh”, tích cực tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, an toàn giao thông, rèn luyện kỹ năng sống, thực tế ngoài trường... nên đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-05].

1.3. Mức 3

a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 2

b) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đã cùng xây dựng tập thể nhà trường luôn đoàn kết, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương. Tham gia trồng cây, vệ sinh, xây dựng nông thôn mới [H1-1.3-11]; Cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trong mọi công việc được CMHS và nhân dân tin tưởng. CSVC của nhà trường ngày càng khang trang; HS ngoan ngoãn, tích cực học tập, năng động và sáng tạo trong mọi hoạt động. Nhiều năm liền công đoàn được đánh giá là công đoàn vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-06]. Liên đội trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt Liên đội mạnh cấp tỉnh và cấp trung ương góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, thành tích của trường [H1-1.3-07]. Liên đội trường tham gia hỗ trợ địa phương trong công tác xây dựng nông thôn mới như: ngày chủ nhật xanh, dòng Kênh không rác, Ngày chuyển đổi số... Bên cạnh đó công tác đội vẫn còn một số hạn chế chưa tổ chức đại hội tuyên dương cháu ngoan Bác Hồ. Nguyên nhân là chưa sắp xếp thời gian khoa học.

2. Điểm mạnh

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định. Hoạt động theo quy định. Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Trong 05 năm qua, từ năm 2019 đến năm 2024 chi bộ THCS Tân Hộ Cơ luôn được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 03 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2019, năm 2022, năm 2023), đồng thời được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ tuyên dương “Chi bộ bốn tốt” và biểu dương chi bộ có thành tích xuất sắc trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2023. Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Giáo viên, nhân viên của trường đa số đã qua tuổi Đoàn, tổ chức Chi đoàn phải ghép với xã Đoàn Tân Hộ Cơ, nên Chi đoàn chưa tổ chức được nhiều hoạt động cho đội viên của nhà trường. Chưa tổ chức đại hội tuyên dương cháu ngoan Bác Hồ cho HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, chi ủy chi bộ chỉ đạo đồng chí phụ trách công tác Đoàn tham mưu xã đoàn tổ chức nhiều hoạt động cho đội viên như tham gia các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường. Tổng phụ trách đội tổ chức đại hội tuyên dương cháu ngoan Bác Hồ cho HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trường THCS Tân Hộ Cơ là trường công lập, thuộc vùng biên giới, nhà trường có Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đúng theo quy định **[H1-1.4-01]**.

b) Nhà trường có 6 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng, có tổ trưởng, tổ phó được thành lập vào đầu mỗi năm học theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, cụ thể: Tổ Ngữ văn – Giáo dục công dân, có 08 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó và 05 giáo viên môn Ngữ văn, 01 giáo viên Giáo dục công dân và hiệu trưởng môn Giáo dục công dân; Tổ Lịch sử - Địa lí – Thiết bị, có 05 thành viên gồm có 01 tổ trưởng và 02 giáo viên môn Lịch sử -Địa lý lý, 01 nhân viên thiết bị, 01 giáo viên Tổng phụ trách Đội chuyên môn Lịch sử - Địa lý; Tổ Toán –Tin học, có 05 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng và 02 giáo viên môn Toán, 02 giáo viên môn Tin học; Tổ Tiếng Anh, có 04 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng và 03 giáo viên môn tiếng Anh; Tổ Khoa học tự nhiên - Công Nghệ - Thư viện, có 12 thành viên trong đó có 01 tổ trưởng (môn Khoa học tự nhiên), 01 tổ phó (môn Công nghệ), 07 giáo viên và 02 phó hiệu trưởng môn Khoa học tự nhiên và 01 nhân viên thư viện. Tổ Giáo dục thể chất – Nghệ thuật, có 06 thành viên gồm 01 tổ trưởng và 03 giáo viên môn Giáo dục thể chất, 02 giáo viên môn Nghệ thuật (01 giáo viên phân môn Âm nhạc, 01 giáo viên phân môn Mỹ thuật); Tổ Văn phòng có 04 thành viên, gồm có 01 tổ trưởng là Nhân viên Văn thư , 01 Nhân viên Y tế - Thủ quỹ, 01 nhân viên Kế toán và 01 Nhân viên Bảo vệ **[H1-1.4-02]**.

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng căn cứ theo kế hoạch giáo dục của nhà trường các tổ có xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động theo tháng, học kỳ, năm học, trong kế hoạch thể hiện rõ mục tiêu, chỉ tiêu cần đạt được trong năm học phù hợp với đặc thù của tổ, tất cả kế hoạch đều được lãnh đạo duyệt **[H1-1.4-03]**. Đồng thời, các tổ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại điều 14, 15 của Điều lệ trường trung học, cụ thể: Tổ chuyên môn luôn phối hợp tốt trong việc đóng góp xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; đề xuất lựa chọn sách giáo khoa, xuất bản phẩm tham khảo; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,... theo quy định. Bên cạnh đó, tổ văn phòng thực hiện bảo đảm các nhiệm vụ được phân công về công tác văn thư, quản lý tài chính, tài sản; quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường,...

1.2. Mức 2

a) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn có xây dựng ít nhất 01 chuyên đề có sự đóng góp ý kiến của các thành viên trong tổ và có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Năm 2022 – 2023: Chuyên đề: Giải pháp nâng cao chất lượng bộ môn và công tác BDHSG môn Lịch sử - Địa lí - Tổ Lịch sử - Địa lí – Thiết bị thực hiện. Chuyên đề: Dạy học tích hợp trong môn Toán - Tổ Toán –Tin học thực hiện. Chuyên đề: Kỹ thuật dạy tiết luyện viết paragraph theo dạng trình bày quan điểm cho HS lớp 9 - Tổ Tiếng Anh thực hiện. Chuyên đề: Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên - Tổ Khoa học tự nhiên - Công Nghệ - Thư viện thực hiện. Chuyên đề: Phòng chống đuối nước cho HS - Tổ Giáo dục thể chất – Nghệ thuật thực hiện. Năm 2023 - 2024: Chuyên đề: Tổ Ngữ văn – Giáo dục công dân. Chuyên đề: Sử dụng hiệu quả Atlas Địa lí Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng bộ môn Địa lí - Tổ Lịch sử - Địa lí – Thiết bị thực hiện. Chuyên đề: Bài toán về tỉ số phần trăm - Tổ Toán –Tin học thực hiện. Chuyên đề: Gặp gỡ trao đổi cùng HS gặp khó khăn trong việc tự học Tiếng Anh nhằm khắc phục tình trạng HS yếu môn Tiếng Anh 6 - Tổ Tiếng Anh thực hiện. Chuyên đề: Giáo dục sức khỏe “Tư vấn tâm lý tuổi hồng” - Tổ Khoa học tự nhiên - Công Nghệ - Thư viện thực hiện. Chuyên đề: Thực hành sáo Recorder - Tổ Giáo dục thể chất – Nghệ thuật thực hiện. Năm 2024 – 2025: Chuyên đề: Biện pháp quản lý HS của GVCN - Tổ Ngữ văn – Giáo dục công dân thực hiện. Chuyên đề: Giải pháp khắc phục khó khăn trong công tác bồi dưỡng HS giỏi môn Lịch sử & Địa lý Tổ Lịch sử - Địa lí – Thiết bị thực hiện. Chuyên đề: Chuyên đề bồi dưỡng HS nội dung số chính phương - Tổ Toán –Tin học. Chuyên đề: Ứng dụng chat GPT cho HS học tiếng Anh - Tổ Tiếng Anh. Chuyên đề: Xây dựng đề kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực học tập của HS - Tổ Khoa học tự nhiên - Công Nghệ - Thư viện thực hiện. Chuyên đề: Phòng chống đuối nước cho HS - Tổ Giáo dục thể chất – Nghệ thuật. Tuy nhiên, tổ chuyên môn không có thời gian để nghiên cứu sâu khi thực các chuyên đề nên một số chuyên đề chưa đạt chất lượng như kế hoạch đề ra **[H1-1.4-04]**.

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng định kì tổ chức rà soát đánh giá lại kết quả thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra. Đối với tổ chuyên môn hai tuần một lần, tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt một lần trong tháng **[H1-1.4-05]**. Ngoài ra đánh giá cuối học kì, cuối năm học để điều chỉnh cải tiến kịp thời **[H1-1.4-06]**.

1.3. Mức 3

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, giúp nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ như chất lượng 2 mặt giáo dục, tham gia và đạt giải trong các hội thi, cuộc thi, kỳ thi dành cho giáo viên và HS. Cuối mỗi năm học tổ được xét và khen thưởng danh hiệu Tổ lao động xuất sắc và tổ Lao động giỏi [H1-1.4-07].

b) Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Năm 2022 – 2023: Chuyên đề: Vận dụng phương pháp dạy học dự án và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm góp phần tạo hứng thú học tập cho HS ở bộ môn Giáo dục công dân khối 7 tại trường THCS Tân Hộ Cơ - Tổ Ngữ văn – Giáo dục công dân đã nâng cao được chất lượng bộ môn. Chuyên đề: Giải pháp nâng cao chất lượng bộ môn và công tác bồi dưỡng HS giỏi môn Lịch sử - Địa lí do Tổ Lịch sử - Địa lí – Thiết bị thực hiện. Hiệu quả mang lại chất lượng HS giỏi của tổ được nâng lên: năm 2022 – 2023 đạt 01 giải I, 2 giải khuyến khích cấp huyện và 01 giải II cấp tỉnh môn Địa Lí; Năm 2023 – 2024: đạt 01 giải II, 3 giải III, 3 giải khuyến khích cấp huyện và 01 giải khuyến khích cấp tỉnh môn Địa lí, 01 giải III cấp huyện môn Lịch sử . Chuyên đề: Dạy học tích hợp trong môn Toán - Tổ Toán –Tin học thực hiện đã giúp HS hứng thú trong bộ môn và giải quyết được vấn đề thực tiễn. Chuyên đề: Kỹ thuật dạy tiết luyện viết paragraph theo dạng trình bày quan điểm cho HS lớp 9 - Tổ Tiếng Anh thực hiện đã nâng cao được kỹ năng viết cho HS. Chuyên đề: Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên do Tổ Khoa học tự nhiên - Công Nghệ - Thư viện thực hiện giúp HS biết được những kỹ năng bảo vệ sức khỏe sinh sản. Chuyên đề: Phòng chống đuối nước cho HS của Tổ Giáo dục thể chất – Nghệ thuật thực hiện giúp HS kỹ năng phòng chống đuối nước. Năm 2023 - 2024: Chuyên đề: Một số biện pháp nâng tổ chức tiết dạy thực hành tiếng việt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại lớp 6A2 trường THCS Tân Hộ Cơ giúp Tổ Ngữ văn – Giáo dục công dân đã nâng cao được chất lượng bộ môn. Chuyên đề: Sử dụng hiệu quả Atlas Địa lí Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng bộ môn Địa lí - Tổ Lịch sử - Địa lí – Thiết bị thực hiện đã nâng cao chất lượng bộ môn Địa lí đạt kết quả 98% từ trung bình trở lên. Chuyên đề: Bài toán về tỉ số phần trăm - Tổ Toán –Tin học thực hiện đã giúp HS hứng thú trong môn học. Chuyên đề: Gặp gỡ trao đổi cùng HS gặp khó khăn trong việc tự học Tiếng Anh nhằm khắc phục tình trạng HS yếu môn Tiếng Anh 6 - Tổ Tiếng Anh thực hiện. Chuyên đề:

Giáo dục sức khỏe “Tư vấn tâm lý tuổi hồng” - Tổ Khoa học tự nhiên - Công Nghệ - Thư viện thực hiện đã giúp HS biết được những kỹ năng bảo vệ sức khỏe sinh sản. Chuyên đề: Thực hành sáo Recorder - Tổ Giáo dục thể chất – Nghệ thuật thực hiện đã giúp HS biết được kỹ năng thổi sáo và yêu nghệ thuật. Năm 2024 – 2025: Chuyên đề: Biện pháp quản lý HS của GVCN - Tổ Ngữ văn – Giáo dục công dân thực hiện đã giúp rèn luyện đạo đức cho HS. Chuyên đề: Giải pháp khắc phục khó khăn trong công tác bồi dưỡng HS giỏi môn Lịch sử & Địa lý Tổ Lịch sử - Địa lí – Thiết bị thực hiện đã đem lại kết quả thi vòng trường của HS như sau: đạt 1 giải I, 4 giải II và 2 giải khuyến khích. Chuyên đề: Xây dựng đề kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực học tập của HS - Tổ Khoa học tự nhiên - Công Nghệ - Thư viện thực hiện giúp cho giáo viên nhận biết các cụm từ tương ứng với mức độ khác trong đề kiểm tra [H1-1.4-08]. Tuy nhiên Tổ chuyên môn chưa nghiên cứu sâu khi thực các chuyên đề nên một số chuyên đề chưa đạt chất lượng như kế hoạch đề ra. Các tổ chuyên môn có thực hiện chuyên đề nhưng còn thiếu sót trong công tác lưu trữ hồ sơ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Tổ chuyên môn không có thời gian để nghiên cứu sâu khi thực các chuyên đề nên một số chuyên đề chưa đạt chất lượng như kế hoạch đề ra. Các tổ chuyên môn có thực hiện chuyên đề nhưng còn thiếu sót trong công tác lưu trữ hồ sơ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo sinh hoạt nhóm chuyên môn, phù hợp với từng bộ môn để nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, xây dựng các chuyên đề chuyên môn phù hợp và đáp ứng với yêu

cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Tổ trưởng cùng với tổ viên sắp xếp thời gian để nghiên cứu sâu khi thực hiện các chuyên đề đạt hiệu quả cao hơn. Đồng thời lưu trữ, đánh giá hiệu quả chuyên đề đã thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trong năm học 2024 – 2025, trường có 20 lớp với 765 HS, gồm khối 6 có 197 HS/5 lớp, khối 7 có 245 HS/6 lớp, khối 8 có 173 HS/5 lớp và khối 9 có 150 HS/4 lớp [H1-1.5-01].

b) HS của trường được tổ chức theo lớp học. Mỗi lớp học có lớp trưởng và các lớp phó được HS trong lớp bầu chọn vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02]. Mỗi lớp học được chia thành nhiều tổ HS; mỗi tổ HS có tổ trưởng và tổ phó được HS trong tổ bầu chọn vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ cụ thể: Hoạt động của lớp học đảm bảo tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi HS được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và của lớp học với sự hỗ trợ của GVCN [H1-1.5-04].

1.2. Mức 2

Trường có tổng số 20 lớp, bình quân 38,25 HS/lớp, cụ thể khối 6 có 197 HS, khối 7 có 245 HS, khối 8 có 173 HS, khối 9 có 150 HS. Số HS mỗi lớp nhiều nhất là 41, ít nhất là 36. Trong đó khối lớp 7 có 4 lớp có sĩ số 41 HS [H1-1.5-05].

1.3. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại Mức 2

2. Điểm mạnh

Số lượng lớp học đầy đủ theo cấp học, số lượng HS được phân chia tương đối đồng đều giữa các lớp theo quy định của điều lệ trường trung học phổ thông. Mỗi lớp đều có đầy đủ ban cán sự theo quy định, phân chia các tổ. Lớp hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Nhà trường hiện có 4 lớp 7 sĩ số học sinh 41 em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 – 2026, Hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Hồng cho phép nhà trường được sắp xếp lớp không quá 40 HS/lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo Luật lưu trữ. Trường có lưu trữ hồ sơ theo quy định gồm: sổ Đăng bộ [H1-1.5-01], sổ Gọi tên và Ghi điểm [H1-1.5-05], sổ Đầu bài [H1-1.6-01], sổ Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-02], sổ theo dõi phổ cập GD [H1-1.6-03], sổ theo dõi HS chuyển đi, chuyển đến [H1-1.6-04], sổ Nghị quyết của nhà trường và Hội đồng trường [H1-1.1-05], hồ sơ Thi đua của nhà trường [H1-1.6-05], hồ sơ Kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên [H1-1.6-06], hồ sơ khen thưởng, kỷ luật HS [H1-1.6-07], sổ Quản lý và lưu trữ các văn bản và công văn [H1-1.6-08], sổ Quản lý tài sản [H1-1.6-09], sổ Quản lý tài chính [H1-1.6-10], hồ sơ Quản lý thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm [H1-1.6-11], hồ sơ Quản lý thư viện [H1-1.6-12], hồ sơ Theo dõi sức khỏe HS [H1-1.6-13]. Công tác lưu trữ được thực hiện tập trung về văn phòng trường và có tủ đựng, bảo quản tốt, khoa học và thuận lợi trong quá trình truy tìm văn bản, tài liệu, công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên qua đó kịp thời phát hiện những trường hợp mới, một đề xử lý.

b) Hằng năm, trên cơ sở phân bổ tài chính của cấp trên và tình hình thực tế của đơn vị, Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán lập kế hoạch dự toán thu chi vào đầu năm hành chính [H1-1.6-14]. Việc lập dự toán, thực hiện thu - chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định hàng tháng, quý, năm và theo yêu cầu của cấp trên. [H1-1.6-15]. Công khai tài chính theo quý bằng cách niêm yết và gửi văn bản, đăng website, công khai trong họp hội đồng [H1-1.6-16]. Định kỳ lập kế hoạch tự kiểm tra tài chính, tài sản định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo lịch kiểm tra nội bộ của nhà trường. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ

sung hoàn thiện theo từng năm, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và quy định hiện hành [H1-1.6-17].

c) Công tác quản lý tài chính, tài sản đúng theo quy định, có đủ hồ sơ, chứng từ. Việc khai thác, sử dụng nguồn tài chính, tài sản của trường nhằm phục vụ công tác chuyên môn, công tác giáo dục đầy đủ mang lại hiệu quả, nâng cao các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

1.2. Mức 2

a) Để công tác quản lý được thuận lợi, trong những năm qua nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, đã đưa vào sử dụng các phần mềm như: phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm cơ sở dữ liệu online, quản lý văn bản Idesk, phần mềm quản lý điểm, sổ liên lạc điện tử, phần mềm thư viện, thiết bị. Trong công tác quản lý tài chính, tài sản nhà trường đã ứng dụng phần mềm Misa, thực hiện giao dịch qua dịch vụ công của Kho bạc, sử dụng dịch vụ không thu phí tiền mặt nên rất thuận lợi trong công tác lập dự toán, báo cáo tài chính, tài sản, thực hiện báo cáo về cấp trên nhanh chóng, chính xác và kịp thời. [H1-1.6-18].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, qua các lần kiểm tra của ngành chuyên môn cấp trên, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý tài chính, tài sản và gần đây nhất là theo kết luận của đoàn kiểm tra ngày 15 và 17 tháng 4 năm 2024 [H1-1.6-19].

1.3. Mức 3

Nhà trường có xây dựng Đề án về việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê đối với đất để khai thác căn tin để tạo các nguồn tài chính [H1-1.6-20], [H1-1.6-21]. Tuy nhiên, trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định. Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản. Công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục

vụ các hoạt động giáo dục. Có ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Nhà trường có xây dựng Đề án về việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê đối với đất để khai thác căn tin để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

3. Điểm yếu

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng chủ động tham mưu với Hội đồng trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Đồng thời tham mưu với chính quyền địa phương và mở rộng mối quan hệ bên ngoài để huy động nhiều nguồn tài chính hợp pháp hơn nữa để phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL- GV- NV sát với thực trạng của đơn vị-như: bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, chính trị, chuyên môn (kiến thức liên môn) bồi dưỡng cho đội ngũ GV trong quy hoạch, GV có trình độ cao đẳng lên đại học và cho nhân viên có trình độ trung cấp lên cao đẳng. [H1-1.7-01].

b) Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phân công theo đúng chuyên môn, đúng năng lực, theo hình thức bỏ phiếu tín nhiệm. Tuy nhiên do còn cầu toàn trong chất lượng công việc nên nhà trường còn giao nhiều việc cho giáo viên nhiệt tình năng nổ, dẫn đến có người làm nhiều, có người làm ít. [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định như: Được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự phân công, hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường. Được hưởng lương, chế độ phụ cấp, chính sách ưu đãi theo quy định; được thay đổi chức danh nghề nghiệp; được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định [H1-1.7-03]. Được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập, bồi dưỡng. Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể. Được nghỉ hè và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật... [H1-1.7-04].

1.2. Mức 2

Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên như tạo điều kiện tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức các hội thi cấp trường, tham gia các hội thi cấp huyện, tỉnh để giáo viên, nhân viên có cơ hội phát huy năng lực, sở trường của mình [H1-1.7-05]. Nhờ đó, các phong trào, các hoạt động về chuyên môn, văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng mạnh góp phần việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Nhà trường có phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Do còn cầu toàn trong chất lượng công việc nên nhà trường còn giao nhiều việc cho giáo viên nhiệt tình năng nổ, dẫn đến có người làm nhiều, có người làm ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2024 - 2025, Nhà trường cần có những giải pháp đột phá hơn trong phân công nhiệm vụ. Tạo nguồn năng lượng mới đối với giáo viên lớn tuổi, giáo viên mới về công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Mỗi năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của trường trên cơ sở các hướng dẫn thực hiện nhiệm

vụ năm học của địa phương và của ngành như: Hoạt động dạy học trong nhà trường, hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, giáo dục địa phương, bồi dưỡng HS giỏi, hoạt động phụ đạo HS, giáo dục kỹ năng sống, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục được triển khai thực hiện đến toàn thể viên chức và người lao động trong đơn vị. Kế hoạch của trường được thực hiện đầy đủ, bảo đảm cho các hoạt động trong năm học đạt được hiệu quả thiết thực [H1-1.8-02].

c) Định kỳ trong các cuộc họp hàng tháng và cuối học kỳ, cuối năm nhà trường tổ chức họp sơ kết, tổng kết để tiến hành rà soát, đánh giá những việc làm được và chưa làm được so với kế hoạch đề ra để qua đó có sự điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp và đưa ra phương hướng hoạt động trong thời gian tiếp theo [H1-1.8-03], [H1-1.1-02].

1.2. Mức 2

Trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường và hướng dẫn về công tác kiểm tra nội bộ, nhà trường thành lập Ban kiểm tra nội bộ để xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề, kiểm tra hành chính hoặc kiểm tra đột xuất hoạt động của các bộ phận, cá nhân phụ trách công việc của đơn vị [H1-1.6-06]. Trong từng nội dung kiểm tra đánh giá, nhà trường đều xác định rõ mục tiêu, đối tượng, hình thức, thời gian kiểm tra và đặc biệt đánh giá kết quả sau đợt kiểm tra để có biện pháp khắc phục tồn tại, thiếu sót hoặc phát huy các mặt tích cực của từng cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ theo kế hoạch nhà trường. Đơn vị không tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, lãnh đạo nhà trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tổ chức chỉ đạo thực hiện, có kiểm tra, rà soát thường xuyên với nỗ lực cố gắng cao để thực hiện đầy đủ, có chất lượng các kế hoạch đã đề ra. Kế hoạch giáo dục được tổ chức đánh giá và điều chỉnh theo định kỳ mỗi tháng và cuối học kỳ. Việc quản lý công tác dạy thêm học thêm được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của cấp trên, hiện tại nhà trường không tổ chức dạy thêm học thêm.

3. Điểm yếu

Trường tổ chức được kế hoạch dạy 2 buổi/ngày, tiếng Anh tăng cường theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chỉ có 1 lớp (6A1) tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tuyên truyền đến CMHS, giáo viên, HS về lợi ích, hiệu quả mang lại của học 2 buổi/ngày, tiếng Anh tăng cường để số lượng lớp tăng lên. Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và phong trào mũi nhọn của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được xử lý đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trước khi ban hành kế hoạch, nội quy, quy chế, quy định của nhà trường, Hiệu trưởng xây dựng dự thảo để lấy ý kiến tất cả viên chức, người lao động trong toàn trường. Hầu hết các văn bản hiệu trưởng đều phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn, các thành viên cốt cán và các bộ phận trong nhà trường phối hợp soạn thảo các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế hoạt động của nhà trường và được triển khai đến các tổ chuyên môn họp thảo luận đóng góp ý kiến những vấn đề liên quan đến trách nhiệm, nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên nhà trường, các ý kiến, kiến nghị của giáo viên, nhân viên được lãnh đạo nhà trường, Công đoàn và các bộ

phận có liên quan giải trình thông qua cuộc họp trừ bị và sau đó tiến hành tổ chức Hội nghị Viên chức - Người lao động, các ý kiến đóng góp được giải trình và được toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường thông nhất thực hiện [H1-1.9-01], [H1-1.9-02]. Ngoài ra các ý kiến thảo luận đóng góp của giáo viên, nhân viên còn thể hiện ở các phiên họp hội đồng sư phạm [H1-1.1-05].

b) Nhà trường có thực hiện hồ sơ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đơn thư, kiến nghị phân công thành viên trực có trách nhiệm tiếp nhận phản ánh, thông tin, kiến nghị, những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật để giải quyết kịp thời, hiệu quả, không để tồn đọng. Những năm qua, nhà trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo vượt cấp [H1-1.9-03]. Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBQL, GV, NV, CMHS nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật.

c) Hằng năm, trong Hội nghị viên chức - người lao động, tổ chức công đoàn, ban thanh tra nhân dân đều có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ nhà trường cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên biết [H1-1.9-04].

1.2. Mức 2

Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ, các thành viên Ban chỉ đạo gồm Ban Giám hiệu, Công đoàn, Tổ trưởng và một bộ phận có liên quan. Phân công thành viên trong Ban chỉ đạo và Ban thanh tra nhân dân có giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ, công khai sử dụng quản lý tài chính, tài sản, phân công, phân nhiệm bảo đảm công khai, minh bạch. Tuy nhiên, thành viên Ban Thanh tra nhân dân là kiêm nhiệm nên việc giám sát quá trình thực hiện quy chế dân chủ chưa thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được xử lý đúng pháp luật. Hằng năm nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Các biện pháp và cơ chế

giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Thành viên Ban Thanh tra nhân dân là kiêm nhiệm nên việc giám sát quá trình thực hiện quy chế dân chủ chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch liên tịch với Công Đoàn chỉ đạo thành viên Ban Thanh tra nhân dân sắp xếp công việc để thực hiện vai trò, trách nhiệm của giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường thường xuyên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có xây dựng các phương án như: phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; trường có căn tin được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-08].

b) Nhà trường có bố trí hộp thư góp ý để cho giáo viên, nhân viên, CMHS và HS phản ánh thông tin. Trường có niêm yết đường dây nóng là số điện thoại của Hiệu trưởng và email của trường để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân: số điện thoại 0987.970.126, gmail thecanhoco@gmail.com [H1-1.10-09]. Nhà trường có Kế hoạch phối hợp với Công an xã Tân Hộ Cơ thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và an toàn xã hội [H1-1.10-10]. Nhà trường có cổng, hàng rào kiên cố bao quanh chắc chắn, hệ thống dây điện, quạt, đèn, bàn ghế, ... được nhà trường kịp thời kiểm tra, sửa chữa khi có hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn cho HS, CBQL-GV-NV [H1-1.10-11]. Hệ thống cây xanh được quan tâm cắt tỉa vào đầu năm học, trước mùa mưa và khi có dấu hiệu không an toàn [H1-1.10-12]. Hằng năm, nhà trường được Ủy ban nhân dân xã Tân Hộ Cơ công nhận trường đạt chuẩn An toàn về an ninh trật tự [H1-1.10-13].

c) Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, các em HS khuyết tật đều được đối xử công bằng và được quan tâm nhiều hơn [H1-1.10-14]. Hằng năm, nhà trường đều có triển khai Kế hoạch phòng, chống bạo lực, bình đẳng giới trong trường học cho tất cả CBQL-GV-NV và HS toàn trường, thường xuyên tuyên truyền về bình đẳng giới, về bạo lực học đường thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ hoặc các buổi ngoại khóa về giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên. Vì thế, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-15].

1.2. Mức 2

a) Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và HS được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau: các cuộc họp Hội đồng sư phạm, họp liên tịch, trong các tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm, các buổi ngoại khóa, chuyển gmail, zalo... [H1-1.10-16]. Tuy nhiên, còn HS chưa tiếp thu đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học do các em còn vắng trong các lần triển khai.

b) Nhà trường phân công giáo viên trực, Tổng phụ trách đội phân công đội cờ đỏ trực các buổi học để giữ gìn an ninh trật tự, đồng thời giúp cho trường thu thập, đánh giá, xử lý nhanh các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự; phát hiện kịp thời và ngăn chặn hiện tượng gây gổ đánh nhau làm mất an ninh trật tự trong nhà trường. Khi phát hiện vụ việc liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự,... thì giáo viên Tổng phụ trách Đội phối hợp với GVCN làm việc trực tiếp với HS để kịp thời chấn chỉnh, nếu xảy ra vấn đề lớn ngoài khả năng thì báo cáo cho Hiệu trưởng để phối hợp với phụ huynh HS và các lực lượng khác để giải quyết; xử lý đúng theo quy định của ngành, nội quy của nhà trường nhằm mục đích tạo điều kiện cho các em sửa chữa khuyết điểm, tiếp tục rèn luyện và phấn đấu trở thành người tốt. Mặc dù đa số HS có ý thức học tập, tuy nhiên trong năm học 2020 - 2021 và 2021 - 2022 vẫn còn có một số HS chưa ngoan dẫn đến nhà trường phải xử lý kỷ luật [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các lực lượng an ninh trong và ngoài nhà trường, đặc biệt là Công an địa phương, nắm bắt thông tin và xử lý kịp thời. Làm tốt công tác phòng ngừa ngăn chặn và xử lý những vi phạm của HS. HS có ý thức thực hiện góp phần đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong trường học. Nhà trường có cổng, hàng rào kiên cố bao quanh chắc chắn, hệ thống dây điện, quạt, đèn, bàn ghế,... được nhà trường kịp thời kiểm tra, sửa chữa khi có hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn cho HS, CBQL-GV-NV. Hệ thống cây xanh được quan tâm cắt tỉa vào đầu năm học, trước mùa mưa và khi có dấu hiệu không an toàn. Hằng năm, nhà trường được Ủy ban nhân dân xã

Tân Hộ Cơ công nhận trường đạt chuẩn An toàn về an ninh trật tự. Không có hiện tượng kỳ thi, vi phạm về giới hay bạo lực trong nhà trường.

3. Điểm yếu

HS chưa tiếp thu đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học do các em còn vắng trong các lần triển khai.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, ngoài việc triển khai các phương án vào các lần tập trung HS dưới cờ, Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN triển khai đến HS thông qua các lần sinh hoạt chủ nhiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp để toàn thể HS được biết, thực hiện tốt các phương án.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác được thành lập theo quy định. Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

Trong 05 năm qua, từ năm 2019 đến năm 2024 chi bộ THCS Tân Hộ Cơ luôn được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 03 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (năm 2019, năm 2022, năm 2023), đồng thời được Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ tuyên dương “Chi bộ bốn tốt” và biểu dương chi bộ có thành tích xuất sắc trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2023.

Nhà trường có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng, Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định. Hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.

Số lượng lớp học đầy đủ theo cấp học, số lượng HS được phân chia tương đối đồng đều giữa các lớp theo quy định của điều lệ trường trung học phổ thông.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Nhà trường có phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Kế hoạch giáo dục được tổ chức đánh giá và điều chỉnh theo định kỳ mỗi tháng và cuối học kỳ.

Nhà trường tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ.

Hàng năm, nhà trường được Ủy ban nhân dân xã Tân Hộ Cơ công nhận trường đạt chuẩn An toàn về an ninh trật tự. Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới hay bạo lực trong nhà trường.

Điểm yếu

Tỉ lệ HSG cấp huyện và tỉnh hằng năm chưa đạt theo mục tiêu đề ra ở mục tiêu ngắn hạn.

Tổ tư vấn làm kiêm nhiệm nhiều việc nên chưa có nhiều thời gian đầu tư cho công tác nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu có liên quan đến những diễn biến về tâm sinh lý giáo viên và HS.

Tổ chuyên môn không có thời gian để nghiên cứu sâu khi thực các chuyên đề nên một số chuyên đề chưa đạt chất lượng như kế hoạch đề ra.

Nhà trường hiện có 6 lớp trong đó có 3 lớp 6 (6A2,4,5) 3 lớp 7 (7A2,3,5) có số lượng HS vượt hơn 40 em.

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Thành viên Ban Thanh tra nhân dân là kiêm nhiệm nên việc giám sát quá trình thực hiện quy chế dân chủ chưa thường xuyên.

HS chưa tiếp thu đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học do các em còn vắng trong các lần triển khai.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS của nhà trường đảm bảo các tiêu chuẩn và yêu cầu của Điều lệ trường Trung học. Nhà trường có Hiệu trưởng và 2 phó Hiệu trưởng có chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý tốt. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, có tay nghề phù hợp với tình hình đổi mới trong giai đoạn hiện nay, tích cực đổi mới phương pháp, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, có phẩm chất đạo đức tốt. Nhân viên có chuyên môn, nghiệp vụ tốt, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS của trường đảm bảo các tiêu chuẩn và yêu cầu theo quy định. Nội bộ nhà trường luôn, đoàn kết.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hiện tại nhà trường có Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng có thâm niên công tác là 25 năm, trong đó 07 năm giảng dạy, đảm nhận chức vụ phó hiệu trưởng 11 năm và đảm nhận chức vụ hiệu trưởng 07 năm, trình độ đào tạo đại học sư phạm Ngữ văn [H2-2.1-01]. Phó Hiệu trưởng 1 phụ trách chuyên môn có thâm niên công tác là 23 năm, trong đó 16 năm giảng dạy, đảm nhận chức vụ phó hiệu trưởng 08 năm, trình độ đào tạo đại học sư phạm Vật lý [H2-2.1-02]. Phó Hiệu trưởng 2 phụ trách CSVC có thâm niên công tác là 21 năm, trong đó 16 năm giảng dạy, đảm nhận chức vụ phó hiệu trưởng 04 năm, trình độ đào tạo đại học sư phạm Vật lý [H2-2.1-02]. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm đúng quy trình; Hàng năm được UBND huyện đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.1-03]. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có đủ sức khỏe đảm nhận nhiệm vụ [H2-2.1-04].

b) Trong 5 năm qua, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Hồng đánh giá đạt chuẩn mức khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hiệu trưởng Năm học 2019 – 2020, 2021 – 2022 đạt mức tốt, Năm học 2023 - 2024 tự đánh giá đạt mức Tốt đang chờ đánh giá của phòng. Phó hiệu trưởng 1 Năm học 2019 – 2020, 2021 – 2022 đạt mức Tốt, năm học 2023 - 2024 tự đánh giá đạt mức tốt đang chờ đánh giá của phòng. Phó hiệu trưởng 2 mới được bổ nhiệm từ tháng 11 năm 2020, Năm học 2021 - 2022, Năm học 2023 - 2024 tự đánh giá đạt mức Tốt đang chờ đánh giá của phòng [H2-2.1-05].

c) Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Hiệu trưởng có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-06]; cả 2 Phó Hiệu trưởng đều có chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông và hoàn thành khóa bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên [H2-2.1-07].

1.2. Mức 2

a) Nội hàm này mô tả tại Chi báo b Mức 1.

b) Hiệu trưởng có bằng Trung cấp Lý luận chính trị [H2-2.1-01], cả 2 Phó hiệu trưởng có bằng Trung cấp Lý luận Chính trị [H2-2.1-02]. Hàng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng chuyên đề và các buổi tập huấn về

chuyên môn [H2-2.1-08]. Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm thông qua biên bản ý kiến đóng góp về công tác quản lý, điều hành của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng vào cuối năm học [H2-2.1-09]. Tuy nhiên, Hiệu trưởng đôi lúc còn nóng tính khi xử lý công việc. Phó Hiệu trưởng 1 chưa sắp xếp công việc tăng cường kiểm tra giám sát nhiệm vụ đã phân công. Phó Hiệu trưởng 2 cần giao việc cụ thể cho giáo viên.

1.3. Mức 3

Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo b Mức 1.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đảm bảo chuẩn theo quy định có nhiều năm giảng dạy và đạt trình độ chuẩn, có đầy đủ giấy chứng nhận học các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, lớp trung cấp lý luận chính trị, hằng năm được đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt từ mức khá trở lên; tổ chức và quản lý hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường, được giáo viên và nhân viên tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng đôi lúc còn nóng tính khi xử lý công việc. Phó Hiệu trưởng 1 và 2 còn một số tiêu chí chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng thực hiện rèn luyện sự kiềm chế cảm xúc hạn chế nóng tính trong xử lý công việc. Phó Hiệu trưởng 1 và 2 cần đưa ra công việc cụ thể để đảm bảo cho tiêu chí khá đạt mức tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập, cụ thể: số giáo viên dạy lớp là 35, trong đó Ngữ văn: 06, Giáo dục công dân: 01, Lịch sử - Địa lý: 03, Toán: 03, Khoa học tự nhiên (Lý, Hóa, Sinh): 07, Công nghệ: 02, Môn Nghệ thuật (Mỹ thuật. Âm nhạc): 02, Giáo dục thể chất: 04, Tin học: 02, Tiếng Anh: 04, Tổng phụ trách Đội: 01. Như vậy biên chế giáo viên của nhà trường đảm bảo tương đối theo quy định (1,75 GV/lớp) [H1-1.7-02]. Giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.6-06].

b) Trường có 100% giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đại học sư phạm. Số lượng phát triển qua từng năm, cụ thể: Năm học 2020 - 2021 có 37 giáo viên trong đó có 01 giáo viên có trình độ Cao đẳng (tỷ lệ 2,7%), 36 giáo viên có trình độ Đại học (tỷ lệ 97,3%); Năm học 2021 - 2022 có 35/35 giáo viên có trình độ Đại học (tỷ lệ 100%); Năm học 2022 - 2023 có 34/34 giáo viên có bằng Đại học (tỷ lệ 100%); Năm học 2023 - 2024 có 34/34 giáo viên có bằng Đại học (100%); Năm học 2024 - 2025, 34/34 giáo viên có bằng Đại học (tỷ lệ 100%). **[H2-2.2-01]**

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp của giáo viên theo Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở. Kết quả: Năm học 2019 – 2020: có 36/36 giáo viên đạt mức khá (tỷ lệ 100%); Năm học 2020 – 2021: có 37/37 giáo viên đạt mức khá (tỷ lệ 100%); Năm học 2021 – 2022: đạt mức Tốt: 05/34 giáo viên (tỷ lệ 14,71 %), mức khá: 29/34 giáo viên (tỷ lệ 85,29 %); Năm học 2022 – 2023: đạt mức Tốt: 05/34 giáo viên (tỷ lệ 14,71 %), đạt mức khá: 29/34 giáo viên (tỷ lệ 85,29%); Năm học 2023 – 2024: đạt mức Tốt: 13/34 giáo viên (tỷ lệ 38,23%), đạt mức khá: 21/34 giáo viên (tỷ lệ 61,76%) **[H2-2.2-02]**.

1.2. Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định, có 35/35 (tỷ lệ 100%) hiện tại giáo viên đạt chuẩn trình độ đại học sư phạm **[H2-2.2-01]**.

b) Nội hàm này mô tả tại Chi báo c Mức 1.

c) Giáo viên của trường đều có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, và định hướng phân luồng HS **[H2-2.2-03]**. Giáo viên của trường có khả năng hướng dẫn học sinh tham gia khoa học kỹ thuật; Hằng năm có ít nhất 03 giáo viên hướng dẫn ít nhất 03 HS tham gia hội thi khoa học kỹ thuật các cấp **[H2-2.2-04]**. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật. **[H2-2.2-02]**

1.3. Mức 3

a) Nội hàm này mô tả tại Chi báo c Mức 1.

b) Từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024, giáo viên của trường chỉ có thực hiện viết sáng kiến cải tiến kỹ thuật UBND huyện công nhận [H2-2.2-05], chưa có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Trình độ chuyên môn của GV đạt chuẩn. Có 100% GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá trở lên. GV có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, định hướng phân luồng HS và hướng dẫn HS tham gia hội thi khoa học kỹ thuật các cấp. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên chưa đạt mức tốt ở các năm học 2019 - 2020; năm học 2020 - 2021, năm học 2021 - 2022, năm học 2022 - 2023.

Chưa có giáo viên báo cáo nghiên cứu khoa học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 Hiệu trưởng hướng dẫn tổ chức bồi dưỡng để đạt các tiêu chí chuẩn nghề nghiệp mức tốt. Tạo điều kiện cho giáo viên nghiên cứu khoa học hoặc học Thạc sĩ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có 06 nhân viên (trong đó có 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên y tế và thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên phụ trách thiết bị - thí nghiệm và 01 nhân viên bảo vệ) [H1-1.7-02]. Ngoài ra để đảm bảo các hoạt động của nhà trường có phân công giáo viên kiêm nhiệm làm công tác tư vấn tâm lý năm học 2022- 2023; Năm học 2023 - 2024; 2024 - 2025. kiêm nhiệm quản trị công sở 01 giáo viên; Kiêm nhiệm công tác giáo vụ 02 giáo viên ;01 giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật. [H2-2.3-01]

b) Nhân viên của nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực. Nhiệm vụ cụ thể từng nhân viên: **Nhân viên Kế toán:** Lập dự toán, quyết toán, lập báo cáo, quản lý hồ sơ tài chính theo quy định. **Nhân viên Văn thư:** Tiếp nhận, xử lý, chuyển công văn đi, đến theo quy định, Quản lý hồ sơ HS; Lưu trữ, phát văn bằng theo quy định; Sắp xếp, lưu trữ các loại hồ sơ một cách có khoa học. **Nhân viên phụ trách thiết bị - thí nghiệm:** Quản lý, tiếp nhận và bảo quản tài sản, trang thiết bị dạy học của trường; Cập nhật các loại hồ sơ sổ sách quản lý, theo dõi tình hình sử dụng đồ dùng dạy học và tình hình hoạt động của các thí nghiệm - thực hành. **Nhân viên thư viện:** Cập nhật, quản lý các loại hồ sơ thư viện theo đúng quy định; Bảo quản toàn bộ SGK dùng chung, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, báo chí, tài liệu theo quy định đối với cán bộ thư viện; Sắp xếp sách và các vật dụng trong phòng thư viện có khoa học. **Nhân viên Y tế - Thủ quỹ:** Đảm nhận nhiệm vụ chuyên môn về chăm sóc sức khỏe HS; sơ cấp cứu ban đầu đối với GV-NV, HS; phối hợp với GVCN, Kế toán thực hiện tuyên truyền, vận động HS tham gia bảo hiểm y tế và lập hồ sơ cấp thẻ BHYT cho HS; Tham mưu công tác khám sức khỏe đầu năm HS theo quy định; Có kế hoạch, thường xuyên kiểm tra bảo đảm vệ sinh các phòng học, an toàn thực phẩm trong trường học; Có kế hoạch, chủ động thực hiện các cuộc vận

động phòng, chống dịch bệnh trong phạm vi nhà trường, đồng thời có ý thức tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh tại địa phương. **Nhân viên Bảo vệ:** Thực hiện nghiêm túc bảo quản tài sản, cơ sở vật chất nhà trường, bảo vệ an ninh, an toàn trường học, phòng chống cháy nổ trong đơn vị; Thường xuyên chủ động sửa chữa các tài sản hư hỏng nhẹ có thể khắc phục được, đề xuất Hiệu trưởng xem xét cho ý kiến sửa chữa những tài sản hư hỏng ; Thực hiện trực cổng trong giờ học của học sinh, chăm sóc cây kiểng; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng trực tiếp phân công. [H2-2.3-02]. [H2-2.3-04]. Giáo viên kiêm nhiệm tư vấn có nhiệm vụ tư vấn hoặc phối hợp tư vấn HS theo nhu cầu nguyện vọng của các em, về tâm lý, sức khỏe, hướng nghiệp, khó khăn trong học tập, gia đình,...; Kiêm nhiệm giáo vụ: Có nhiệm vụ quản lý, theo dõi hệ thống hồ sơ, sổ sách của nhà trường liên quan đến HS; Phối hợp thực hiện công tác tuyển sinh và các nhiệm vụ được giao liên quan đến kiểm tra, đánh giá HS; Phối hợp với giáo viên, nhân viên trong nhà trường quản lý, theo dõi HS hàng ngày; Tổng hợp kết quả học tập và rèn luyện của HS. Kiêm nhiệm quản trị công sở: nhiệm vụ tham mưu giúp hiệu trưởng chỉ đạo, thực hiện các công việc đúng trình tự, thủ tục, tiến độ, bảo đảm chất lượng và đúng quy định; Tham mưu ban hành quy chế làm việc, công tác bảo mật, quản lý, lưu trữ hồ sơ của nhà trường theo quy định; Kiêm nhiệm hỗ trợ người khuyết tật học hòa nhập: tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho người khuyết tật; Hỗ trợ người khuyết tật học tập và rèn luyện kỹ năng đặc thù, kỹ năng sống phù hợp với khả năng và nhu cầu của người khuyết tật, Tham gia huy động HS khuyết tật đến trường.[H2-2.3-01]

c) Nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ được giao, được hiệu trưởng đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Tuy nhiên, nhân viên bảo vệ đôi lúc chưa chủ động trong công việc. [H2-2.3-03]; [H2-2.3-04].

1.2. Mức 2

a) Nội hàm này mô tả tại Chi báo a Mức 1.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tất cả các nhân viên của trường đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có nhân viên nào bị kỷ luật [H2-2.3-04].

1.3. Mức 3

a) Các nhân viên của nhà trường đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm. Cụ thể: Nhân viên Kế toán có bằng Đại học kế toán; Nhân viên Văn thư có bằng trung cấp văn thư - lưu trữ; Nhân viên y tế có bằng trung cấp điều dưỡng; Nhân viên Thư viện có bằng Cao đẳng thư viện - Thông tin; Nhân viên phụ trách thiết bị - thí nghiệm có bằng Cao đẳng công nghệ thiết bị trường học; Nhân viên bảo vệ trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông đã qua lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ cơ quan; Giáo viên kiêm nhiệm tư vấn học sinh gồm 06 giáo viên gồm có 01 Phó hiệu trưởng có bằng Đại học Vật lí, 01 nhân viên có bằng Trung cấp điều dưỡng, 01 GV có bằng Đại học Sinh học, 02 GV có bằng Đại học Sinh - Kỹ thuật và 01 giáo viên tổng phụ trách đội có bằng Đại học Địa; Kiêm nhiệm quản trị công sở có 01 giáo viên có bằng Đại học Sinh học; Kiêm nhiệm giáo dục có 02 GV (01 giáo viên có bằng Kỹ sư kỹ thuật công nghiệp, 01 giáo viên có bằng Đại học Vật lí); kiêm nhiệm hỗ trợ học sinh khuyết tật có 01 Gv có bằng Đại học Thể dục. **[H2-2.3-05]**.

b) Hàng năm các nhân viên đều được tham gia tập huấn hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ của mình như: nhân viên kế toán tập huấn về nghiệp vụ của kế toán; nhân viên Thư viện được tập huấn về công tác thư viện; Nhân viên Y tế được tập huấn về y tế học đường; Nhân viên bảo vệ được tập huấn công tác tự vệ cơ quan **[H2-2.3-06]**. Đối với giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn đã có qua lớp tập huấn. Tuy nhiên giáo viên kiêm nhiệm quản trị công sở, kiêm nhiệm giáo vụ, kiêm nhiệm hỗ trợ học sinh khuyết tật thì chưa qua lớp tập huấn.

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm như: kế toán, thư viện, y tế, thiết bị - thí nghiệm và nhân viên bảo vệ, kiêm nhiệm quản trị công sở, kiêm nhiệm giáo dục, kiêm nhiệm tư vấn, kiêm nhiệm hỗ trợ học sinh khuyết tật đúng theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được quy định; Được phân công công việc phù hợp các nhiệm vụ được giao; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Nhân viên bảo vệ đôi lúc chưa chủ động trong công việc.

Giáo viên kiêm nhiệm quản trị công sở, kiêm nhiệm giáo vụ, kiêm nhiệm hỗ trợ học sinh khuyết tật thì chưa qua lớp tập huấn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2024 - 2025 trở đi, Hiệu trưởng phân công cụ thể để nhân viên bảo vệ chủ động trong công việc và đồng thời đề xuất về phòng để tuyển dụng hoặc mở các lớp huấn cho các giáo viên kiêm nhiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) HS của trường đảm bảo về tuổi HS theo quy định tại Điều 33 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không có HS đi học trước tuổi; Tại thời điểm đánh giá năm học 2024 - 2025 đối với học sinh lớp 6 có độ tuổi từ 11 tuổi đến 14 tuổi, lớp 7 có độ tuổi từ 12 tuổi đến 15 tuổi, lớp 8 có độ tuổi từ 13 tuổi đến 16 tuổi, lớp 9 có độ tuổi từ 14 tuổi đến 17 tuổi [H1-1.5-01]; [H1-1.5-05]; [H1-1.5-04]

b) Vào đầu năm học, nhà trường tổ chức tuần lễ “sinh hoạt học đường” để HS học tập nội quy nhà trường, của lớp bằng hình thức sinh hoạt dưới cờ, trong các tiết sinh hoạt tập thể. Đầu và cuối mỗi tuần, HS tham gia sinh hoạt cờ, sinh hoạt lớp để sơ kết phong trào thi đua, sơ kết tình hình thực hiện nội quy của trường, lớp. Đa số HS thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, các hoạt động giáo dục của nhà trường, thực hiện tốt nội quy của trường, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá

nhân, giữ gìn bảo vệ tài sản của trường. Tuy nhiên, còn một số HS thường xuyên vi phạm về nội quy trường, lớp như: không đồng phục, đi trễ, bỏ rác không đúng nơi quy định, không giữ trật tự trong giờ học, mang dép lê, không đeo khăn quàng, không mang phù hiệu, nghỉ học không xin phép, ... [H2-2.4-01].

c) HS nhà trường được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền như: đảm bảo các quyền về CSVC, vệ sinh, an toàn đáp ứng nhu cầu học tập của HS ở trường, lớp và tự học ở nhà; được đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia vào các phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, các hội thi theo năng lực và điều kiện của từng em; được quyền học, chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với HS có đủ điều kiện hưởng chế độ; được hỗ trợ học bổng, được tham gia các chế độ bảo hiểm theo quy định và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-02].

1.2. Mức 2

Nhà trường thành lập Đội Cờ đỏ do giáo viên Tổng phụ trách Đội phân công nhiệm vụ và phối hợp với giáo viên theo dõi nhằm giám sát việc thực hiện nội quy của HS, phát hiện kịp thời những HS vi phạm các hành vi không được làm như học sinh đi trễ, không đồng phục.... Giáo viên Tổng phụ trách Đội, GVCN đưa ra các hình thức giáo dục kịp thời đối với các em vi phạm như tưới cây trong khuôn viên trường,... nếu vi phạm nhiều lần thì GVCN kết hợp với tổ tư vấn, với phụ huynh học sinh để có biện pháp xử lý phù hợp. Thông qua các hình thức xử lý này, số lượt HS vi phạm giảm dần, các em đã có ý thức tốt hơn trong việc thực hiện nội quy nhà trường [H2-2.4-03].

1.3. Mức 3

Hằng năm, nhà trường có những HS đạt những thành tích cao trong học tập, rèn luyện như: tham gia hội thi sáng tạo thanh, thiếu niên, nhi đồng, HS giỏi, hội thi hùng biện tiếng Anh, hội thi ý tưởng khởi nghiệp, HS giỏi các môn văn hóa 9, khoa học kỹ thuật, tham gia các giải thể thao cấp huyện, ... đều được nhà trường tổ chức nêu gương khen thưởng trước HS toàn trường trong các buổi sinh hoạt dưới cờ kịp thời, trong lớp học, góp phần tạo động lực tích cực đến các HS khác [H2-2.4-04]. Ngoài ra, đối với những HS thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây kiểng trong nhà trường, nhặt của rơi ... cũng được nhà trường tuyên dương trước cờ kịp thời nhằm tạo sự lan tỏa đến các em HS khác, góp phần giáo dục giá trị chân thiện mỹ cho HS toàn trường [H2-2.4-05].

2. Điểm mạnh

HS của trường đảm bảo về tuổi HS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đa số HS thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, thực hiện tốt nội quy của trường. HS nhà trường được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện nội quy của HS, có biện pháp giáo dục phù hợp, có chuyên viên tích cực.

Hằng năm, nhà trường có những HS đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện được tổ chức nêu gương khen thưởng kịp thời, góp phần tạo động lực tích cực đến các HS khác.

3. Điểm yếu

Trong năm học vẫn còn một số HS vi phạm nội quy trường, lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên bộ môn quan tâm nhiều hơn đến HS trong các tiết dạy do mình phụ trách để theo dõi, uốn nắn các hành vi của HS, phát huy vai trò của mình trong việc quản lý HS. Tổng phụ trách Đội tuyên truyền sâu rộng nhiệm vụ HS dưới cờ hàng tuần, có biện pháp xử lý kịp thời những HS vi phạm. GVCN phối hợp chặt chẽ với CMHS trong công tác giáo dục đạo đức, đặc biệt là đối với những HS cha mẹ đi làm ăn xa.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

*** Điểm mạnh:**

Cán bộ quản lý đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ quản lý, trình độ lý luận Chính trị, được cấp phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá từ loại khá trở lên theo chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.

Số lượng và cơ cấu giáo viên nhà trường đảm bảo để dạy các môn học, đạt chuẩn về trình độ và năng lực theo quy định, hằng năm đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được các cấp quản lý đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên và được đảm bảo các quyền và chế độ chính sách theo quy định.

Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định.

HS đảm bảo độ tuổi, đúng qui chế, đúng chỉ tiêu được giao và đúng địa bàn tuyển sinh. Phần lớn HS thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của nhà trường, quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. HS được đảm bảo các quyền theo qui định.

*** Điểm yếu:**

Hiệu trưởng đôi lúc còn nóng tính khi xử lý công việc. Phó Hiệu trưởng 1 và 2 còn một số tiêu chí chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá

Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên chưa đạt mức tốt ở các năm học 2019 - 2020; năm học 2020 - 2021, năm học 2021 - 2022, năm học 2022 - 2023.

Chưa có giáo viên báo cáo nghiên cứu khoa học

Nhân viên bảo vệ đôi lúc chưa chủ động trong công việc.

Giáo viên kiêm nhiệm quản trị công sở, kiêm nhiệm giáo vụ, kiêm nhiệm hỗ trợ học sinh khuyết tật thì chưa qua lớp tập huấn.

Trong năm học vẫn còn một số HS vi phạm nội quy trường, lớp.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Tân Hộ Cơ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 7647m², bình quân 10m²/HS, có 20 phòng học, 31 phòng chức năng (khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khối hành chính quản trị). Có các công trình khu vệ sinh giáo viên, HS bố trí hợp lý riêng cho nam, nữ, có đủ nước, ánh sáng; Nhà để xe cho HS được bố trí trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn; có hệ thống nước giếng khoan độ sâu hơn 200m, có hệ thống máy lọc nước sạch phục vụ tốt cho HS, đường cống thoát nước thông, đảm bảo vệ sinh môi trường; Có hệ thống hạ tầng CNTT kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học. Trang thiết bị đáp ứng đủ cho hoạt động dạy và học. Thư viện nhà trường đạt chuẩn Thư viện mức 2 vào năm 2024.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã trồng các loại cây xanh như: cây phượng vĩ, cây điệp vàng, cây kèn hồng, cây dầu, cây sao, cây hoa giấy, cây mai vàng, cây cau. Nhà trường có thuê người chăm sóc cây xanh, tạo không gian thoáng mát cho khuôn viên trường [H3-3.1-01]. Nhà trường có thuê người hàng ngày quét dọn vệ sinh và tổ chức phân công các lớp luân phiên vệ sinh sân trường hàng tuần, có trang bị thùng rác ở các vị trí đảm bảo vệ sinh [H3-3.1-02]. Việc bố trí sắp xếp trong khuôn viên trường đảm bảo khoa học, đẹp và an toàn. Trường đã được công nhận trường đạt chuẩn Xanh-sạch-đẹp năm 2015 [H3-3.1-03]

b) Trường có cổng chính, có 02 cổng phụ, có biển tên trường được lắp đặt đúng theo tiêu chuẩn quy định. Cổng chính của trường tiếp giáp với Lộ Quốc phòng, được làm bằng cột bê tông khung sắt kiên cố, phần phía Tây và phía Đông của trường tiếp giáp với nhà dân, phía sau trường giáp với lộ nông thôn, cả 3 mặt đều được bao bọc bởi hệ thống cột bê tông kéo lưới B40 đảm bảo an toàn an ninh cho người và tài sản [H3-3.1-04]. Tuy nhiên hàng rào phía sau

trường đã qua sử dụng nhiều năm nên đã bị xuống cấp.

c) Nhà trường có khu sân chơi có bồn hoa, có ghế đá có hệ thống cây xanh đảm bảo về mỹ quan [H3-3.1-05], bãi tập có hồ nhảy (có ván dậm, hồ lót cát), sân bóng chuyền (nhà trường bố trí cây trụ đứng, và lưới, có khung lưới bao quanh sân), sân bóng đá không kiên cố, chỉ dựng khung thành bao lưới cho HS tập luyện khi đến môn học tự chọn [H3-3.1-06]; có những thiết bị cần thiết phục vụ học tập thể dục thể thao của HS như: bàn đạp, xà nhảy cao, sân cầu lông (nhà trường bố trí cây trụ đứng, lưới; HS tự trang bị vợt, cầu), cột bóng rổ (nhà trường bố trí cây trụ đứng, bóng), đảm bảo an toàn trong việc dạy và học [H3-3.1-07].

1.2. Mức 2

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập được lót đal đảm bảo về mỹ quan đáp ứng được yêu cầu để tổ chức cho những hoạt động giáo dục như: Sinh hoạt dưới cờ, tổ chức giảng dạy môn thể dục, tổ chức hoạt động ngoại khóa, trò chơi dân gian, thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, cắm trại,... [H3-3.1-05]; [H3-3.1-06].

1.3. Mức 3

Trường có khuôn viên riêng biệt, tại ấp Chiến Thắng, xã Tân Hộ Cơ. Diện tích là 7.647m², bình quân 10m²/HS [H3-3.1-01]. Bãi tập có diện tích 2100m² (chiếm trên 27,46% tổng diện tích đất của trường). Trường chưa có nhà đa năng phục vụ cho các hoạt động tập luyện thể dục thể thao của HS.

2. Điểm mạnh

Trường có diện tích đảm bảo hơn 10m²/HS, có đủ tường rào, cổng, khuôn viên được bố trí riêng biệt, có đầy đủ các thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn. Khu sân chơi, bãi tập đủ đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục.

3. Điểm yếu

Hàng rào phía sau trường đã qua sử dụng nhiều năm đã bị xuống cấp. Trường chưa có nhà đa năng phục vụ cho các hoạt động tập luyện thể dục thể thao của HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tham mưu lên cấp có thẩm quyền đầu tư kinh phí để cải tạo lại hàng rào phía sau

trường kiên cố, vững vàng và xây dựng nhà đa năng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1

a) *Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

b) *Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

c) *Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2

a) *Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

b) *Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trường có tổng số 20 phòng học kiên cố, đảm bảo dạy học cho 20 lớp, dạy nhiều nhất hai ca trong một ngày. Trong mỗi phòng học được trang bị 22 bộ bàn ghế loại 02 chỗ ngồi cỡ IV và cỡ V (Phòng 1 đến phòng 8 và phòng 12; các phòng còn lại bố trí bàn ghế cỡ V) phù hợp với tầm vóc HS; Bàn HS có kích thước: dài 1,2m, rộng 0,5m, cao 0,69m, ghế HS có kích thước: dài 0,4m, rộng 0,36m, cao 0,8m, mỗi phòng học có 01 bộ bàn ghế giáo viên, 01 bảng từ chống lóa, 04 bóng đèn compact, 02 quạt trần, 05 quạt treo tường, 01 ảnh Bác, các màn cửa, lọ hoa (cây xanh) trên bàn giáo viên. **[H3-3.2-01]**.

b) Nhà trường có đủ các phòng học bộ môn theo qui định bao gồm: 01 Phòng học bộ môn Âm nhạc; 01 Phòng học bộ môn Mỹ thuật; 01 Phòng học bộ môn Công nghệ; 02 Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên; 02 Phòng học bộ

môn Khoa học xã hội; 02 Phòng học bộ môn Tin học; 01 Phòng học bộ môn Ngoại ngữ; 01 Phòng học đa chức năng [H3-3.2-02].

c) Nhà trường có 01 phòng Đoàn- Đội, 01 phòng thư viện, 01 phòng truyền thống được bố trí riêng biệt thuận tiện cho việc hoạt động [H3-3.2-03].

1.2. Mức 2

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS khuyết tật hòa nhập, cụ thể: Phòng học có diện tích trên 48m^2 (có 08 phòng có 01 cửa ra vào bố trí ở đầu lớp) và trên 60m^2 (có 12 phòng có 02 cửa ra vào được bố trí ở đầu và cuối lớp), các cửa sổ được thiết kế loại cửa lùa, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát; Phòng học bộ môn Âm nhạc (diện tích $100,32\text{m}^2$); Phòng học bộ môn Mỹ thuật (diện tích $100,32\text{m}^2$); Phòng học bộ môn Công nghệ (diện tích 72m^2); 02 phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (diện tích 72m^2 /phòng); 01 phòng học bộ môn Khoa học xã hội (diện tích $66,88\text{m}^2$); 01 phòng học đa chức năng (diện tích $66,88\text{m}^2$); Phòng học bộ môn Tin học 1 (diện tích 64m^2); Phòng học bộ môn Tin học 2 (diện tích 72m^2); Phòng học bộ môn Ngoại ngữ (diện tích 72m^2). Các phòng học bộ môn đều có ít nhất là 02 cửa ra vào bố trí ở đầu và cuối phòng, các cửa sổ được thiết kế loại cửa lùa hoặc cửa cánh, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát. Các phòng học bộ môn Công nghệ và Khoa học tự nhiên đều có kho chứa thiết bị bên trong [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-04].

b) Khôi phục vụ học tập của trường đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định: Thư viện (diện tích trên 130m^2) có kho sách, khu quản lý làm việc của thủ thư), có phòng đọc riêng cho giáo viên và HS; Phòng thiết bị giáo dục (01 phòng, diện tích $50,16\text{m}^2$) có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học dùng chung của trường; Phòng tư vấn và hỗ trợ giáo dục HS khuyết tật học hòa nhập (01 phòng, diện tích $50,16\text{m}^2$), bố trí ở tầng trệt, có bàn ghế làm việc dành cho giáo viên, có tủ đựng hồ sơ, có bảng viết bút lông, có máy tính kết nối với tivi được nối mạng internet, có bàn ghế để tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục HS khuyết tật học hòa nhập; Phòng truyền thống (diện tích $50,16\text{m}^2$), có trưng bày các bằng khen, giấy khen của trường, chi bộ, đoàn thể; có bảng giới thiệu truyền thống nhà trường, bảng thành tích của giáo viên và HS qua các năm, bảng hoạt động của đoàn thể, các tổ chuyên môn, bảng giới thiệu lãnh đạo trường qua các thời kỳ, ...; Phòng hoạt động Đoàn - Đội (diện

tích 33,44m²) có bàn làm việc dành cho giáo viên Tổng phụ trách Đội, có tủ hồ sơ, góc trưng bày truyền thống Đội, kệ để dụng cụ phục vụ công tác đội, được trang bị đủ hệ thống chiếu sáng đảm bảo thông thoáng, âm thanh phục vụ các hoạt động [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

1.3. Mức 3

Với số lượng 20 phòng học xây kiên cố và 10 phòng học bộ môn. Các phòng học bộ môn gồm: 02 phòng thực hành Tin học được trang bị 22 máy vi tính cho mỗi phòng, phòng Tin học 1 có gắn 01 ti vi, phòng Tin học 2 có gắn 01 máy chiếu projector thường xuyên hoạt động phục vụ cho các giờ học và thực hành bộ môn Tin học; 01 phòng học tiếng Anh được trang bị 01 tivi tương tác có micro và loa phục vụ tốt cho các giờ học Tiếng Anh; 01 phòng học môn Mỹ thuật có trang bị 40 giá vẽ, màu oát, đất nặn, giá để mẫu vật, mẫu vẽ, bảng vẽ, bảng pha màu, ống rửa bút, lô đồ họa, tranh, 01 ti vi, tủ đựng thiết bị; 01 phòng học môn Âm nhạc được trang bị 01 cây đàn guitar, 01 đàn organ, 01 bộ loa và micro, 01 ti vi, Trống nhỏ, tam giác chuông, trống lục lạc, kèn phím, sáo, song lan, tranh, tủ đựng thiết bị ; 01 phòng học đa chức năng có trang bị 01 tivi; 01 phòng học bộ môn Công nghệ có trang bị 01 ti vi, có kho chứa các thiết bị dạy học môn công nghệ thuộc danh mục thiết bị của bộ giáo dục; 02 phòng học các môn KHTN, mỗi phòng đều có kho chứa các thiết bị, hóa chất dụng cụ riêng đặc thù của bộ môn thuộc danh mục thiết bị của bộ giáo dục; phòng học bộ môn KHXH có trang bị 01 tivi, 01 tủ để tranh ảnh, bộ dụng cụ thực hành của bộ môn GDCCD và Ngữ Văn, Lịch sử - Địa lý thuộc danh mục thiết bị của bộ giáo dục; phòng học đa chức năng có trang bị 01 tivi, 01 kệ để đồ dùng, phòng tư vấn học đường được trang bị 01 tivi, 01 máy tính bàn, 01 bàn làm việc và 01 bộ bàn ghế để phục vụ cho công tác tư vấn. Nhìn chung các phòng học bộ môn của nhà trường được trang bị tương đối đầy đủ bàn ghế, hệ thống đèn, quạt điện, bình cứu hỏa theo quy định của bộ môn... và các thiết bị giảng dạy và học tập bộ môn, góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường đây [H3-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học, phòng học bộ môn, khối phục vụ học tập được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS và HS khuyết tật hòa nhập; các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị

dạy học theo quy định, có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc HS, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đèn, quạt đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; Khối phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động dạy và học của nhà trường theo quy định.

3. Điểm yếu

Bàn học của 02 phòng Khoa học tự nhiên và 01 phòng Công nghệ còn xây cố định, gây khó khăn trong việc xoay bàn bố trí cho HS tham gia thực hành theo nhóm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng có kế hoạch sửa chữa, cải tạo CSVC, 02 phòng Khoa học tự nhiên và 01 phòng Công nghệ đảm bảo thuận lợi trong việc bố trí cho HS tham gia thực hành theo nhóm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có khối hành chính - quản trị, gồm 01 phòng làm việc của

Hiệu trưởng, 02 phòng làm việc của 02 Phó hiệu trưởng, 01 Văn phòng, 01 phòng họp, 02 phòng nghỉ giáo viên, 06 phòng làm việc của 06 tổ chuyên môn, 01 phòng y tế học đường, 02 nhà kho, 01 phòng các tổ chức Đảng-Đoàn thể, 01 phòng bảo vệ. Các phòng đáp ứng được các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường. **[H3-3.3-01]**.

b) Nhà trường có 01 nhà xe HS được làm kiên cố, nền bê tông, sườn sắt lợp tol bố trí phía bên trong hàng rào với diện tích khoảng 247,52m² đảm bảo an toàn, trật tự. Nhà để xe dành cho CBQL-GV-NV có diện tích hơn 108m², được xây dựng kiên cố, sườn sắt lợp tol và được tách riêng khu vực để xe HS đảm bảo đủ cho GV trong một buổi, đảm bảo an toàn, trật tự **[H3-3.3-02]**.

c) Định kỳ hằng năm nhà trường có lên kế hoạch mua sắm, sửa chữa các thiết bị khối hành chính quản trị như máy in, máy tính, máy photo **[H3-3.3-03]**.

1.2. Mức 2

Khối hành chính - quản trị có đủ các phòng làm việc, được bố trí phù hợp, hoạt động theo quy định. Cụ thể, phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng 1, Phó hiệu trưởng 2, Văn phòng, nhà kho, phòng tổ chuyên môn Toán-Tin, phòng tổ chuyên môn Tiếng Anh, phòng tổ chuyên môn KHTN-Công nghệ-Thư viện, phòng tổ chuyên môn GDTC-Nghệ thuật: mỗi phòng có diện tích 12m², phòng tổ Lịch sử - Địa lý có diện tích 30m², phòng tổ Ngữ văn - GDCD có diện tích 30m², phòng Đảng-Đoàn thể có diện tích 30m², phòng họp có diện tích 140m², phòng nghỉ giáo viên 1 có diện tích 12m², phòng nghỉ giáo viên 2 có diện tích 48m², phòng y tế học đường có diện tích 24m², phòng bảo vệ có diện tích 9m². Cơ bản các phòng được bố trí riêng biệt **[H3-3.3-01]**. Trường không có khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ nhưng có canteen nhà trường phục vụ cho CBQL-GV-NV và HS luôn được kiểm tra đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh thực phẩm **[H3-3.3-04]**.

1.3. Mức 3

Phòng làm việc của Hiệu trưởng được bố trí 01 bàn làm việc 01 máy tính xách tay, 01 bộ bàn ghế salon tiếp khách, 02 tủ thiết nhiều ngăn và 01 tủ cây để đựng hồ sơ, tài liệu; phòng làm việc của Phó hiệu trưởng 1 được bố trí 01 bàn làm việc 01 máy tính xách tay, 01 máy in, 01 bộ bàn ghế tiếp khách, 01 tủ đứng bằng gỗ để đựng hồ sơ, tài liệu; phòng làm việc của Phó hiệu trưởng 2 được bố

trí 01 bàn làm việc 01 máy tính bàn, 01 máy in, 01 bộ bàn ghế salon tiếp khách, 01 tủ đứng bằng gỗ và 01 tủ bằng thiết để đựng hồ sơ, tài liệu, 01 bảng theo dõi sĩ số HS, 01 bảng lịch công tác; Văn phòng được bố trí 02 bàn làm việc cho nhân viên Văn thư và Kế toán, 02 bàn để máy tính, 02 máy tính laptop, 01 máy Scan, 01 máy photo, 01 máy ép nhựa, 05 tủ thiết nhiều ngăn để đựng hồ sơ; phòng tổ chức các đoàn thể được ghép chung với phòng truyền thống có diện tích 30m² được bố trí 01 cái bàn và 10 cái ghế gỗ để sinh hoạt, hội họp, 01 bàn làm việc, 01 tủ để hồ sơ **[H3-3.3-01]**. Tuy nhiên, việc bố trí dụng cụ, thiết bị làm việc của Văn phòng còn chưa ngăn nắp, khoa học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khối phòng hành chính – quản trị được bố trí riêng biệt, đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường; có nhà xe dành cho CBQL-GV-NV và HS được xây dựng kiên cố, đảm bảo an toàn, trật tự; có kiểm kê, sửa chữa kịp thời các thiết bị khối hành chính – quản trị. Các máy tính ở các phòng làm việc của khối hành chính – quản trị có kết nối mạng internet hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành công tác giảng dạy, hoạt động của giáo viên, nhân viên. Hằng năm được bảo trì, sửa chữa, mua sắm thay thế.

3. Điểm yếu

Việc bố trí dụng cụ, thiết bị làm việc của Văn phòng chưa ngăn nắp, khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ Văn phòng sắp xếp phòng ngăn nắp, khoa học hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp

nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có xây dựng các nhà vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh ở các khu vực phù hợp với cảnh quan trường, đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận lợi tất cả HS, giáo viên, nhân viên, học sinh và cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Cụ thể, các nhà vệ sinh nam của HS có tổng số hố xí là 18, máng tiểu và chậu tiểu là 12, lavabo rửa tay, rửa mặt là 10; các nhà vệ sinh nữ của HS có tổng số hố xí là 19, lavabo rửa tay, rửa mặt là 10; nhà vệ sinh cho học sinh khuyết tật có 01 hố xí có bố trí tay vịn, 01 chậu tiểu, 01 lavabo rửa tay; Các nhà vệ sinh nam của giáo viên có tổng số hố xí là 06, máng tiểu và chậu tiểu là 08, lavabo rửa tay, rửa mặt là 05; các nhà vệ sinh nữ của HS có tổng số hố xí là 06, lavabo rửa tay, rửa mặt là 05 [H3-3.4-01].

b) Trường có hệ thống cống thoát nước lắp đặt kiên cố, có nắp đậy xung quanh khuôn viên trường nên việc thoát nước luôn đảm bảo thoát nước tốt và vệ sinh môi trường, không bị ứ đọng vào mùa mưa [H3-3.4-02]. Trường có sử dụng hệ thống máy bơm nước giếng sâu lên các bồn chứa, đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho CBQL, GV, NV và HS, có trang bị máy lọc nước sạch ở phòng Đoàn – Đội để cung cấp nguồn nước uống cho HS và GV song song với việc hợp đồng cung cấp nước uống đóng chai của cơ sở Huệ - Lập và trang bị 01 máy nước nóng lạnh phục vụ cho CBQL, GV, NV [H3-3.4-03].

c) Trường có bố trí các thùng rác có nắp đậy ở những vị trí thuận lợi trong khuôn viên trường và các phòng học của HS để thuận tiện cho việc phân loại, xử lý rác; Trường có hợp đồng với Ban quản lý công trình công cộng huyện Tân Hồng để thu gom rác và xử lý rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Cụ

thể: Rác được phân loại trước khi xử lý bằng cách các loại rác hữu cơ (thùng màu xanh), rác vô cơ (thùng màu cam), ly nhựa, chai nhựa, giấy (để ở các lồng sắt). Cách xử lý từng loại là ly nhựa, chai nhựa, giấy cuối tuần bán gậy quỳ cho HS khó khăn; rác y tế đem qua trạm y tế xử lý; các loại rác còn lại được xe lấy rác của Ban quản lý công trình công cộng huyện Tân Hồng thu gom, xử lý theo quy định [H3-3.4-04]. Tuy nhiên vẫn còn một số HS ý thức về việc giữ gìn vệ sinh chung chưa cao, còn thiếu trách nhiệm trong việc giữ gìn vệ sinh chung.

1.2. Mức 2

a) Trường có 03 nhà vệ sinh HS nam, 03 nhà vệ sinh HS nữ ở dãy A, 02 nhà vệ sinh HS nam, 02 nhà vệ sinh HS nữ ở dãy B, 01 nhà vệ sinh HS nam, 01 nhà vệ sinh HS nữ ở cuối dãy C, 01 nhà vệ sinh dành cho HS khuyết tật ở dưới cầu thang tầng trệt của dãy E (thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập). Giáo viên, nhân viên được bố trí 01 nhà vệ sinh nam, 01 nhà vệ sinh nữ dãy D, 02 nhà vệ sinh nam, 02 nhà vệ sinh nữ ở dãy E. Các nhà vệ sinh được bố trí theo từng khu, từng tầng làm việc của GV, NV và học tập của HS; đảm bảo có đủ nước sạch, ánh sáng, không ô nhiễm môi trường, có hệ thống thoát nước cho tất cả các nhà vệ sinh. Các khu vệ sinh đều được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn thuận tiện sạch sẽ [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cấp nước của trường được lấy từ các nguồn: giếng sâu bơm nước lên bồn chứa để phục vụ cho sinh hoạt; nước uống của giáo viên, nhân viên và HS thì được lấy từ máy lọc nước và nguồn nước uống đóng bình của cơ sở Lập Huệ; hệ thống thoát nước đảm bảo lưu thông, cống thoát nước có nắp đậy, thu gom và xử lý chất thải do Ban quản lý công trình công cộng huyện Tân Hồng thực hiện theo đúng quy định.

2. Điểm mạnh

Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, HS đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh cho HS khuyết tật được bố trí thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập; Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống cho giáo viên, nhân viên và HS.

Việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo quy định.

3. Điểm yếu

Một số HS ý thức về việc giữ gìn vệ sinh chung chưa cao, còn thiếu trách nhiệm trong việc giữ gìn vệ sinh chung.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN, giáo viên Tổng phụ trách Đội giáo dục cho HS nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hoạt động của nhà trường. Tại Văn phòng trường bố trí 02 máy laptop, 01 máy photo, 01 máy scan, 01 máy ép nhựa, 04 tủ hồ sơ, 02 bộ bàn ghế làm việc cho nhân viên Văn thư và Kế toán; tại phòng Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng có 02 laptop,

01 máy bàn, 03 máy in, 06 tủ hồ sơ, 03 bộ bàn ghế tiếp khách, 01 tivi có kết nối camera để phục vụ cho công tác quản lý. Tại các phòng học, phòng học bộ môn có 18 tivi và 02 phòng vi tính có 45 máy phục vụ công tác dạy và học của giáo viên và HS. Nhà trường đã nối mạng internet phục vụ tốt cho công tác quản lý và giảng dạy của giáo viên **[H3-3.5-01]**.

b) Trường có đủ các thiết bị dạy học các bộ môn đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định, được bố trí sắp xếp hợp lý phù hợp cho việc phục vụ hoạt động dạy học của trường. Cụ thể, trong năm học 2022-2023 nhà trường được cấp mới trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 theo quy định; Riêng thiết bị khối 7,8,9 chủ yếu là thiết bị cũ được cấp từ nhiều năm trước hiện đã hư hỏng nhiều và độ chính xác không cao; một số thiết bị được mua sắm bổ sung hàng năm theo kế hoạch; một số thiết bị do GV tự làm như: thước đo góc, giác kế, tranh ảnh tự vẽ, cốc căng lưới đá cầu,... đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định. **[H3-3.5-02]**.

c) Hàng năm vào cuối năm học, nhà trường có xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm kê toàn bộ thiết bị, đồ dùng dạy học. Qua công tác kiểm kê, nhà trường đã sửa chữa các thiết bị dạy học môn Tin học (Phòng Tin học 1 sửa chữa và nâng cấp cấu hình cho 21 máy) và mua bổ sung một số đồ dùng thiết bị môn Âm nhạc, Thể dục **[H3-3.5-03]**; **[H3-3.3-03]**. Tuy nhiên, hiện nay các máy tính ở phòng Tin học 2 (22 máy) được cấp năm 2021 có cấu hình yếu nên gây khó khăn cho giáo viên trong việc giảng dạy môn Tin học những tiết thực hành.

1.2. Mức 2

a) Nhà trường có 03 đường truyền cáp quang tốc độ cao để hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy của giáo viên và học tập của HS. **[H3-3.5-04]**

b) Nội hàm này đã được mô tả ở chi báo b Mức 1.

c) Mỗi năm, nhà trường đều mua sắm bổ sung các loại thiết bị dạy học thay thế vật tư thí nghiệm đã hao mòn đảm bảo đủ đồ dùng cho việc tổ chức dạy học **[H3-3.5-03]**. Ngoài ra, giáo viên có tự làm đồ dùng dạy học phục vụ cho tiết dạy của mình. **[H3-3.5-05]**. Tuy nhiên số lượng các thiết bị dạy học giáo viên tự làm còn ít về số lượng, chưa phong phú đa dạng, tính thẩm mỹ và chưa cao.

1.3. Mức 3

Thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm được giáo viên khai thác, sử

dụng, hiệu quả trong việc giảng dạy nhất là các tiết thực hành. Giáo viên ngoài việc lập kế hoạch sử dụng những thiết bị, đồ dùng dạy học có sẵn của nhà trường, hằng năm có hơn 90% giáo viên tự trang bị cho mình máy tính để ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy giúp HS cảm thấy hứng thú hơn trong tiết học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-06].

2. Điểm mạnh

Thiết bị, đồ dùng dạy học, tranh ảnh, bản đồ, lược đồ, dụng cụ,... phục vụ cơ bản đáp ứng cho việc dạy và học trong nhà trường. Giáo viên có kế hoạch khai thác sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học theo yêu cầu của từng tiết dạy, có đăng ký mượn, trả thông qua phần mềm quản lý thiết bị. Thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên và khai thác có hiệu quả góp phần tạo hứng thú trong học tập góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị dạy học lâu ngày đã có dấu hiệu xuống cấp hoặc không còn chính xác nên trong quá trình sử dụng gặp nhiều hạn chế;

Số lượng các thiết bị dạy học giáo viên tự làm còn ít về số lượng, chưa phong phú đa dạng, tính thẩm mỹ và chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo nhà trường lập kế hoạch thường xuyên sửa chữa, mua sắm, bổ sung các thiết bị, dụng cụ dạy học xuống cấp, bị hư hỏng nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác dạy và học, cho đổi mới phương pháp dạy học với nguồn kinh phí trích từ quỹ ngân sách Nhà nước cấp cho các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường và sớm nâng cấp cấu hình máy tính phòng Tin học 2 để phục vụ công tác dạy học trong năm học.

Nhà trường có kế hoạch tổ chức Hội thi hoặc vận động giáo viên làm đồ dùng dạy học, thiết bị thí nghiệm thực hành cấp trường đảm bảo các yêu cầu về mặt hiệu quả, kinh tế, thẩm mỹ và tham gia cấp huyện; đồng thời, nhà trường cũng khuyến khích giáo viên và HS tự làm đồ dùng dạy học đảm bảo các yêu cầu theo đặc trưng bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 4

Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Trường có thư viện với diện tích hơn 130m², đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm nhà trường đều mua sắm bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo; Hiện nay, thư viện của trường có 5435 bản sách, cụ thể: Sách tham khảo: 1891 bản; Sách nghiệp vụ: 712 bản; Sách thiếu nhi: 873 bản; Sách giáo khoa: 1959 bản. Các loại báo, tạp chí như: báo Nhân dân, Giáo dục thời đại, Đồng Tháp, Toán tuổi thơ 2, Văn học và tuổi trẻ, Mục tím [H3-3.6-01]. Hằng

năm, nhà trường còn phát động phong trào quyên góp sách trong HS để xây dựng tủ sách dùng chung nhằm tăng số bản sách phục vụ bạn đọc [H3-3.6-02].

b) Thư viện nhà trường có đầy đủ các bản sách phục vụ nhu cầu bạn đọc. Thư viện tổ chức mở cửa hàng ngày theo giờ hành chính 5 ngày/tuần để giáo viên và HS đến đọc sách hoặc tìm tài liệu khi cần thiết. Ngoài ra, trường còn xây dựng Thư viện xanh đáp ứng nhu cầu đọc mọi lúc mọi nơi của bạn đọc. Phụ huynh có thể đọc sách báo khi chờ rước con [H3-3.6-03]. Việc theo dõi đọc, mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, của giáo viên và HS thực hiện theo đúng qui định [H3-3.6-04]; hàng tuần, cán bộ thư viện giới thiệu sách mới trong tiết chào cờ đầu tuần, hoặc trên bảng thông báo của thư viện đáp ứng nhu cầu giới thiệu sách cần nghiên cứu, học tập, giải trí của GV, NV, HS [H3-3.6-05]. Trung bình số lượt bạn đọc giáo viên và HS 981 lượt/tháng trong đó giáo viên: 175 lượt/tháng, HS 806 lượt/tháng [H3-3.6-06]. Tuy nhiên, hoạt động thư viện xanh chưa phong phú, khai thác chưa đạt hiệu quả cao.

c) Hàng năm thư viện đều có tổ chức kiểm kê kho sách; đề xuất thanh lý, mua sắm mới các loại sách, báo, tạp chí và tài liệu tham khảo cơ bản phục vụ dạy học trong năm học [H3-3.6-07].

1.2. Mức 2

Thư viện được công nhận Thư viện trường học đạt tiêu chuẩn Mức độ 2 năm 2024 [H3-3.6-08].

1.3. Mức 3

Thư viện đã trang bị được 06 máy tính có kết nối Internet đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của giáo viên, HS [H3-3.6-09].

1.4. Mức 4

Thư viện chưa có Internet băng thông rộng, hệ thống hạ tầng CNTT chưa phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

2. Điểm mạnh

Thư viện được công nhận “Thư viện trường học đạt tiêu chuẩn Mức độ 2” năm 2024, hoạt động có nề nếp góp phần tích cực cho hoạt động dạy và học cũng như các hoạt động giáo dục của nhà trường. CBQL-GV-NV và HS của nhà trường thích đọc sách, thường xuyên đến thư viện nên hoạt động của thư viện được khai

thác hiệu quả. Thư viện có tài liệu phục vụ cho giáo viên và HS, đặc biệt là sách giáo khoa phục vụ cho HS nghèo, tạo điều kiện tốt cho việc học tập của HS.

3. Điểm yếu

Thư viện chưa có Internet băng thông rộng, hệ thống hạ tầng CNTT chưa phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng kiến nghị PGD tham mưu UBND Huyện từ bước đầu tư thư viện hệ thống hạ tầng CNTT tiếp cận với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

*** Điểm mạnh:**

- Trường có hàng rào, có cổng trường, biển tên trường theo quy định, diện tích đảm bảo an toàn khi tổ chức các hoạt động. Cảnh quan sư phạm nhà trường xanh-sạch-đẹp, phòng học đủ bố trí mỗi lớp/phòng. Đảm bảo đủ ánh sáng, có đủ bàn ghế phù hợp với HS trung học cơ sở.

- Khu sân chơi, bãi tập được bố trí hợp lý, có các thiết bị cần thiết phục vụ học tập, tập luyện thể dục thể thao cho HS.

- CSVC của trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập.

- Trường có khu vệ sinh cho nam, nữ giáo viên, nhân viên, HS đảm bảo không ô nhiễm môi trường; thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập.

- Thiết bị, đồ dùng dạy học của nhà trường đảm bảo tối thiểu cho việc dạy và học. Việc khai thác, sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Thư viện nhà trường đạt chuẩn thư viện mức độ 2.

*** Điểm yếu:**

- Hàng rào phía sau trường đã qua sử dụng nhiều năm đã bị xuống cấp.

- 02 phòng Khoa học tự nhiên và 01 phòng Công nghệ bàn học còn xây cố định, gây khó khăn trong việc bố trí cho HS tham gia thực hành theo nhóm.

- Một số thiết bị dạy học lâu ngày đã có dấu hiệu xuống cấp hoặc không còn chính xác nên trong quá trình sử dụng gặp nhiều hạn chế;

- Số lượng các thiết bị dạy học giáo viên tự làm còn ít về số lượng, chưa phong phú đa dạng, tính thẩm mỹ và chưa cao.

- Việc bố trí dụng cụ, thiết bị làm việc của Văn phòng còn chưa ngăn nắp, khoa học.

- Một số HS chưa ý thức cao trong việc giữ gìn vệ sinh chung.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường luôn xác định tầm quan trọng của ba yếu tố cơ bản là nhà trường, gia đình và xã hội. Điều đó có nghĩa là muốn giáo dục trẻ có hiệu quả, cần xây dựng mối quan hệ gắn bó, bền chặt của ba yếu tố trên. Nhận thức rõ vấn đề đó, Trường Trung học cơ sở Tân Hộ Cơ đã xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục HS. Nhà trường và CMHS thường xuyên trao đổi những vấn đề cùng quan tâm như chương trình sách giáo khoa 2018, cách đánh giá xếp loại học sinh, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; giáo dục kỹ năng sống; chăm sóc sức khỏe, phòng tránh tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn... CMHS cùng với GVCN tổ chức các cuộc họp định kỳ. Trao đổi qua điện thoại, tin nhắn, website, ... Trên thực tế, việc phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, giúp nhà trường từng bước giữ vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1.1. Mức 1

a) Đầu năm học các lớp tổ chức họp CMHS, bầu BDD CMHS của từng lớp. BDD CMHS của lớp gồm có 03 thành viên [H4-4.1-01]. BDD CMHS các lớp bầu ra BDD CMHS toàn trường trong Hội nghị CMHS để phối hợp với nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục (Gồm có 01 trưởng ban, 01 phó ban và 3 thành viên) [H4-4.1-02]. BDD CMHS do Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã chuẩn y [H4-4.1-03]. BDD CMHS của trường tổ chức họp định kỳ ba lần trong năm: vào đầu năm học, cuối học kỳ I, cuối năm học và đột xuất khi cần, tỷ lệ BDD các lớp họp trên 60%. Nội dung họp của lớp đầu năm thông tin về tình hình lớp, nhà trường, công tác dạy và học, công tác thực hiện các khoản thu và việc phối hợp trong giáo dục HS. Sau khi kết thúc học kỳ I, báo cáo tình hình học tập của HS, kết quả thực hiện hoạt động, định hướng nội dung trọng tâm của học kỳ II. Cuối năm đánh giá công tác hoạt động năm học, đề ra những nhiệm vụ trọng tâm của năm học mới. Ngoài ra còn tham gia công tác giáo dục đạo đức HS; hỗ trợ công tác bồi dưỡng HS giỏi, giúp đỡ HS yếu kém, giúp đỡ HS nghèo, HS có hoàn cảnh khó khăn, giải quyết các kiến nghị của CMHS.

b) Sau khi được thành lập, BDD CMHS tổ chức họp và xây dựng kế hoạch hoạt động có phân công nhiệm vụ các thành viên trong BDD CMHS của trường, đề ra những nội dung hoạt động của BDD trường trong năm học như: công tác phối hợp với nhà trường tuyên truyền an toàn giao thông, phòng chống vi phạm pháp luật, giáo dục đạo đức tác phong, rèn kỹ năng sống cho HS, vận động HS ra lớp, chế độ hội họp, việc vận động quỹ hội, phân bổ chi tiền vận động, phân công các thành viên phụ trách theo địa bàn ấp, công tác khen thưởng HS đạt thành tích cao trong học tập, tham gia các hội thi, cuộc thi các cấp [H4-4.1-04]

c) BDD CMHS đã thực hiện tốt các kế hoạch của mình thông qua việc phối, kết hợp với Hiệu trưởng, GVCN, giáo viên bộ môn, đoàn thể. Cùng đơn vị thực hiện tốt việc giáo dục HS thực hiện quy định, nội quy của trường, lớp, không vi phạm pháp luật, phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn trong trường học; tham gia vận động HS bỏ học trở lại lớp; kịp thời phản ánh những nguyện vọng, ý kiến của CMHS đến lãnh đạo nhà trường; hỗ trợ nhà trường trong các phong trào tổ chức trong và ngoài nhà trường như: Cắm trại xuân [H4-4.1-05], tìm hiểu địa chỉ đỏ Địa đạo Củ Chi, tìm hiểu về cột mốc biên giới giữa Việt Nam và Campuchia trên địa bàn Ấp Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ.. [H4-4.1-06], Các kế hoạch đều được thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả qua báo cáo của nhà trường và BDD CMHS [H4-4.1-07.]

1.2. Mức 2

BDD CMHS và BGH có xây dựng quy chế phối hợp [H4-4.1-08], qua đó góp phần có hiệu quả và đạt mục tiêu đề ra của kế hoạch trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học như: Phối hợp với Công An xã Tân Hộ Cơ thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trật tự an toàn giao thông vào đầu năm học [H4-4.1-09]; Thực hiện công tác xã hội trong trường học, tư vấn tâm lí, tư vấn học đường [H4-4.1-10]; Phối hợp với Trạm Y tế xã Tân Hộ Cơ chăm lo quản lý sức khỏe HS [H4-4.1-11]; Vận động nguồn hỗ trợ HS khó khăn tham gia bảo hiểm [H4-4.1-12]; Giáo dục kỹ năng sống [H4-4.1-13]; Tổ chức diễn đàn trẻ em [H4-4.1-14]; Chăm lo những em có hoàn cảnh khó khăn, động viên, giúp đỡ HS nghèo cố gắng học tập, hỗ trợ dụng cụ học tập cho HS xuyên suốt trong năm học [H4-4.1-15]; Nhà trường phối hợp với CMHS vận động HS đã bỏ học, có nguy cơ bỏ học trở lại lớp được 03/05 trường hợp/năm học, trong đó có 02 trường hợp chưa vào lớp học là do các em theo gia đình đi khỏi địa phương vì gia đình khó khăn về kinh tế [H4-4.1-16].

Hình thức tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS thông qua các buổi họp, niêm yết văn bản tại các bảng thông tin, tuyên truyền dưới sân cờ...[H4-4.1-17],

1.3. Mức 3

BDD CMHS thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động đúng quy định theo Điều lệ; Công tác phối hợp giữa BDD và nhà trường đạt hiệu quả đáng ghi nhận[H4-4.01-08]. Trong các năm qua, nhà trường không có HS vi phạm đạo

đức, vi phạm pháp luật, vi phạm an toàn giao thông phải xử lý luật buộc thôi học [H4-4.01-07]. Bên cạnh đó, BDD còn vận động các ban ngành đoàn thể, các mạnh thường quân trong và ngoài xã ủng hộ, giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn về học bổng, tập, viết, quần áo, xe đạp, BHYT; vận động kinh phí khen thưởng đối với những HS tham gia các hội thi cấp huyện, tỉnh đạt giải; tổng số tiền vận động được 192.700.000.000 đồng/năm học 2023-2024 [H4-4.1-15]; Với thực trạng là xã rập biên giới với nước bạn Campuchia, phụ huynh phải đi làm kinh tế nên trong các phiên họp phụ huynh của BDD lớp, phụ huynh trong BDD trường còn vắng nhiều.

2. Điểm mạnh

Có BDD CMHS được thành lập ở từng lớp, BDD CMHS của Trường được thành lập đúng theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011. BDD CMHS được tổ chức và hoạt động đúng theo Điều lệ BDD CMHS. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp cùng BDD CMHS hoạt động. Các cuộc họp được tổ chức đúng theo quy định của Điều lệ BDD CMHS.

BDD CMHS xây dựng kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung rõ ràng, phối hợp tốt với nhà trường trong các hoạt động chăm lo giáo dục, các chủ trương, chính sách liên quan đến HS.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong BDD CMHS của lớp, trường do bận công việc riêng nên các cuộc họp lệ định kỳ trong năm đôi khi có mặt không đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng phối hợp với BDD CMHS chọn ngày họp định kỳ phù hợp để đảm bảo các thành viên BDD đều có thể dự họp đầy đủ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

c) *Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

b) *Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhằm thực hiện các kế hoạch giáo dục của nhà trường. Hằng năm, nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thông qua cuộc họp trực tiếp và các báo cáo với Đảng ủy, UBND xã Tân Hộ Cơ bằng văn bản về kế hoạch năm học, công tác hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn và các giải pháp phối hợp để phát triển nhà trường [H4-4.2-01], công tác huy động HS đến trường [H4-4.2-02].

b) Hằng năm, trong “tuần lễ sinh hoạt học đường” [H2-2.4-01], trong các buổi sinh hoạt chào cờ hàng tuần, các buổi họp BDD CMHS, các bài đăng tin trên Website... nhà trường thường xuyên tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục như: Mục tiêu kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học [H4-4.2-01], lựa chọn sách giáo khoa chương trình GDPT

2018 [H4-4.2-03], kế hoạch vận động thu bảo hiểm HS để cho CMHS, cộng đồng biết và phối hợp với nhà trường thực hiện [H4-4.2-04]; [H4-4.01-17].

c) Hằng năm, nhà trường có phối hợp với BDD CMHS, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa bàn hỗ trợ cho HS của trường; Năm học 2023-2024 trường nhận được bằng tiền và hiện vật với tổng giá trị 192.700.000 đồng. Cụ thể như sau: Huyện ủy Tân Hồng 50 phần tập trị giá 5.000.000 đồng, Công ty Cỏ May 7 xe đạp điện trị giá 56.000.000 đồng, Cựu ho5csinh của trường 10 xe đạp và 100 phần quà trị giá 35.000.000 đồng, Chùa Hiếu Đức 200 bánh trung thu trị giá 6000.000, Tinh đoàn Đồng Tháp 8 xe đạp trị giá 8.000.000 đồng, SGD Đồng Tháp 8 bộ SGK trị giá 2.700.000 đồng, Hội khuyến học 600 tập trị giá 6.000.000 đồng, Hải quan Đồng Tháp 20 phần quà trị giá 5.000.000 đồng, Công đoàn Sở ngoại vụ Đồng Tháp 50 suất quà trị giá 20.000.000 đồng, Nhóm Thiện nguyện Minh Hiền (Cần Thơ)20 phần quà trị giá 8.000.000 đồng, Huyện đoàn Vĩnh Cửu (Đồng Nai) 21.000.000 đồng, Đoàn Thiện nguyện Nghĩa tình quê hương 6 xe đạp, 40 suất quà trị giá 15.000.000 đồng, Ngân hàng BIDV Tân Hồng 5.000.000 đồng... [H4-4.01-15]. Tất cả các nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân nhà trường sử dụng đúng quy định. Tuy nhiên công tác huy động các nguồn lực chưa đáp ứng đủ số lượng nhu cầu HS nghèo, khó khăn cần được hỗ trợ .

1.2. Mức 2

a) Nhằm thực hiện tốt các phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường trong giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030 nhà trường đã chủ động tham mưu với chính quyền địa phương để thực hiện tốt kế hoạch chiến lược của trường như: Phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức; xây dựng CSVC, trang thiết bị dạy học; ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý; công tác xã hội hóa giáo dục; tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường-gia đình-xã hội; đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục- xây dựng thương hiệu nhà trường. [H1-1.1-01].

b) Công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục và thể thao luôn được nhà trường quan tâm...chỉ đạo Liên đội phối hợp với các tổ chức, đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nội dung như: Phối hợp với Công An xã Tân Hộ Cơ thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trật tự an toàn giao thông vào đầu năm học [H4-4.01-09]; Tổ chức các hội thi văn nghệ theo chủ điểm, cắm trại xuân...[H4-4.1-05];

Tổ chức hội khỏe phù Đổng hàng năm ở cấp trường và tham gia cấp huyện [H5-5.1-06]. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức cho HS đến tìm hiểu cột mốc Biên giới Việt Nam-Campuchia nằm trên địa bàn ấp Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ, chăm sóc bia tưởng niệm Liệt sĩ xã Tân Hộ Cơ, đến thăm địa chỉ đỏ, thăm gia đình có công với cách mạng để giáo dục truyền thống cho các em [H4-4.1-06]. Ở nội dung này tuy có thực hiện nhưng hình thức hoạt động chưa có mô hình nổi bật để thật sự thu hút HS tham gia.

1.3. Mức 3

Nhà trường có tham mưu với UBND xã trong việc góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương qua các phiên họp trực tiếp qua báo cáo hàng tháng của nhà trường của chi bộ các nội dung như: Nhà trường đã tạo điều kiện cho các lớp võ cổ truyền được giảng dạy học tập tại trường, thanh thiếu niên trên địa bàn vào chơi thể thao mỗi buổi chiều ở sân cầu lông và sân bóng chuyền, các tổ chức đoàn thể của địa phương khi tham gia các hội thao do cấp trên phát động, tổ chức thường về sân trường tập luyện qua đó các hội thao, hội thi cụm xã Tân Hộ Cơ đạt nhiều thành tích cao: Năm 2024 cụm Công đoàn xã Tân Hộ Cơ đạt 5 giải nhất, 2 giải nhì, 01 giải ba hội thao 30/04; Cụm Công đoàn các trường xã Tân Hộ Cơ đạt 01 cúp vàng bóng chuyền hơi nữ, 02 giải nhất nhảy bao bố, 01 giải nhì môn kéo co kỷ niệm Chiến thắng Giồng Thị Đam-Gò Quản Cung [H4-4.2-05]. Trường có thư viện ngoài trời cho HS và người dân bên ngoài vào đọc sách, vui chơi.[H4-4.2-06]. Ở nội dung này tuy có thực hiện nhưng chưa xây dựng kế hoạch thành lập, quy chế hoạt động cho các CLB, hội nhóm.

Nhà trường có phối hợp cùng Công đoàn thực hiện công trình “ Thiết chế thể thao trường học” [H4-4.2-07], hàng năm đều có đăng kí thực hiện xây dựng đơn vị văn hóa và được công nhận đơn vị đạt chuẩn văn hóa. [H4-4.2-8].

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch cụ thể để thực hiện tiến trình nâng cao chất lượng giáo dục, và phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường giai đoạn 2020- 2025 và tầm nhìn 2030.

Kết hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường thực hiện tốt công tác vận động, huy động các nguồn lực để kịp thời giúp đỡ những HS có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

Thực hiện tốt công tác tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, phối hợp thường xuyên, hiệu quả với các tổ chức đoàn thể cá nhân ở địa phương nhằm tạo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn nâng cao hiệu quả giáo dục, từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

3. Điểm yếu

Các hình thức hoạt động giáo dục tuyên truyền theo chủ đề, tuyên truyền truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho HS chưa phong phú, chưa có mô hình nổi bật để thật sự thu hút HS tham gia.

Có các CLB, hội nhóm là người dân, Cán bộ, viên chức ở địa phương vào trường tham gia TĐTT, đọc sách nhưng nhà trường chưa có xây dựng kế hoạch thành lập, quy chế hoạt động cho các CLB, hội nhóm để tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã phối hợp thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên Tổng phụ trách Đội, GVCN tổ chức nhiều hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc qua các hoạt động giáo dục địa phương; hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa trong năm học 2024-2025.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch theo giai đoạn, tham mưu cho Đảng ủy, chính quyền địa phương xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục trong thời gian năm học 2024-2025; 2025-2026.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

*** Điểm mạnh**

- Trường thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; được Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể địa phương quan tâm giúp đỡ; được CMHS gắn bó và hỗ trợ hiệu quả trong các hoạt động giáo dục góp phần hoàn thành mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

- Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các đoàn thể ở địa phương, với BDD CMHS về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường, đã tranh thủ được sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự quan tâm ủng hộ của địa phương về những chủ trương lớn của nhà trường.

*** Điểm yếu**

Các thành viên trong BDDCMHS không cùng ngành nghề, không cùng địa bàn sinh sống nên các cuộc họp lệ định kỳ trong năm đôi khi có mặt không đầy đủ.

Hình thức hoạt động giáo dục tuyên truyền theo chủ điểm, tuyên truyền truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho HS chưa phong phú, chưa có mô hình nổi bật để thật sự thu hút HS tham gia.

Nhà trường chưa có xây dựng kế hoạch thành lập, quy chế hoạt động cho các CLB, hội nhóm để tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã phối hợp thực hiện.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Thường xuyên tổ chức hội thảo chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục địa phương và công tác hướng nghiệp, phân luồng HS sau tốt nghiệp THCS đảm bảo đúng qui định. Các hoạt động giáo dục ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đặc biệt nhà trường luôn quan tâm công tác bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS Yếu, Kém/Chưa đạt. Tổ chức thực hiện tốt công tác duy trì chuẩn phổ cập giáo dục THCS. Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn ổn định và tăng dần qua từng năm học, từ đó từng bước nhà trường đã tạo được uy tín và niềm tin đối với CMHS tại địa phương.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Mức 4

Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường tổ chức dạy đúng và đầy đủ các môn học bắt buộc theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 gồm các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, tiếng Anh, Công nghệ, Giáo dục công dân, Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tin học và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 gồm các môn Toán, Khoa học tự nhiên, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, tiếng Anh, Công nghệ, Giáo dục công dân, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Tin học, Giáo dục địa

phương, Hoạt động trải nghiệm - Hướng nghiệp **[H5-5.1-01]**. Ngoài ra, trường còn tổ chức các hoạt động giáo dục như giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với khối 9 và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp khối 6, 7, 8; giáo dục hướng nghiệp lớp 9; giáo dục kỹ năng sống bằng nhiều hình thức trong chính khóa, ngoại khóa, trải nghiệm thực tế đảm bảo mục tiêu giáo dục đề ra. **[H5-5.1-02]**.

b) Khi thực hiện giảng dạy các môn học, tổ chức các hoạt động, giáo viên sử dụng nhiều phương pháp dạy học phù hợp như phương pháp đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, phương pháp vấn đáp, phương pháp sắm vai, đồng thời giáo viên vận dụng các phương pháp dạy học tích cực như: trực quan, hoạt động nhóm, trò chơi, giải quyết vấn đề, Giáo viên luôn chú ý liên hệ thực tế phù hợp với nội dung bài dạy để HS có thể nhận biết, vận dụng được kiến thức mới thực tiễn đời sống, đồng thời giáo viên cũng tích hợp và lồng ghép các nội dung cần thiết nhằm tăng thêm kiến thức có liên quan để giáo dục toàn diện HS. Trong các tiết dạy, giáo viên luôn chú trọng việc lấy HS làm trọng tâm, phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của HS, rèn kỹ năng tư duy cho HS thông qua việc cho HS độc lập suy nghĩ, thảo luận nhóm, phân phối thời gian hợp lý giữa cung cấp kiến thức với thực hành bài tập để HS có thể vận dụng kiến thức, rèn kỹ năng ngày càng tốt hơn. Giáo viên hướng dẫn giúp HS có phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm thông qua phương pháp thảo luận nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn **[H5-5.1-03]**.

c) Trong quá trình dạy học giáo viên thực hiện đổi mới đánh giá thường xuyên bằng các hình thức khác nhau: đánh giá thông qua việc quan sát các hoạt động dạy học trên lớp, đánh giá qua hồ sơ, sản phẩm học tập, qua báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm. Thực hiện đánh giá HS bằng hình thức nhận xét kết quả học tập đối với các môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật); Thể dục (Giáo dục thể chất); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục địa phương. Kết hợp đánh giá bằng hình thức cho điểm và nhận xét kết quả học tập đối với môn tất cả các môn học còn lại. Bên cạnh đánh giá bằng điểm số thông qua các bài kiểm tra, giáo viên còn có nội dung nhận xét về ưu điểm, khuyết điểm và lời động viên chỉ dẫn học sinh học tốt hơn nữa; Giáo viên phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá, qua đó điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập. Ngoài ra trong kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, nhà trường tổ chức kiểm tra tập trung các môn học ở tất cả các khối lớp, các HS cùng khối lớp được chia thành các phòng kiểm tra, sắp xếp

theo thứ tự a,b,c; các HS sẽ được kiểm tra chung đề và chấm chung theo phòng sau khi được cắt phách nhằm đảm bảo khách quan và hiệu quả [H5-5.1-04].

1.2. Mức 2

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch thời gian, kế hoạch giáo dục năm học triển khai thực hiện chương trình đảm bảo đúng tiến độ thời gian, thời lượng giáo dục cho toàn trường [H5-5.1-05]; [H1-1.8-01]; [H1-1.4-03]. Trên cơ sở đó, giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS theo đặc thù môn học, phù hợp với điều kiện nhà trường [H1-1.8-02]; [H1-1.4-05]. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên chưa linh hoạt trong việc phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp, hình thức dạy học, nên chưa phát huy được khả năng diễn thuyết và khả năng phản biện của HS trước những tình huống thực tế.

b) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức kì thi HS giỏi các môn văn hóa và kế hoạch tổ chức Hội khỏe phù đồng cấp trường. Qua đợt tổ chức nhà trường phát hiện HS có năng khiếu các môn văn hóa, năng khiếu các môn thể thao, trên cơ sở đó Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập đội tuyển. Phân công giáo viên bồi dưỡng dự thi cấp Huyện, Tỉnh [H5-5.1-06]. Bên cạnh đó, chỉ đạo tất cả giáo viên bộ môn có rà soát, nếu phát hiện những HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện đối với môn mình phụ trách, thì lập kế hoạch phụ đạo kịp thời. Cụ thể, sau kết quả kiểm tra giữa học kì I, giáo viên các bộ thống kê những HS Yếu- Kém/Chưa đạt lập kế hoạch phụ đạo cụ thể để giúp các em phấn đấu vươn lên trong học tập kết quả đạt từ mức Trung bình/Đạt trở lên, nhằm đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra đối với từng bộ môn [H5-5.1-07].

1.3. Mức 3

Hằng năm, trong các cuộc họp tổ trưởng, họp hội đồng sư phạm, các buổi sơ kết, tổng kết nhà trường đều tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá việc thực hiện chương trình, thực hiện kế hoạch dạy học đến từng thời điểm. Trên cơ sở đó, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp đã triển khai và đưa ra các giải pháp mới nhằm từng bước nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, HS [H5-5.1-08].

1.4. Mức 4

Nhà trường thực hiện đúng theo quy định về chương trình, kế hoạch giáo dục do Bộ Giáo dục quy định. Nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS, đảm bảo theo chuẩn kiến thức kỹ năng theo quy định. Tuy nhiên kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Có kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu. Giáo viên thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá HS góp phần ổn định và nâng dần chất lượng giáo dục qua từng năm học. Định kỳ hàng tháng qua các đợt sơ kết, tổng kết nhà trường đều thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả tác động của các biện pháp, giải pháp thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn nhằm rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời các giải pháp để tổ chức thực hiện tốt hơn trong năm học tiếp theo.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên chưa mạnh dạn thay đổi phương pháp và kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo HS. Một số giáo viên chưa linh hoạt trong việc phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp, hình thức dạy học, nên chưa phát huy được khả năng diễn thuyết và khả năng phản biện của HS trước những tình huống thực tế. Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có điều kiện để tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để đưa vào kế hoạch giáo dục phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tăng cường tuyên truyền quán triệt cho đội ngũ giáo viên thấy được ý nghĩa, sự cần thiết, tính hiệu quả của việc đổi mới, đa dạng hóa các phương pháp và kỹ thuật dạy học để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo HS. Chỉ đạo Tổ chuyên môn tăng cường dự giờ, thảo giảng, góp ý chia sẻ kinh nghiệm tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện nhuần nhuyễn và đa dạng phương pháp, hình thức dạy học nhằm

thu hút HS tham gia, từ đó giúp cho các em HS luôn tự tin trước đám đông, có khả năng phản biện trước những tình huống thực tế. Trong kế hoạch giáo dục của nhà trường sẽ đưa thêm vào nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước khu vực, cụ thể như mô hình dạy học thông minh, dạy học Stem . . .

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

Mức 4

Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường có xây dựng kế hoạch giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Kế hoạch có xác định được mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung thực hiện phù hợp với tình hình thực tế nhà trường. **[H5-5.2-01]**.

b) Đối với HS có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường thường xuyên chỉ đạo GVCN và Tổng phụ trách đội quan tâm, trao đổi, chia sẻ hoàn cảnh của các em, kịp thời có biện pháp giúp đỡ các em trong học tập, cụ thể hỗ trợ dụng cụ học tập, học bổng, xe đạp, tặng bảo hiểm y tế . . . miễn giảm học phí, cấp bù chi phí học tập cho HS hộ nghèo, cận nghèo. Đối với HS có năng khiếu, nhà trường giao cho giáo viên bộ môn trực tiếp giảng dạy phát hiện, nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng qua quá trình học tập trong thời gian chính khóa, trường thành lập đội tuyển của trường tham gia kì thi HS giỏi và cuộc thi cấp huyện, cấp tỉnh như vẽ tranh, văn nghệ và các giải thể thao do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức. Đối với HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường chỉ đạo giáo viên bộ môn có biện pháp giúp đỡ HS yếu kém trong học tập như phân nhóm có HS giỏi kèm HS yếu, tổ chức ôn tập kiến thức cơ bản ngay trong giờ học; thực hiện dạy trái buổi rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức bài dạy vào cuộc sống. GVCN thường xuyên khuyến khích động viên, phối hợp chặt chẽ với gia đình HS học yếu kém, phối hợp với Liên đội trường xây dựng các phong trào “Đôi bạn cùng tiến” để giúp đỡ HS học yếu, kém. Kết quả thực hiện qua các năm học đều đạt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra **[H5-5.2-02]**.

c) Sau mỗi lần tổng kết các đợt điểm, kết thúc kì thi, cuộc thi cấp trường, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện rà soát đánh giá rút kinh nghiệm công tác tổ chức bồi dưỡng cho HS giỏi, HS năng khiếu, HS khó khăn trong học tập và từ đó đưa ra biện pháp, giải pháp thực hiện khả thi hơn. Kết quả thực hiện sau khi rà soát và đánh giá cụ thể, về số lượng HS giỏi, HS năng khiếu đạt được với tỉ lệ luôn ổn định và có chiều hướng tăng dần qua từng năm và số lượng HS Yếu, Kém/Chưa đạt giảm dần theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra **[H5-5.2-03]**. Tuy nhiên hàng năm nhà trường vẫn còn một số HS yếu, kém/chưa đạt và HS lưu ban (tỉ lệ dưới 2,0%).

1.2. Mức 2

Trong các năm học qua, hầu hết HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đều được nhà trường quan

tâm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Kết quả qua từng năm các mục tiêu, chỉ tiêu đều đạt theo kế hoạch của nhà trường đề ra, cụ thể như: HS có hoàn cảnh khó khăn được nhiều tổ chức, cá nhân hỗ trợ và giúp đỡ; HS năng khiếu và HS giỏi từng kì thi, hội thi đều đạt giải [H1-1.1-03]; [H5-5.2-04].

1.3. Mức 3

Trong các năm qua nhà trường có HS năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Cụ thể năm học 2023 - 2024: Kì thi HS giỏi môn văn hóa cấp Huyện đạt 21 giải; Kì thi HS giỏi cấp Tỉnh đạt 02 giải khuyến khích; Hội thi khoa học kĩ thuật cấp Huyện đạt 03 giải khuyến khích; Hội thi Hùng biện tiếng Anh cấp Huyện đạt 03 giải Nhất và 01 giải Ba; Hội thi Hùng biện tiếng Anh cấp Tỉnh đạt 02 giải Nhì và 02 giải Khuyến khích; Cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp cấp Tỉnh đạt 01 giải Nhất; 01 giải Ba và 02 giải Khuyến khích; Hội khỏe phù đồng cấp Huyện đạt giải Nhì toàn đoàn. Hội thi “ Văn hóa đọc” cấp Huyện đạt 01 giải Nhì, 01 giải Ba; Cuộc thi Đại sứ học đường cấp Huyện đạt giải Khuyến khích; Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp Huyện đạt 01 giải Ba và 01 giải khuyến khích [H5-5.2-05]. Tuy nhiên kết quả kì thi HS giỏi môn văn hóa cấp Tỉnh số lượng HS đạt giải chưa ổn định, tỉ lệ đạt giải còn thấp.

1.4. Mức 4

Trong các năm qua nhà trường chưa đảm bảo 100% HS có hoàn cảnh khó khăn, có năng khiếu hoàn thành kết quả học tập theo chỉ tiêu kế hoạch giáo dục đề ra.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, cơ bản đáp ứng được mục tiêu giáo dục. Tổ chức tham gia đầy đủ các kì thi, hội thi phong trào cấp Huyện, Tỉnh. Kết quả HS năng khiếu và HS giỏi từng kì thi, hội thi, phong trào đều đạt giải. Duy trì thực hiện tốt công tác định kỳ rà soát, đánh giá kết quả học tập văn hóa của HS. Kết quả tỉ lệ HS giỏi đạt được luôn ổn định và có chiều hướng tăng dần, đối với tỉ lệ HS lưu ban, HS yếu kém giảm được dần qua từng năm học (đạt dưới 2%).

3. Điểm yếu

Hằng năm nhà trường vẫn còn một số HS yếu, kém/chưa đạt và HS lưu ban (tỉ lệ dưới 2,0%). Kết quả kì thi HS giỏi môn văn hóa cấp Tỉnh số lượng HS đạt giải chưa ổn định, tỉ lệ đạt giải còn thấp. Kết quả giáo dục chưa đảm bảo 100% HS có hoàn cảnh khó khăn, có năng khiếu hoàn thành kết quả học tập theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng chỉ đạo các Tổ chuyên môn và giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu, kém/chưa đạt, HS có hoàn cảnh khó khăn, có năng khiếu cần đề ra giải pháp cụ thể phù hợp từng đối tượng HS, để thực hiện có hiệu quả hơn. Đặc biệt tạo điều kiện cho giáo viên tham gia tập huấn, học tập kinh nghiệm ở trường bạn về công tác bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn và đồng thời luôn quan tâm cải thiện chế độ khen thưởng khích lệ cho giáo viên theo thành tích đạt được trong công tác bồi dưỡng HS giỏi. Từ đó, tạo động lực cho đội ngũ giáo viên trong công tác bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS yếu kém/chưa đạt, nhằm từng bước nâng cao chất lượng kết quả kì thi HS giỏi và kết quả học tập của từng HS có hoàn cảnh khó khăn đạt hiệu quả hơn trong những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Nhà trường xây dựng Kế hoạch giáo dục địa phương cho lớp 6,7, 8 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nội dung giảng dạy theo hướng dẫn sử dụng tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp ban hành bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp... của địa phương. Đối với lớp 9 triển khai thực hiện hình thức dạy học tích hợp vào chương trình chính khóa ở các môn Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục, Công nghệ theo công văn 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GDĐT [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]. Tuy nhiên Hoạt động Giáo dục địa phương của nhà trường phần lớn chỉ tổ chức giảng dạy trên lớp, việc tổ chức cho HS đi tham quan thực tế theo nội dung bài học còn ít.

b) Nhà trường chỉ đạo giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá đối với lớp 6, 7, 8 khuyến khích thông qua bài thực hành, dự án học tập trên lớp dưới nhiều hình thức như cá nhân, nhóm. Đối với lớp 9 nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện lồng ghép vào bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ để kiểm tra, đánh giá HS [H5-5.3-03].

c) Hằng năm, vào cuối năm học nhà trường đều có chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát, đánh giá việc tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương trong năm có phù hợp không từ đó đề xuất nội dung cần được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị [H5-5.3-04]. Tuy nhiên công tác đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương, các tổ chuyên môn báo cáo còn chậm thời gian theo quy định.

1.2. Mức 2

Nhà trường xây dựng và tổ chức triển khai việc giảng dạy chương trình giáo dục địa phương có nội dung phù hợp với mục tiêu từng môn học và gắn lý luận với thực tiễn, gắn với thực trạng tại địa phương, tạo hứng thú, động lực học tập cho HS: Đối với môn Mĩ thuật, Lịch sử và Địa lí, giáo viên bộ môn tổ chức cho HS được đến tìm hiểu và chăm sóc khu tưởng niệm xã Tân Hộ Cơ, khu di tích Gò Quảng Cung – Giồng Thị Đam, tổ chức cho HS nghiên cứu về đặc điểm các loại cây trồng, vật nuôi ở tỉnh Đồng Tháp; Đối với môn Ngữ văn, Âm nhạc tích hợp giáo

dục địa phương được thực hiện qua việc tổ chức cho HS tìm hiểu về hò, ca dao Đồng Tháp; Đối với môn GDCD giáo viên bộ môn tạo điều kiện cho HS giới thiệu về truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ ở địa phương; Đối với môn Công nghệ, giáo viên bộ môn tổ chức cho HS trồng và chăm sóc cây xanh [H5-5.3-05]. Từ đó kích thích, giáo dục HS lòng yêu quê hương đất nước, tự hào về truyền thống dân tộc, giúp việc giảng dạy giáo dục địa phương thực hiện đúng mục tiêu môn học là gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

2. Điểm mạnh

Thực hiện chương trình giáo dục địa phương nghiêm túc theo quy định, bám sát chỉ đạo chuyên môn của ngành. Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Nội dung giáo dục địa phương được đánh giá, rút kinh nghiệm và có điều chỉnh qua từng năm học, nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

3. Điểm yếu

Hoạt động Giáo dục địa phương của nhà trường phần lớn chỉ tổ chức giảng dạy trên lớp, việc tổ chức cho HS đi tham quan thực tế theo nội dung bài học còn ít. Công tác đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục quan tâm tạo điều kiện thuận lợi, để giáo viên đề xuất tổ chức cho HS đi tham quan thực tế nhiều hơn nữa các khu di tích lịch sử, khu văn hóa của địa phương. Chỉ đạo Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn hướng dẫn, kiểm tra giám sát, đôn đốc nhắc nhở đối với các tổ chuyên môn và giáo viên phải chủ động thực hiện việc đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương một cách kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) *Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2

a) *Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*

b) *Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hàng năm, nhà trường chủ động xây dựng các kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Cụ thể: kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục (gồm kế hoạch hoạt động NGLL, kế hoạch dạy hướng nghiệp HS lớp 9) [H5-5.4-01]; kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS lớp 6, 7, 8, 9 [H5-5.4-02].

b) Mỗi năm học, nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS tham gia, tìm hiểu, mở rộng thêm kiến thức bộ môn và định hướng nghề nghiệp, rèn kỹ năng sống. Các kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức trong và ngoài nhà trường với các hình thức hoạt động sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề. Phối hợp với trường Trung cấp Hồng Ngự, Trung tâm giới thiệu dịch vụ việc làm Đồng Tháp, Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp tổ chức tư vấn hướng nghiệp phân luồng HS sau tốt nghiệp THCS [H5-5.4-03].

c) Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, hằng năm Hiệu trưởng phân công cán bộ quản lý, giáo viên đảm nhận việc tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với năng lực HS, cụ thể như: Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Hoạt động trải nghiệm và Hướng nghiệp do GVCN thực hiện; Hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho HS lớp 9 do Phó Hiệu trưởng thực hiện [H5-5.4-04].

1.2. Mức 2

a) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức nhiều hình thức phong phú phù hợp với HS như: Tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp tại sân cờ

và trong lớp học. Hàng năm, Hiệu trưởng phối hợp với Trường Trung cấp Hồng Ngự, Trung tâm dịch vụ việc làm Đồng Tháp và Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp tổ chức cho HS lớp 9 tham quan trải nghiệm thực tế ít nhất 01 lần/năm. Năm học 2023 – 2024, HS của trường được tham quan Công ty Nhật Huy Khang, thành phố Hồ Chí Minh để có cơ hội định hướng nghề nghiệp đa dạng hơn. Từ đó, giúp cho HS cơ bản định hướng được nghề nghiệp tương lai [H5-5.4-05]. Tuy nhiên vẫn còn một số HS chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của hoạt động hướng nghiệp nên ít quan tâm, thường vắng trong các buổi tổ chức hoạt động. Ngoài ra số lần tổ chức tham quan trải nghiệm thực tế trong năm học còn ít, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của HS.

b) Sau mỗi học kì, trong các buổi họp tổ trưởng chuyên môn, họp chủ nhiệm hay trong cuộc họp hội đồng sư phạm Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức đánh giá, rà soát lại các kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để rút kinh nghiệm điều chỉnh, bổ sung phù hợp trong các lần tổ chức sau đảm bảo an toàn, hiệu quả hơn [H5-5.4-06].

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch. Có phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

3. Điểm yếu

Còn một số HS chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của hoạt động hướng nghiệp nên ít quan tâm, thường vắng trong các buổi tổ chức hoạt động. Số lần tổ chức tham quan trải nghiệm thực tế trong năm học còn ít, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường phân công các Phó Hiệu trưởng, GVCN tổ chức đa dạng các hình thức tư vấn hướng nghiệp, nhằm thu hút HS tham gia đầy đủ; tăng cường công tác tuyên truyền đến HS, CMHS lợi ích của việc định hướng nghề nghiệp khi còn ngồi trên ghế nhà trường để hạn chế thấp nhất số lượng HS sau tốt nghiệp THCS không tham gia học tại các cơ

sở giáo dục trong và ngoài tỉnh phải đi lao động kiếm sống khi không có nghề và đồng thời luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi tổ chức nhiều đợt tham quan trải nghiệm thực tế tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của HS.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

Mức 4

Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường có lập kế hoạch định hướng giáo dục HS hình thành, phát triển các kỹ năng sống, cụ thể như: Kỹ năng giáo dục giới tính và hướng dẫn phòng chống xâm hại tình dục trẻ em dành cho HS Trung học cơ sở; Kỹ năng phòng chống đuối nước; Kỹ năng tự bảo vệ và chăm sóc bản thân; Kỹ năng sử dụng điện an toàn; Kỹ năng quản lý cảm xúc; Kỹ năng phòng chống cháy nổ; Kỹ năng giao tiếp trong học đường . . . phù hợp với khả năng của HS, điều kiện của nhà trường và địa phương **[H5-5.5-01]**.

b) Nhà trường phối hợp với các ban ngành đoàn thể trong và ngoài huyện tổ chức các hoạt động như tuyên truyền, giáo dục kỹ năng sống thông qua hình thức tổ chức chào cờ hàng tuần, các buổi giao lưu, nói chuyện chuyên đề . . . Từ đó kịp thời xử lý các vi phạm của HS nhằm giúp cho các em có suy nghĩ và hành động đúng đắn, chuẩn mực, từ đó quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật của HS có chuyển biến tích cực, hiệu quả **[H5-5.5-02]**.

c) Qua các buổi tuyên truyền giáo dục về kỹ năng sống, đa số các em biết lĩnh hội, tiếp thu, từ đó HS hình thành kỹ năng biết cách kiềm chế khi xung đột với bạn, biết tuân thủ an toàn giao thông, biết cách phòng chống đuối nước,... Ngoài ra trong quá trình học tập và thông qua các hoạt động như ngoài giờ lên lớp, hoạt động Đoàn Đội tại nhà trường, HS từng bước hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống phù hợp với pháp luật và phong tục, tập quán, văn hóa con người Việt Nam **[H5-5-05-03]**. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít HS vi phạm nội quy bị nhắc nhở, phê bình hàng tuần.

1.2. Mức 2

a) Qua hoạt động dạy và học của nhà trường và tuần lễ sinh hoạt đầu năm, giáo viên triển khai đến HS các văn bản hiện hành liên quan đến đánh giá HS qua quá trình rèn luyện và học tập tại nhà trường như các Thông tư về quy chế đánh giá xếp loại HS, Điều lệ trường phổ thông. Trong từng môn học, giáo viên có xây dựng tiêu chí đánh giá và HS tự nhận xét, đánh giá theo các tiêu chí này. Trong giờ sinh hoạt lớp, giờ hoạt động ngoại khóa, GVCN thông qua nội quy lớp học, hướng dẫn xếp loại kết quả rèn luyện/hạnh kiểm, quy trình xử lý kỷ luật HS. Từ đó HS biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của bản thân và của bạn bè. Từng bước hình thành kỹ năng biết tự nhận xét và đánh giá rèn luyện để phát triển toàn diện. Kết quả rèn luyện/hạnh kiểm của HS hàng năm đều đạt chỉ tiêu đề ra **[H5-5.5-**

04].

b) Nhà trường thường xuyên đưa những kiến thức đã học vận dụng vào thực tiễn, lồng ghép vào tiết dạy chính khóa, vào hoạt động ngoài giờ lên lớp, phần lớn HS tiếp thu kiến thức và từng bước vận dụng kiến thức có hiệu quả vào trong đời sống thực tiễn thông qua việc kiểm tra, đánh giá sản phẩm, dự án và kết quả của bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ của HS có nội dung vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kết quả đa số HS đều vận dụng tốt các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống thực tế [H5-5.1-04].

1.3. Mức 3

Bước đầu, một số HS có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của giáo viên, cụ thể như phân công giáo viên chọn HS có năng khiếu hướng dẫn các em nghiên cứu khoa học, công nghệ tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật, cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp và cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng,... Với sự theo sát, hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên bộ môn, cùng với sự nỗ lực ham học hỏi, đam mê tìm tòi nghiên cứu của các em HS trong một số cuộc thi đã mang lại kết quả khả quan. Kết quả cụ thể có tổng cộng 29 HS tham cuộc thi cấp Huyện và cấp Tỉnh với sự hướng dẫn nhiệt tình của 19 lượt giáo viên [H5-5.5-05]. Tuy nhiên khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ chỉ có ở số ít HS, đa số các em còn lúng túng, khó khăn trong hoạt động này.

1.4. Mức 4

Hằng năm nhà trường đều có HS tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Kết quả tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật, Ý tưởng khởi nghiệp và Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng đạt 14 giải cấp Huyện và 07 giải cấp Tỉnh. Cụ thể đối với cuộc thi Khoa học kỹ thuật: Năm học 2019 – 2020 cấp Huyện đạt 01 giải Ba, cấp Tỉnh đạt 01 giải Nhì; Năm học 2020 – 2021 cấp Huyện đạt 01 giải khuyến khích. Năm học 2021 – 2022 cấp huyện đạt 02 giải Ba và 02 giải khuyến khích; Cấp Tỉnh đạt 01 giải Nhì và 01 giải Ba. Năm học 2022 – 2023 cấp Huyện đạt 03 giải khuyến khích (02 cá nhân, 01 tập thể); Năm học 2023 – 2024 cấp Huyện 04 giải khuyến khích (03 tập thể; 01 cá nhân). Đối với cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp năm học 2023 – 2024 đạt 04 giải cấp Tỉnh (01 giải Nhất, 01 giải Ba; 02 giải Khuyến khích). Đối với cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên đồng năm 2024 cấp Huyện đạt 01 giải Ba

và 01 giải Khuyến khích [H5-5.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch giáo dục HS hình thành và phát triển kỹ năng sống thông qua các môn học, hoạt động ngoài giờ lên lớp,... qua đó HS tự biết cách đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của mình. Đạo đức, lối sống của HS từng bước được phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán của địa phương và nội quy của nhà trường. Các hoạt động nghiên cứu khoa học được nhà trường triển khai thực hiện tốt. Kết quả có nhiều HS tham gia và hằng năm đều đạt giải cấp huyện, tỉnh. Qua đó cho thấy HS có khả năng vận dụng kiến thức đã được trang bị để nghiên cứu thành công nhiều dụng cụ gắn liền với thực tiễn.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn một số HS vi phạm nội quy bị nhắc nhở, phê bình hàng tuần. Khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ chỉ có ở số ít HS, đa số các em còn lúng túng, khó khăn trong hoạt động này.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng trường tăng cường chỉ đạo Tổ tư vấn học đường phối hợp giáo viên Tổng phụ trách đội, GVCN và giáo viên bộ môn thực hiện tốt hơn nữa công tác tư vấn tuyên truyền giáo dục đạo đức HS cho HS thông qua việc tổ chức các cuộc thi, phong trào, ...nhằm giúp HS ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy nhà trường, từ đó hạn chế thấp nhất việc HS vi phạm bị nhắc nhở hằng tuần. Đồng thời luôn quan tâm tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên cốt cán tham quan học hỏi kinh nghiệm công tác hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học, từ đó giúp giáo viên mạnh dạn hỗ trợ tư vấn khích lệ các em HS mạnh dạn tự tin tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ đạt kết quả tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 4

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và

trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

Mức 4

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1

a) Kết quả học lực/học tập, hạnh kiểm/rèn luyện của HS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường qua 05 năm liên tục, từ năm học 2019- 2020 đến năm học 2023- 2024, cụ thể: kết quả rèn luyện/hạnh kiểm hằng năm HS được xếp loại khá, tốt đạt tỉ lệ trên 97%; Về học lực/học tập, hằng năm xếp loại Giỏi/Tốt đạt tỉ lệ từ 18% trở lên, loại khá đạt từ 37% trở lên, loại yếu kém/ Chưa đạt không quá 3% [H5-5.6-01].

b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp THCS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và có chuyển biến tích cực trong 05 năm từ năm học 2019–2020 đến năm học 2023–2024 như sau: Tỷ lệ HS lên lớp duy trì và ổn định trên 98,0% [H5-5.6-02]; Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS duy trì và ổn định trên 99,0% [H5-5.6-03].

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phân luồng HS thông qua công tác dạy hướng nghiệp. Trong giờ hướng nghiệp giáo viên phân tích những thuận lợi khó khăn đối với HS có học lực trung bình và những HS có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bên cạnh đó nhà trường phối hợp với Trường Trung cấp Hồng Ngự, Trung tâm dịch vụ việc làm Đồng Tháp để giới thiệu đến CMHS, HS các ngành nghề do trường đào tạo. Kết quả tỉ lệ HS trúng tuyển vào lớp 10 hằng năm đạt tỉ lệ trên 89%, cụ thể HS trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2020 – 2021 đạt tỉ lệ 96,43% (81/84 HS trúng tuyển); HS trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2021 – 2022 đạt tỉ lệ 98,81% (83/84 HS trúng tuyển); HS trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2022 – 2023 đạt tỉ lệ 91,38% (106/116 HS trúng tuyển); HS trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2023 – 2024 đạt tỉ lệ 89,13% (123/138 HS trúng tuyển); HS trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2024 2025 đạt tỉ lệ tỉ lệ 94,49% (120/127 HS trúng tuyển). Kết quả HS tham gia học nghề và học phổ thông (hệ GDTX) hằng năm đạt tỉ lệ trên 22%, cụ thể năm học 2024- 2025 có 13/57 HS tham gia học nghề, đạt tỉ lệ 22,81% và 13/57 HS tham gia học phổ thông (hệ GDTX), đạt tỉ lệ 22,81%. **[H5-5.6-04]**.

1.1. Mức 2

- a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 1
- b) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo b Mức 1

1.1. Mức 3

- a) Nội hàm này mô tả tại Chỉ báo a Mức 1
- b) Hằng năm, tỉ lệ HS lưu ban không quá 02%, cụ thể năm học 2019 - 2020 là 1,99%; năm học 2020 - 2021 là 1,36%; năm học 2021 – 2022 là 1,63%; năm học 2022 – 2023 là 0,54%; năm học 2023 – 2024 là 0,27%). Tỉ lệ HS bỏ học qua các năm, cụ thể như: năm học 2019-2020 là 2,05% (15/732); năm học 2020 - 2021 là 1,79% (14/782); năm học 2021-2022 là 2,30% (18/783); năm học 2022 - 2023 là 0,00% (0/769); năm học 2023-2024 là 0,65 % (5/771) **[H5-5.6-05]**. Tuy nhiên tỷ lệ HS bỏ học ở các năm học trước, từ năm học 2019 – 2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022) vượt quá 1,0%.

1.4. Mức 4

Đến thời điểm đánh giá, kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường trong 02 năm học (2022 – 2023; 2023 – 2024) được UBND Huyện

tặng giấy khen có HS đạt giải và cộng đồng ghi nhận vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng [H5-5.6-06].

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp: học lực (kết quả học tập) Giỏi (Tốt) đạt tỉ lệ từ 18% trở lên, loại khá đạt từ 37% trở lên. Hạnh kiểm (kết quả rèn luyện) Khá, Tốt đạt trên 97%. Tỉ lệ HS lên lớp trên 98%. Trong 05 năm liên tục tỉ lệ HS lưu ban không quá 02% và bình quân trên 99% HS lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS. Tỉ lệ HS tham gia thi tuyển và đỗ vào lớp 10 THPT hàng năm đạt trên 90%. Hằng năm, nhà trường đều có phối hợp với các trường nghề tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho HS lớp 9, kết quả bình quân HS tham gia học nghề và học phổ thông hệ Giáo dục thường xuyên đạt tỉ lệ trên 22%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ HS bỏ học ở một số năm học trước (từ năm học 2019-2020, 2020 – 2021, 2021 – 2022) vượt quá 1,0%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng chỉ đạo GVCN tăng cường hơn nữa việc phối hợp với CMHS để có biện pháp vận động, giáo dục HS một cách phù hợp, nhằm thu hút HS đến trường, hạn chế tình trạng HS bỏ học vượt quá quy định của ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

*** Điểm mạnh**

Nhà trường có duy trì thực hiện việc xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục cho cả năm học, học kì, tháng trên cơ sở hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng GD&ĐT.

Các Tổ chuyên môn duy trì triển khai thực hiện tốt nội dung kế hoạch giáo dục của tổ. Đặc biệt triển khai thực hiện chương trình giáo dục địa phương nghiêm túc theo quy định, luôn bám sát chỉ đạo chuyên môn của ngành.

Hằng năm nhà trường có tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS. Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân

gian và sinh hoạt tập thể cho HS.

HS được giáo dục về kỹ năng sống thông qua học tập trong các chương trình chính khóa và rèn luyện trong các hoạt động xã hội theo kế hoạch của nhà trường.

Kết quả học tập, rèn luyện của HS có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp đáp ứng mục tiêu giáo dục.

Việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm có sự thay đổi tiến bộ tích cực.

*** Điểm yếu**

Chất lượng của HS chưa thật đồng đều, tỷ lệ HS yếu, kém vẫn còn.

Tỉ lệ HS HS bỏ học hằng năm, mặc dù có giảm đạt chỉ tiêu theo quy định (02 năm liền, từ năm 2022 – 2024 tỉ lệ HS bỏ học dưới 1,0%). Tuy nhiên HS nghỉ học sau khi tốt nghiệp THCS tham gia lao động tự do vẫn còn nhiều.

Công tác đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương của các tổ chuyên môn chưa kịp thời.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Được sự quan tâm của Đảng ủy, UBND xã Tân Hộ Cơ và Phòng Giáo dục - Đào tạo Tân Hồng, UBND Huyện nên Trường THCS Tân Hộ Cơ có được một cơ ngơi khang trang tương đối đầy đủ các khối phòng học, khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị. Các hoạt động giáo dục của nhà trường luôn đạt ở mức cao và bền vững. Đội ngũ giáo viên của nhà trường giỏi về chuyên môn, trong sáng, gương mẫu về đạo đức, luôn đáp ứng được yêu cầu phát triển, đổi mới giáo dục được CMHS tin tưởng giao con mình cho giáo viên giảng dạy. Chất lượng giáo dục của nhà trường không ngừng được nâng lên, các phong trào thi đua đạt hiệu quả cao, hằng năm có HS đạt giải cấp huyện, cấp tỉnh. Năm năm qua nhà trường đều được UBND huyện Tân Hồng khen tặng danh hiệu “Tập thể lao động Tiên Tiến”, được UBND tỉnh tặng bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cờ thi đua thành tích dẫn đầu phong trào thi đua khối THCS. Tuy nhiên, nhà trường cũng còn những khó khăn nhất định như: sân chơi, bãi tập của trường còn hẹp, việc đáp ứng nhu cầu vui chơi, luyện tập của

các em ảnh hưởng; các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cũng còn hạn chế, tỉ lệ HS đạt giải HS giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh còn thấp, chưa bền vững.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

	Không đạt		Đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Mức 1	0/28	0%	28/28	100%
Mức 2	0/28	0%	28/28	100%
Mức 3	06/20	30%	14/20	70%
Mức 4	05/06	83,33%	01/06	16,67%

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: **Đạt mức 2**
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt KĐCLGD: **Cấp độ 2**
- Cơ sở giáo dục đề nghị đạt CQG: **Mức độ 1**

Tân Hộ Cơ, ngày 18 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Trần Bảo Thy

Phần IV. CÁC PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1. BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030 Biên bản triển khai Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030	Số: 292/KH-THCSTHC, ngày 28/10/2020. Biên bản ngày 26/10/2020. Biên bản ngày 01/11/2020.	VT	
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Tân Hộ Cơ lần thứ XII, nhiệm kì 2020-2025	Số 01-NQ/ĐH ngày 24/6/2020	Đảng bộ xã	
			Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã Tân Hộ Cơ giai đoạn 2021-2025	Số 03, 04-NQ/HĐND ngày 25/12/2020 Số 18-NQ/HĐND ngày 24/12/2021 Số 07-NQ/HĐND ngày 26/12/2022	HĐND xã	
			Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2020 -2025	Số 69 /KH -UBND ngày 09/5/2023	UBND xã	
3	[H1-1.1-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của trường.	Số: 12/BC-THCSTHC, ngày 16/01/2021 Số: 88/BC-THCSTHC, ngày 03/06/2021 Số: 22/BC-THCSTHC, ngày 24/01/2022 Số: 135/BC-THCSTHC, ngày 07/06/2022 Số: 14/BC-THCSTHC, ngày	VT		

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				14/01/2023 Số: 98/BC-THCSTHC, ngày 20/5/2023 Số: 10/BC-THCSTHC, ngày 18/01/2024 Số: 94/BC-THCSTHC, ngày 27/05/2024		
	4	[H1-1.1-04]	Đường dẫn truy cập vào trang điện tử của trường	Ngày 10/7/2024	Nhóm thực hiện	
	5	[H1-1.1-05]	Báo cáo và biên bản rà soát kết quả tổ chức thực hiện KH chiến lược giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030	Số: 287/BC-THCSTHC, ngày 10 tháng 10 năm 2022 Số: 338/BC-THCSTHC, ngày 12 tháng 12 năm 2022 Biên bản ngày 30/7/2024	Văn thư	
	6	[H1-1.1-06]	Hình ảnh lấy ý kiến GV, NV qua Zalo forms (https://forms.gle/w2J7kqA8YiaLtee16)	Ngày 10/7/2024	Nhóm thực hiện	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định công nhận Hội đồng trường	Số: 67/QĐ-UBND.TL, ngày 17/3/2022	VT	
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027	Số: 190/QĐ-UBND.TL, ngày 18/11/2023	VT	
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua,	Số: 271/QĐ-THCSTHC, ngày	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			khen thưởng;	13/10/2020 Số: 129/QĐ-THCSTHC, ngày 28/10/2021 Số: 161/QĐ-THCSTHC, ngày 10/10/2022 Số: 169/QĐ-THCSTHC, ngày 16/10/2023		
	4	[H1-1.2-04]	Kế hoạch và quy chế hoạt động của Hội đồng trường	Số: 222/KH-THCSTHC.HĐT, ngày 20/8/2022 Số: 192/KH-THCSTHC.HĐT, ngày 30/8/2023 Số: 100/QĐ-THCSTHC.HĐT, ngày 23/8/2022	VT	c
	5	[H1-1.2-05]	Quyết nghị của Hội đồng trường	Số: 221/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 20/8/2022 Số: 07/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 07/01/2023 Số: 103/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 27/5/2023 Số: 191/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 30/8/2023 Số: 99/NQ-THCSTHC.HĐT, ngày 28/5/2024	VT	
	6	[H1-1.2-06]	Biên bản họp của Hội đồng trường	Biên bản ngày 20/8/2022	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Biên bản ngày 07/01/2023 Biên bản ngày 27/5/2023 Biên bản ngày 30/8/2023 Biên bản ngày 20/01/2024 Biên bản ngày 28/5/2024		
	7	[H1-1.2-07]	Giấy khen về tập thể trường	Số: 24-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 26/6/2020 Số: 45-QĐ/UBND, ngày 22/10/2020 Số: 110-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 30/7/2021 Số: 106-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 12/7/2022 Số: 127-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 11/11/2022 Số: 136-QĐ/UBND.TĐKT, ngày 07/9/2023	VT	
	1	[H1-1.3-01]	Quyết định thành lập (chuẩn y) Công đoàn;	Số: 32/QĐ-LĐLĐ, ngày 20/9/2017 Số: 65/QĐ-LĐLĐ, ngày 11/5/2023	Công đoàn	
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định thành lập (chuẩn y) Đội;	Số: 10-QĐ/HĐĐ, ngày 10/11/2021 Số: 32-QĐ/HĐĐ, ngày 06/11/2022 Số: 06-QĐ/HĐĐ, ngày 06/11/2023	Đội	Đội, CĐ

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.3	3	[H1-1.3-03]	Kế hoạch hoạt động của tổ chức Công đoàn	Số: 01/KH-CĐCS, ngày 10/9/2019 Số: 01/KH-CĐCS, ngày 07/9/2020 Ngày 25/10/2021 Ngày 08/10/2022 Ngày 30/9/2023	Công đoàn	
	4	[H1-1.3-04]	Kế hoạch hoạt động Đội	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Đội	
	5	[H1-1.3-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của Công đoàn	Ngày 24/9/2020 Số: 01/BC-BGH-CD, ngày 28/01/2021 Ngày 08/10/2022	Công đoàn	
			Báo cáo sơ kết, tổng kết của Đội	Số: 02/BC-LĐ, ngày 01/01/2022 Số: 04/BC-LĐ, ngày 01/01/2023 Số: 09/BC-LĐ, ngày 01/05/2023 Số: 04/BC-LĐ, ngày 18/12/2023 Số: 08/BC-TKLD, ngày 17/05/2024	Đội	
	6	[H1-1.3-06]	Quyết định Công đoàn vững mạnh	Số: 21/QĐ-LĐLĐ, ngày 19/07/2022 Số: 71/QĐ- LĐLĐ, ngày 26/06/2023	Công đoàn	
	7	[H1-1.3-07]	Quyết định và giấy khen Đội thiếu niên tiên phong	Số: 04/QĐ-HĐĐ, ngày 14/09/2022 Số: 15/QĐ-HĐĐ, ngày 24/07/2023 Số: 423/QĐKT/TWĐTN-VP, ngày 06/09/2023 Số: 19/QĐ/HĐĐ, ngày 17/09/2024	Đội	
	8	[H1-1.3-08]	Quyết định thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường; (Quyết	Số: 193-QĐ/ĐU, ngày 26/02/2020 Số: 189-QĐ/ĐU, ngày 26/05/2020	Chi bộ	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			định chuẩn y).	Số: 34-QĐ/ĐU, ngày 29/07/2022 Số: 45-QĐ/ĐU, ngày 01/08/2022 Số: 57-QĐ/ĐU, ngày 01/08/2022		
	9	[H1-1.3-09]	Báo cáo năm của chi bộ	Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023 Năm 2024	Chi bộ	
	10	[H1-1.3-10]	Quyết định hoặc chứng nhận, giấy khen, bằng khen của tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Số: 152-QĐ/ĐU, ngày 14/01/2020 Số: 24-QĐ/ĐU, ngày 14/01/2020 Số: 29-TB/ĐU, ngày 16/12/2021 Số: 58-TB/ĐU, ngày 16/11/2022 Số: 44-QĐ/ĐU, ngày 11/11/2022 Số: 110/QĐ-UBND.TĐKT, ngày 17/5/2023 Số: 86-QĐ/ĐU, ngày 16/10/2023 Số: 102-TB/ĐU, ngày 24/10/2023 Số: 89-QĐ/ĐU, ngày 22/11/2023	Chi bộ	
	8	[H1-1.3-11]	Hình ảnh tham gia trồng cây, vệ sinh, xây dựng nông thôn mới.	Nhóm khảo sát ngày 10/7/2024	Nhóm thực hiện	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng	Số: 462/QĐ-UNND.TCCB, ngày 03/11/2020 Số: 244/QĐ-UNND.TCCB, ngày	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				17/5/2021 Số: 170/QĐ-UNND.TCCB, ngày 04/7/2022		
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng;	Số: 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100/QĐ-THCSTHC, ngày 03/9/2021 Số: 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125 /QĐ-THCSTHC, ngày 05/9/2022 Số: 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95/QĐ-THCSTHC, ngày 30/8/2023 Số: 136,137,138,139,140,141,142/QĐ-THCSTHC, ngày 04/9/2024	VT	
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của các tổ theo năm, tháng, tuần. https://drive.google.com/drive/folders/11SRkPRe90ugTcQ-QmJHLin31q9Ih6N-6?usp=drive_link	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	TCM	
	4	[H1-1.4-04]	Các chuyên đề của tổ chuyên môn; https://drive.google.com/drive/folders/11SRkPRe90ugTcQ-QmJHLin31q9Ih6N-6?usp=drive_link	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	TCM	
	5	[H1-1.4-05]	Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn; https://drive.google.com/drive/folders/11SRkPRe90ugTcQ-QmJHLin31q9Ih6N-6?usp=drive_link	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	TCM	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			RkPRe90ugTcQ-QmJHLin31q9Ih6N-6?usp=drive link	Năm học 2024-2025		
	6	[H1-1.4-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của tổ chuyên môn;	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	TCM	
	7	[H1-1.4-07]	Giấy khen tổ chuyên môn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	TCM	
	8	[H1-1.4-08]	Các minh chứng để chứng minh được sau khi thực hiện các chuyên đề chuyên môn thì chất lượng giáo dục được cải thiện. (Tổ Lịch sử - Địa Lí).	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	TCM	
	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	VT	
	2	[H1-1.5-02]	Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ tên GVCN, lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó)	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	GVCN	
Tiêu chí	3	[H1-1.5-03]	Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	GVCN	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
1.5	4	[H1-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	5	[H1-1.5-05]	Sổ gọi tên, ghi điểm	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	VT	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ Đầu bài	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	2	[H1-1.6-02]	Sổ Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	3	[H1-1.6-03]	Sổ theo dõi phổ cập GD	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	PHT	
	4	[H1-1.6-04]	Sổ theo dõi HS chuyên đi, chuyên đến	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	VT	
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ thi đua của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên (KTNB)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	PHT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2023-2024		
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	8	[H1-1.6-08]	Sổ Quản lý và lưu trữ các văn bản và công văn	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	9	[H1-1.6-09]	Sổ Quản lý tài sản	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Kế toán	
	10	[H1-1.6-10]	Sổ quản lý tài chính	Nhóm khảo sát ngày 10/7/2024	Kế toán	
	11	[H1-1.6-11]	Hồ sơ Quản lý thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm	Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	Thiết bị	
	9	[H1-1.6-12]	Hồ sơ quản lý thư viện	Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	Thư viện	
	10	[H1-1.6-13]	Hồ sơ Theo dõi sức khỏe học sinh	Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	Y tế	
	11	[H1-1.6-14]	Kế hoạch dự toán thu chi vào đầu năm	Số: 189/KH-THCSTHC, ngày 05/9/2020 Số: 210/KH-THCSTHC, ngày	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				01/10/2021 Số: 47/KH-THCSTHC, ngày 23/02/2022 Số: 29/KH-THCSTHC, ngày 14/02/2023 Số: 204/KH-THCSTHC, ngày 09/09/2023		
	12	[H1-1.6-15]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tài chính; báo cáo công khai tài chính hằng năm;	Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	Kế toán	
	13	[H1-1.6-16]	Hình ảnh công khai tài chính trên website	Nhóm khảo sát ngày 10/7/2024		
	14	[H1-1.6-17]	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường;	Năm học 2021 Năm học 2022 Năm học 2023 Năm học 2024	VT	
	15	[H1-1.6-18]	Phần mềm quản lý quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường;	Nhóm khảo sát ngày 10/7/2024	Kế toán	
	16	[H1-1.6-19]	Biên bản, thông báo, kết luận của các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tài sản, tài chính;	Số: 03/BB-KT, ngày 15/4/2024 Số: 46/QĐ-PDGĐT, ngày 11/4/2024 (BB kiểm tra ngày 17/4/2024)	VT	
	17	[H1-1.6-20]	Đề án tạo nguồn tài chính cho nhà trường (Căn tin)	Số: 131/ĐA-THCSTHC, ngày 01/06/2022	Kế toán	
	18	[H1-1.6-21]	Hồ sơ chứng minh nguồn tài chính đã huy động được;	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025		
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020-2025 Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hàng năm;	Số: 102/KH-THCSTHC, ngày 16/6/2020 Số: 227/KH-THCSTHC, ngày 26/9/2020 Số: 91/KH-THCSTHC, ngày 07/06/2021 Số: 139/KH-THCSTHC, ngày 10/06/2022 Số: 111/KH-THCSTHC, ngày 15/06/2023 Số: 252/KH-THCSTHC, ngày 07/10/2024	VT	
	2	[H1-1.7-02]	Bảng phân công nhiệm vụ cho CBGVNV hàng năm;	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	PHT	
	3	[H1-1.7-03]	Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hàng tháng	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Kế toán	
	4	[H1-1.7-04]	Biên bản Hội nghị CBCCVC hàng năm;	Năm học 2022-2023	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			Quy chế làm việc hàng năm.	Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025		
	5	[H1-1.7-05]	Quyết định phân công BDHSG, KHKT, Ý tưởng khởi nghiệp...	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	VT	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường;	Số: 190/KH-THCSTHC, ngày 10/9/2021 Số: 234/KH-THCSTHC, ngày 07/9/2022 Số: 198/KH-THCSTHC, ngày 07/9/2023 Số: 193/KH-THCSTHC, ngày 06/9/2024	VT	
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên;	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	TTCM	
	3	[H1-1.8-03]	Nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục của nhà trường;	Số: 42/THCSTHC, ngày 15/02/2022	VT	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ của nhà trường;	Số: 124/QĐ-THCSTHC, ngày 28/10/2021 Số: 173/QĐ-THCSTHC, ngày 20/10/2022 Số: 149/QĐ-THCSTHC, ngày 02/10/2023	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Số: 177/QĐ-THCSTHC, ngày 01/10/2024		
	2	[H1-1.9-02]	Nghị quyết Hội nghị Viên chức-Người lao động;	Số: 233/NQ-THCSTHC, ngày 03/10/2020 Số: 238/NQ-THCSTHC, ngày 02/11/2021 Số: 285/NQ-THCSTHC, ngày 10/10/2022 Số: 227A/NQ-THCSTHC, ngày 30/9/2023 Số: 230/NQ-THCSTHC, ngày 28/9/2024	VT	
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ tiếp công dân;	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	VT	
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân;	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	VT	
	5	[H1-1.9-05]	Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường;	Số: 231/BC-THCSTHC, ngày 03/10/2020 Số: 226/BC-THCSTHC, ngày	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				25/10/2021 Số: 283/BC-THCSTHC, ngày 08/10/2022 Số: 222/BC-THCSTHC, ngày 28/9/2023 Số: 227/BC-THCSTHC, ngày 28/9/2024		
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án đảm bảo an ninh trật tự	Số: 196/KH-THCSTHC, ngày 13/9/2019 Số: 26/KH-THCSTHC, ngày 24/02/2020 Số: 21/KH-THCSTHC, ngày 05/2/2021 Số: 07/KH-THCSTHC, ngày 05/01/2021 Số: 20/KH-THCSTHC, ngày 08/02/2021 Số: 59/KH-THCSTHC, ngày 19/02/2021 Số: 67/KH-THCSTHC, ngày 27/4/2021 Số: 208/KH-THCSTHC, ngày 01/10/2021 Số: 62/KH-THCSTHC, ngày	VT]	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				09/3/2022 Số: 44/KH-THCSTHC, ngày 21/2/2022 Số: 227/KH-THCSTHC, ngày 24/8/2022 Số: 139/KH-THCSTHC, ngày 13/9/2022 Số: 301/KH-THCSTHC, ngày 25/10/2022 Số: 45/KH-THCSTHC, ngày 09/2/2023 Số: 90/KH-THCSTHC, ngày 10/5/2023 Số: 35/KH-THCSTHC, ngày 27/2/2023 Số: 25/KH-THCSTHC, ngày 07/2/2023 Số: 280/PA-THCSTHC, ngày 25/10/2024		
	2	[H1-1.10-02]	Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm	KH Ngày 15/9/2020 KH Ngày 15/9/2022 KH Ngày 18/9/2023 Số: 282/PA-THCSTHC, ngày 25/10/2024	NVY tế	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	3	[H1-1.10-03]	Phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích	Số: 72/KH-THCSTHC, ngày 13/4/2023 Số: 279/PA-THCSTHC, ngày 25/10/2024	VT	
	4	[H1-1.10-04]	Phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	VT	
	5	[H1-1.10-05]	Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai	Số: 278/PA-THCSTHC, ngày 25/10/2024	VT	
	6	[H1-1.10-06]	Phương án phòng, chống dịch bệnh	Số: 243/KH-THCSTHC, ngày 09/9/2022 Số: 277/PA-THCSTHC, ngày 25/10/2024	VT	
	7	[H1-1.10-07]	Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường	Số: 281/PA-THCSTHC, ngày 25/10/2024	VT	
	8	[H1-1.10-08]	Giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Số: 02/2017/ATTP-CNĐK, ngày 07/2/2017 Số: 10/2024/ATTP-CNĐK, ngày 25/05/2024	NVY tế	
	9	[H1-1.10-09]	Hòm thư góp ý của nhà trường Số điện thoại đường dây nóng của trường	Số: 188/TB-THCSTHC ngày 10/09/2021	VT	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	10	[H1-1.10-10]	Văn bản phối hợp với Công an có nội dung liên quan	Số: 44/KHLT-THCS-CAX-XÃ ĐOÀN THC, ngày 11/03/2016 Số: 197/KHLT-THCS-CAX, ngày 13/9/2019 Số: 191, 192/KHPH-CA-THCS, ngày 10/9/2021	VT	
	11	[H1-1.10-11]	Hình ảnh công, hàng rào, hệ thống dây điện, quạt, đèn, bàn ghế, ... của nhà trường	Khảo sát ngày 10/7/2024	Nhóm thực hiện	
	12	[H1-1.10-12]	Hình ảnh cây xanh trong khuôn viên trường	Khảo sát ngày 10/7/2024	Nhóm thực hiện	
	13	[H1-1.10-13]	Thông báo kết luận của cơ quan công an, chính quyền địa phương có liên quan về an ninh trật tự, an toàn trường học	Số: 537/Q Đ-UBND ngày 19/10/2021 Số: 200/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 Số: 178/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 Số: 65/BC-THCSTHC ngày 10/03/2022 Số: 215/BC- THCSTHC ngày 18/9/2023 Số: 293/BC- THCSTHC ngày 11/12/2023 Số: 194/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	VT	
	14	[H1-1.10-14]	Kế hoạch dạy học khuyết tật	Số: 242/KH-THCSTHC, ngày 09/9/2022		

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Số: 207/KH-THCSTHC, ngày 16/9/2023 Số: 269/KH-THCSTHC, ngày 17/10/2024		
	15	[H1-1.10-15]	Hình ảnh tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực, bình đẳng giới, xâm hại trẻ em trong nhà trường	Khảo sát ngày 10/7/2024	Nhóm thực hiện	
	16	[H1-1.10-16]	Hình ảnh, bài viết về tuyên truyền ANTT, ATGT, thực hành phòng cháy chữa cháy...	Khảo sát ngày 10/7/2024	Nhóm thực hiện	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Bằng cấp về chuyên môn, chính trị của Hiệu trưởng	- Ngày 26/10/2003 - Ngày 01/09/2011 - Ngày 04/08/2016 - Ngày 11/06/2018 - Ngày 18/12/2019	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.1-02]	Bằng cấp về chuyên môn, chính trị	* PHT 1	Phó hiệu	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			của Phó hiệu trưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày 10/10/2005 - Ngày 25/02/2011 - Ngày 10/08/2011 - Ngày 30/12/2015 - Ngày 25/09/2023 * PHT 2 - Ngày 17/05/2002 - Ngày 19/10/2007 - Ngày 21/09/2020 - Ngày 15/4/2022 - Ngày 15/8/2023 - Ngày 25/9/2023 	trưởng	
	3	[H2-2.1-03]	Quyết định tuyển dụng, Quyết định bổ nhiệm đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. Thông báo nhận xét, xếp loại của UBND huyện đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	<ul style="list-style-type: none"> * QĐTD - Ngày 2/8/1999 - Ngày 6/8/2001 - Ngày 4/8/2003 * QĐBN - Ngày 4/7/2022 - Ngày 17/5/2021 - Ngày 3/11/2020 * Thông báo - Ngày 6/10/2020 - Ngày 25/8/2021 	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Ngày 26/9/2022 - Ngày 22/9/2023 - Ngày 6/10/2020 - Ngày 26/8/2021 - Ngày 31/8/2023 - Ngày 15/8/2020 - Ngày 25/8/2021 - Ngày 13/10/2022 - Ngày 22/9/2023 		
	4	[H2-2.1-04]	Giấy khám sức khỏe của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Số 1631/GKSK, ngày 28/6/2021 - Số 940/GKSK, ngày 15/01/2021 - Số 722/GKSK, ngày 21/10/2020 	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	5	[H2-2.1-05]	Phiếu đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của Phòng GD&ĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2019 - 2020 - Năm 2020 - 2021 - Năm học 2021- 2022 - Năm học 2022 - 2023 - Năm học 2023 - 2024 	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	6	[H2-2.1-06]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn, văn bản tập huấn, chứng chỉ cán bộ quản lý giáo dục của Hiệu trưởng.	Năm học 2019 đến năm học 2022	Hiệu trưởng	
	7	[H2-2.1-07]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, văn bản	Năm học 2019 đến năm học 2022	Phó hiệu	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			tập huấn của Phó hiệu trưởng.		trưởng	
	8	[H2-2.1-08]	Văn bản triệu tập học chuyên đề và chuyên môn.	Năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng Phó hiệu trưởng	
	9	[H2-2.1-09]	Biên bản ý kiến của GV, NV nhận xét đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023 - 2024	Văn thư	
	1	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo Văn bằng chuyên môn của giáo viên.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023 - 2024 Năm học 2024 - 2025	Văn thư	
Tiêu chí 2.2	2	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ năm 2021 đến 2024 Thông báo đánh giá của Trường đối với giáo viên	- Từ năm 2021 đến năm 2024 - Số 128/TB- THCSTHC ngày 15/8/2020 - Số 89/TB- THCSTHC ngày 5/6/2021 - Số 138/TB- THCSTHC ngày 10/6/2022 - Số 152/TB- THCSTHC ngày 19/6/2023 - Số 116/TB- THCSTHC ngày 12/6/2024	Văn thư	
	3	[H2-2.2-03]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải	- Số 08/KH-THCS THC ngày 07/01/2020	Phó hiệu	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh	- Số 51/KH-THCS THC ngày 06/04/2021 - Số 56/KH-THCS THC ngày 28/02/2022 - Số 84/KH-THCS THC ngày 03/05/2023 - Số 54/KH-THCS THC ngày 28/03/2023 - Số 85/KH-THCS THC ngày 15/05/2024	trường	
	4	[H2-2.2-04]	Quyết định phân công giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu Khoa học kỹ thuật	- Số 253/QĐ- THCSTHC ngày 13/10/2020 - Số 151/QĐ- THCSTHC ngày 16/12/2021 - Số 162/QĐ- THCSTHC ngày 12/10/2023	Văn thư	
	5	[H2-2.2-05]	Quyết định công nhận đề tài, sáng kiến đạt cấp huyện từ năm 2021 đến 2024	- Số 107/ QĐ- UBND.TĐKT ngày 29/06/2021 - Số 108/ QĐ- UBND.TĐKT ngày 18/07/2022 - Số 135/ QĐ- UBND.TĐKT ngày 30/08/2023	Văn thư	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định tổ tư vấn tâm lý học đường Quyết định kiêm nhiệm giáo vụ	Số: 140/QĐ-THCSTHC, ngày 13/9/2022 Số: 172/QĐ-THCSTHC, ngày 16/10/2023 Số: 167/QĐ-THCSTHC, ngày 21/9/2024 Số: 155a/QĐ-THCSTHC, ngày 06/9/2024	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			Quyết định kiêm nhiệm quản trị công sở Quyết định hỗ trợ học sinh khuyết tật	Số: 156a/QĐ-THCSTHC, ngày 06/9/2024 Số: 157a/QĐ-THCSTHC, ngày 06/9/2024		
	2	[H2-2.3-02]	Quy chế làm việc của trường phân công nhiệm vụ giáo viên, nhân viên	- Số 235/QĐ- THCSTHC ngày 3/10/2020 - Số 174/QĐ- THCSTHC ngày 20/10/2022 - Số 150/QĐ- THCSTHC ngày 2/10/2023 Năm học 2024 - 2025	Văn thư	
	3	[H2-2.3-03]	Biên bản xét viên chức, xét danh hiệu thi đua cuối năm	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021 - 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024	Văn thư	
	4	[H2-2.3-04]	Thông báo đánh giá của Trường đối với nhân viên	- Ngày 15/8/2020 - Ngày 5/6/2021 - Ngày 10/6/2022 - Ngày 19/6/2023 - Ngày 12/6/2024 - Ngày 4/06/2024	Văn thư	
	5	[H2-2.3-05]	Danh sách nhân viên có thông tin về	- Danh sách từ năm học 2022 - 2023 đến	Hồ sơ	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			trình độ đào tạo	năm học 2024 - 2025 - Ngày 04/06/2013 - Ngày 10/02/2015 - Ngày 09/04/2009 - Ngày 04/01/2018 - Ngày 19/9/2018 - Ngày 14/07/2016	viên chức	
	6	[H2-2.3-06]	Công văn, văn bản triệu tập nhân viên tham dự bồi dưỡng, tập huấn	Năm học 2018-2019 Năm học 2022-2023 Năm học 2023 - 2024 Năm học 2024 - 2025	Văn thư	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Kế hoạch tuần lễ sinh hoạt học đường; Hình ảnh tổ chức tuần lễ sinh hoạt học đường; Biên bản sinh hoạt dưới cờ; Biên bản sinh hoạt lớp; Biên bản học sinh vi phạm.	- Ngày 25/08/2020 - Ngày 24/08/2022 - Ngày 24/08/2023 - Ngày 23/08/2024 - Hình ảnh từ năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 - Biên bản sinh hoạt dưới cờ từ năm học 2020- 2021; 2022-2023 - Biên bản sinh hoạt lớp năm học 2020 - 2021 - Biên bản xử lý học sinh Từ năm học 2020 - 2021; năm học 2021 - 2022; năm học 2022 - 2023; Năm học 2023 - 2024.	Tổng phụ trách Đội	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	2	[H2-2.4-02]	Hình ảnh học sinh tham gia TDTT, VHVN. Danh sách học sinh được trợ cấp (HTCPHT, miễn giảm học phí, hỗ trợ BHYT,...)	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh hội thao từ năm học 2021 đến 2024. - Danh sách trợ cấp: + Ngày 12/4/2021 + Ngày 21/05/2022 + Năm 2022 + Năm 2023-2024 + Thẻ bảo hiểm năm học 2022-2023, 2023-2024 	Kế toán, Phó hiệu trưởng	
	3	[H2-2.4-03]	Biên bản xử lý học sinh vi phạm, bản kiểm điểm Hồ sơ; Tổng phụ trách Đội (Sổ theo dõi hoạt động cờ đỏ)	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản xử lý học sinh Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024 - Hồ sơ đội năm học 2021-2022 đến năm học 2023 - 2024. 	Tổng phụ trách Đội	
	4	[H2-2.4-04]	Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện	<ul style="list-style-type: none"> * QĐ - Ngày 23/4/2021 - Ngày 21/05/2021 - Ngày 16/05/2022 - Ngày 08/06/2022 - Ngày 30/09/2022 - Ngày 11/11/2022 - Ngày 20/05/2023 - Ngày 8/11/2023 - Ngày 12/11/2023 - Ngày 14/12/2023 	Tổng phụ trách Đội	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Ngày 15/12/2023 - Ngày 26/04/2024 - Ngày 13/05/2024 - Ngày 24/05/2024 - Ngày 28/05/2024 - Ngày 07/06/2024 - Hình ảnh nêu gương HS năm học 2023-2024 - Hình ảnh học sinh nhật của rơi năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024 		
	5	[H2-2.4-05]	Hình ảnh học sinh ủng hộ kinh phí giúp đỡ bạn khó khăn và nhận quà.	<ul style="list-style-type: none"> Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023 Năm học 2023 - 2024 	Tổng phụ trách Đội	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Quyết định phê duyệt quy hoạch mở rộng mặt bằng xây dựng trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số 10667QSDD/A2, ngày 17 tháng 4 năm 1997. - Quyết định Số 202/QĐ-UBND.XDCB, ngày 12 tháng 6 năm 2008 của UBND huyện Tân Hồng về việc Phê duyệt quy hoạch mở rộng mặt bằng xây dựng Trường THCS Tân Hộ Cơ 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh Đồng Tháp - UBND huyện Tân Hồng 	
	2	[H3-3.1-02]	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ tổng thể nhà trường - Hình ảnh khuôn viên cây xanh; 	Năm học 2023 - 2024	Nhóm công tác	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			- Hình ảnh cây xanh trồng trong trường học - Hợp đồng chăm sóc cây xanh		3	
	3	[H3-3.1-03]	- Bảng phân công trực vệ sinh hàng tuần của các lớp - Hình ảnh trực tuần của các lớp; hình ảnh bố trí khu vực các thùng rác - Hợp đồng thuê tạp vụ	- Tháng 9/2023 - Trong năm học 2023-2024	- PHT Nguyễn Thị Kim Phương - Nhóm công tác 3	
	4	[H3-3.1-04]	Giấy khen trường đạt chuẩn Xanh-sạch-đẹp năm 2015	Số 450/QĐ-SGDĐT ngày 20 tháng 4 năm 2015	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp	
	5	[H3-3.1-05]	- Các hình ảnh cổng trường, biển tên trường, hàng rào; - Quyết định phê duyệt xây dựng trường	- Trong năm học 2023-2024 - Quyết định số 76/QĐ-UBND.XDCB ngày 26 tháng 5 năm 2010 của UBND huyện Tân Hồng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế -kỹ thuật xây dựng công trình Trường trung học cơ sở Tân Hộ Cơ; hạng mục: khối phòng học bộ môn, khu hiệu	- Nhóm công tác 3 - UBND huyện Tân Hồng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				bộ, công, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà xe, rãnh thoát nước, cột cờ, bồn hoa và sân đá. - Báo cáo phương án kiến trúc và tổng mặt bằng trường THCS Tân Hộ Cơ, ngày 28 tháng 8 năm 2020	- Nhà thầu xây dựng trường	
	6	[H3-3.1-06]	Hình ảnh khu sân chơi cho học sinh	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	7	[H3-3.1-07]	Hình ảnh khu bãi tập các môn thể thao (hồ nhảy xa, sân bóng chuyền, sân cầu lông)	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	- Hình ảnh các phòng học và các trang thiết bị, vật chất trong phòng học. - Hình ảnh đường đi lên phòng học cho học sinh khuyết tật.	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	2	[H3-3.2-02]	- Hình ảnh các phòng bộ môn và cơ sở vật chất trong phòng	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	3	[H3-3.2-03]	- Hình ảnh các phòng phục vụ học tập (Thư viện, thiết bị, tư vấn, Đoàn Đội, truyền thống)	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	4	[H3-3.2-04]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	- Quyết định số 76/QĐ-UBND.XDCB ngày 26 tháng 5 năm 2010 của UBND huyện Tân Hồng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Trường trung học cơ sở Tân Hộ Cơ; hạng mục: khối phòng học bộ môn, khu hiệu bộ, cổng, hàng rào, nhà vệ sinh, nhà xe, rãnh thoát nước, cột cờ, bồn hoa và sân đá. - Báo cáo phương án kiến trúc và tổng mặt bằng trường THCS Tân Hộ Cơ, ngày 28 tháng 8 năm 2020	UBND huyện Tân Hồng - Nhà thầu xây dựng trường	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	- Hình ảnh khối phòng hành chính – quản trị (Phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng,...)	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	2	[H3-3.3-02]	- Hình ảnh nhà xe giáo viên, nhà xe học sinh	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	3	[H3-3.3-03]	- Các Kế hoạch/đề nghị mua sắm, sửa chữa, bổ sung thiết bị trường học.	- Kế hoạch Số 113/KH-THCSTHC ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc sửa chữa, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị	- Hiệu trưởng Ngô	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			- Hợp đồng/ hóa đơn/ Biên bản nghiệm thu sửa chữa, bảo trì máy móc	đạy học phục vụ năm học 2023-2024. - Năm 2021; 2022; 2023	Trần Bảo Thy	
	4	[H3-3.3-04]	Biên bản kiểm tra căn tin	- Năm học 2020-0201; 2022-2023; 2023-2024	- Kế toán Y tế trường học	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3-04-01]	- Hình ảnh khu nhà vệ sinh học sinh, giáo viên. - Hợp đồng thuê tạp vụ	- Năm 2024 - Năm học 2020-0201; 2022-2023; 2023-2024	- Nhóm công tác 3 - Kế toán	
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh cống thoát nước	- Năm 2024	- Nhóm công tác 3	
	3	[H3-3.4-03]	- Hình ảnh hệ thống máy bơm nước; - Hóa đơn mua nước uống đóng bình/chai của cơ sở nước uống Lập-Huệ; - Hình ảnh máy lọc nước sạch, máy	- Năm 2024 - Năm 2022 - Năm 2022, 2023, 2024 - Năm 2024	- Nhóm công tác 3 - Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			nước nóng lạnh.		- Y tế trường học - Nhóm công tác 3	
	4	[H3-3.4-04]	- Hình ảnh bố trí thùng rác ở các khu vực xung quanh trường; - Hóa đơn thu tiền rác.	- Trong năm học 2023-2024 - Năm 2022; 2023; 2024	- Nhóm công tác 3 - Kế toán	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hoạt động của nhà trường : máy tính, máy in, tủ hồ sơ văn phòng trường, bàn làm việc,...	- Trong năm học 2023-2024	- Nhóm công tác 3	
	2	[H3-3.5-02]	- Sổ quản lý thiết bị của trường - Danh mục cấp thiết bị dạy tối thiểu theo CTGDPT 2018	- Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024	- Hồ sơ lưu thiết bị	
	3	[H3-3.5-03]	- Kế hoạch kiểm kê thiết bị hàng năm - Biên bản kiểm kê thiết bị hàng năm của các tổ.	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	- Phó Hiệu trưởng Nguyễn	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch sửa chữa, bổ sung thiết bị trường học. - Các hóa đơn sửa chữa, mua sắm thiết bị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 	Thị Kim Phương - Hồ sơ lưu thiết bị - Hiệu trưởng Ngô Trần bảo Thy - Kế toán	
	4	[H3-3.5-04]	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa đơn/hợp đồng kết nối mạng Internet. - Hình ảnh máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hành chính, giảng dạy trong nhà trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2021; 2022; 2023; 2024 - Trong năm học 2023-2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán - Nhóm công tác 3 	
	5	[H3-3.5-05]	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh giáo viên khai thác sử dụng thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong năm học 2023-2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm công tác 3 	
	6	[H3-3.5-06]	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ lưu thiết 	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			- Hình ảnh giáo viên sử dụng máy tính kết nối tivi để dạy học - Quản lý việc mượn trả thiết bị dạy học của giáo viên trên phần mềm <u>qltb.dongthap.gov.vn</u> .	- Trong năm học 2023-2024 - Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2023-2024	bị - Nhóm công tác 3 - Phần mềm quản lý thiết bị	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	- Danh mục các loại sách báo, tài liệu	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch quyên góp sách, xây dựng tủ sách dùng chung.	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
	3	[H3-3.6-03]	- Lịch trực của nhân viên thư viện; - Hình ảnh hoạt động tại thư viện. - Hình ảnh thư viện xanh	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 - Năm 2024	Thư viện - Nhóm công tác 3	
	4	[H3-3.6-04]	- Sổ theo dõi mượn, trả của GV, HS.	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
	5	[H3-3.6-05]	- Kế hoạch tổ chức các buổi tuyên truyền giới thiệu sách.	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			- Hình ảnh giới thiệu sách dưới sân cờ	- Năm 2023, 2024	Nhóm công tác 3	
	6	[H3-3.6-06]	- Sổ quản lý bạn đọc.	- Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
	7	[H3-3.6-07]	- Kế hoạch kiểm kê, thanh lý tài liệu, sách, báo, tạp chí hàng năm của thư viện. - Biên bản xuất kho, nhập kho, kiểm kê, thanh lý hàng năm. - Hóa đơn mua sách, báo, tạp chí	- Năm học 2022-2023; 2023-2024 - Năm học 2022-2023; 2023-2024 - Năm học 2022-2023; 2023-2024	Thư viện	
	8	[H3-3.6-08]	Chứng nhận Thư viện đạt chuẩn Mức độ 2	Năm 2024	UBND huyện Tân Hồng	
	9	[H3-3.6-09]	Hình ảnh máy tính Thư viện được kết nối Internet	Năm 2024	Nhóm công tác 3	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	-Biên bản họp ban đại diện CMHS của lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Văn thư	
	2	[H4-4.1-02]	- Biên bản họp ban đại diện CMHS của trường năm học 2022-2023;	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			2023-2024; 2024-2025	Năm học 2024-2025		
	3	[H4-4.1-03]	- Quyết định thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh. Năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025	-.Quyết định số 567/QĐ-UBND, ngày 26/11/2021 -.Quyết định số 147/QĐ-UBND, ngày 21/9/2022 -.Quyết định số 153/QĐ-UBND, ngày 27/9/2023 -.Quyết định số 203/QĐ-UBND, ngày 29/10/2024	BĐDC MHS+B GH	
	4	[H4-4.1-04]	- Kế hoạch hoạt động ban đại diện cha mẹ học sinh.	-Kế hoạch số:251/KH-THCSTHC, ngày 16/9/2022. Kế hoạch số.../KH-BĐD CMHS, ngày....tháng ...năm 2024	Cô Bích	
	5	[H4-4.1-05]	- Kế hoạch Cẩm trại xuân - Kế hoạch văn nghệ... - Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh năm 2022-2023	- Kế hoạch số 38/KH-THCSTHC, ngày 24tháng 02 năm 2024 - Kế hoạch số 04/KH-BPT Đội, ngày 30 tháng 10 năm 2023. - Kế hoạch số 289/KH-THCSTHC, ngày 10.tháng 10 năm 2022	Văn thư Liên đội	
	6	[H4-4.1-06]	- Kế hoạch tìm hiểu địa chỉ đỏ cột mốc biên giới 232 Việt Nam-	- Kế hoạch số 03/KHLĐ, ngày 11tháng 10 năm 2023		

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			Campuchia. - Kế hoạch tổ chức cho Đội viên, thiếu nhi hành trình đến với địa chỉ đỏ năm học 2021-2022 - Kế hoạch tổ chức cho Đội viên, thiếu nhi hành trình đến với địa chỉ đỏ năm học 2023-2024 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt nam 22/12/2023. - Hình ảnh hoạt động	- Kế hoạch số 272/KHPH-THCSTHC-THCSND, ngày 16 tháng 11 năm 2023. - Kế hoạch số 11/KHLĐ, ngày 7 tháng 03 năm 2022 - Kế hoạch số 08/KH-BPT Đội, ngày 02 tháng 12 năm 2023		
	7	[H4-4.1-07]	- Báo cáo của ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025 - Báo cáo của nhà trường năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025	- Báo cáo số: 242/BC-THCSTHC, ngày 11/11/2021 - Báo cáo số: 215/BC-THCSTHC, ngày 07/6/2021 - Báo cáo số: 98/BC-THCSTHC, ngày 20/5/2023 - Báo cáo số: 94/BC-THCSTHC, ngày 27/5/2024	BGH, Ban đại diện CMHS	
	8	[H4-41-08]	- Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025	- Quy chế số 01/QC-THCSTHC, ngày 5 tháng 09 năm 2023 - Quy chế số 245/QC-THCSTHC, ngày 16 tháng 09 năm 2022	BGH, Ban đại diện CMHS	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				- Quy chế số 01/QC-THCSTHC, ngày 11 tháng 11 năm 2021		
	9	[H4-4.1-09]	<p>- Kế hoạch thực hiện công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm; chống thanh thiếu niên vi phạm pháp luật 2024-2025.</p> <p>- Kế hoạch phối hợp phòng, chống thanh thiếu niên vi phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân hộ Cơ giai đoạn 2021-2025</p> <p>-Triển khai cam kết an toàn giao thông trong cơ sở giáo dục năm học 2022,2023, 2024-2025</p> <p>- Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường 2021-2022;</p> <p>- Kế hoạch phòng chống bạo lực học</p>	<p>- Kế hoạch số 1456/KH-PGDĐ, ngày 30 tháng 09 năm 2024</p> <p>- Kế hoạch số 160/KH-THCSTHC, ngày 04 tháng 08 năm 2021</p> <p>- Kế hoạch số 1248/KHPH-PGDĐ-CAH, ngày 04 tháng 09 năm 2024</p> <p>- Kế hoạch số 90/KH-THCSTHC, ngày 10 tháng 05 năm 2023</p> <p>- Kế hoạch số 62/KH-THCSTHC, ngày 9 tháng 03 năm 2022</p> <p>- Kế hoạch số 11/KH-BPT Đội, ngày 30 tháng 3 năm 2024.</p> <p>- Kế hoạch số 03/KH-BPT Đội, ngày 15 tháng 12 năm 2021.</p>	Văn thư Liên đội	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			đường 2023-2024;			
	10	[H4-4.1-10]	Thực hiện công tác xã hội trong trường học, tư vấn tâm lý, tư vấn học đường năm 2021-2022	- Kế hoạch số 160/KH-THCSTHC, ngày 4 tháng 8 năm 2021	Văn thư Liên đội	
	11	[H4-4.1-11]	-Kế hoạch phối hợp trường và Trạm Y tế xã Tân Hộ Cơ năm 2023-2024 - Kế hoạch giáo dục sức khỏe tâm thần cho học sinh đến năm 2025	- Kế hoạch số 57/KHPH-THCS-TYT, ngày 20 tháng 09 năm 2023 - Kế hoạch số 68/KH-THCSTHC, ngày 10 tháng 04 năm 2023	Văn thư	
	12	[H4-4.1-12]	Kế hoạch hỗ trợ bảo hiểm y tế cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong năm học 2023-2024.	- Kế hoạch số 05/KH-BPT Đội, ngày 5 tháng 11 năm 2023.	Văn thư Liên đội	
	13	[H4-4.1-13]	- Kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng sống cho học sinh năm 2022	- Kế hoạch số 143/KH-THCSTHC, ngày 17 tháng 6 năm 2022	Văn thư Liên đội	
	14	[H4-4.1-14]	- Kế hoạch về việc tổ chức diễn đàn “lấy ý kiến của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em trong nhà trường” năm học 2023-2024.	- Kế hoạch số 10/KH-BPT Đội, ngày 30 tháng 03 năm 2024.	Văn thư Liên đội	
	15	[H4-4.1-15]	- Báo cáo tình hình kinh phí xã hội hóa giáo dục - Danh sách thống kê các phần quà của học sinh	Báo cáo 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024	Kế toán	
	16	[H4-4.1-16]	Biên bản vận động học sinh nghỉ học	Biên bản	Phó	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			ra lớp		Hiệu trưởng	
	17	[H4-4.1-17]	Hình ảnh tuyên truyền...	Hình ảnh	Liên đội	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	- Kế hoạch năm học của nhà trường năm 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2024-2025. - Báo cáo tháng về cho UB, Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ năm 2024	- Kế hoạch số: 190/KH-THCSTHC, ngày 10/9/2021. - Kế hoạch số: 198/KH-THCSTHC, ngày 07/9/2023 - Kế hoạch số: 193/KH-THCSTHC, ngày 06/9/2024 - Báo cáo năm 2024	Văn thư	
	2	[H4-4.2-02]	-Kế hoạch huy động học sinh đến trường. - Tờ trình vận động học sinh có nguy cơ bỏ học	Năm học 2021-2022 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H4-4.2-03]	Biên bản họp chọn sách giáo khoa chương trình GDPT 2018 năm học 2023-2024	Biên bản họp chọn sách giáo khoa	Văn thư	
	4	[H4-4.2-04]	Kế hoạch vận động thu bảo hiểm học sinh hàng năm	- Kế hoạch số 143/KH-THCSTHC, ngày 17 tháng 6 năm 2.....	Liên đội	
	5	[H4-4.2-05]	Kế hoạch hội thao; hình ảnh tham gia hội thao	- Kế hoạch số 07/KHPH-TT.VHTTTT-VHTT-GDĐT, ngày 30/8/2024. - Kế hoạch số 50/KHPH-VHTTTT-	Công đoàn	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				LĐLĐ, ngày 9/4/2024		
	6	[H4-4.2-06]	Thư viện đạt chuẩn.	Quyết định số 79/QĐ-PGDĐT ngày 31 tháng 5 năm 2024	Thư viện	
	7	[H4-4.2-07]	Kế hoạch xây dựng thiết chế thể thao trường học	Kế hoạch số 01/KHPH-CĐCS-BGH, ngày 25/3/2024.	Công đoàn	
	8	[H4-4.2-08]	Chứng nhận “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”	Thông báo công nhận số: 352/TB-UBND, ngày 13/12/2021- Thông báo công nhận số: 328/TB-UBND, ngày 16/12/2022	Công đoàn	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn của nhà trường	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024 -2025	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch hoạt động GDNGLL; Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp, Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch bài dạy của giáo viên (giáo án) <i>Năm 2023 -2024:</i> https://drive.google.com/drive/folders/1qRL_v508otRjXwcaa6nTTRI9cN2_F-TK?usp=drive_link	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Tổ trưởng chuyên môn	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			Năm 2024 -2025: https://drive.google.com/drive/folders/1qRL_v508otRjXwcaa6nTTRI9cN2_F-TK?usp=drive_link			
	4	[H5-5.1-04]	Các đề kiểm tra định kỳ Năm 2023 -2024: https://drive.google.com/drive/folders/1qRL_v508otRjXwcaa6nTTRI9cN2_F-TK?usp=drive_link Năm 2024 -2025: https://drive.google.com/drive/folders/1qRL_v508otRjXwcaa6nTTRI9cN2_F-TK?usp=drive_link	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Tổ trưởng	
	5	[H5-5.1-05]	Kế hoạch thời gian năm học	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Văn Thư	
	6	[H5-5.1-06]	-Kế hoạch tổ chức Hội khỏe phù đồng cấp trường -Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa. Quyết định phân công giáo viên bồi dưỡng HSG	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Văn Thư	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	7	[H5-5.1-07]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém/Chưa đạt	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
	8	[H5-5.1-08]	-Biên bản họp của Hội đồng sư phạm nhà trường. -Biên bản họp kiểm tra rà soát, phân tích, đánh giá việc thực hiện chương trình, thực hiện kế hoạch dạy học đến từng thời điểm.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	
	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.2	2	[H5-5.2-02]	– Danh sách cấp phát quà, dụng cụ học tập giúp đỡ học sinh khó khăn – Danh sách học sinh miễn giảm học phí, cấp bù chi phí học tập cho nghèo cận nghèo. – Danh sách học sinh có năng khiếu tham gia các môn thể thao, vẽ tranh,	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Tổ chuyên môn	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
			văn nghệ Danh sách phụ đạo học sinh yếu kém/chưa đạt.			
	3	[H5-5.2-03]	Biên bản họp tổ chuyên môn rà soát, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh theo định kì	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng tổ chuyên môn	
	4	[H5-5.2-04]	– Danh sách kết quả học tập, rèn luyện của học sinh năng khiếu, học sinh nghèo, học sinh khó khăn trong học tập (<i>học sinh yếu/chưa đạt</i>) Danh sách kết quả học sinh khuyết tật học hòa nhập	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	
	5	[H5-5.2-05]	Quyết định, danh sách khen thưởng học sinh đạt giải các môn học	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	
	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy môn Giáo dục địa phương	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 5.3	2	[H5-5.3-02]	Bản phân công giáo viên giảng dạy nội dung giáo dục địa phương	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.3-03]	Đề kiểm tra môn Giáo dục địa phương	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Giáo viên bộ môn	
	4	[H5-5.3-04]	Biên bản họp tổ chuyên môn rà soát, đánh giá chương trình giáo dục địa phương	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ chuyên môn	
	5	[H5-5.3-05]	Kế hoạch bài dạy nội dung giáo dục địa phương; Hình ảnh HS tham gia hoạt động các nội dung giáo dục địa phương.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Giáo viên bộ môn	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (Kế hoạch tổ chức hoạt động GDNGLL, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9)	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh khối 9	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	
	3	[H5-5.4-03]	Hình ảnh hội thảo phân luồng học sinh lớp 9 sau TN THCS.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2023-2024	trưởng	
	4	[H5-5.4-04]	Bản phân công dạy học hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp, giáo dục hướng nghiệp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H5-5.4-05]	Hình ảnh học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H5-5.4-06]	Biên bản rà soát đánh giá dạy học hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và dạy học hướng nghiệp học sinh khối 9.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Văn thư	
	2	[H5-5.5-02]	Sổ sinh theo dõi quản lý và xử lý học sinh hàng ngày	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Tổng phụ trách Đội	
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổng phụ trách	

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2024-2025	Đội	
	4	[H5-5.5-04]	Thống kê kết quả Hạnh kiểm 03 năm	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	
	5	[H5-5.5-05]	Quyết định phân công hướng dẫn học sinh, danh sách học sinh tham gia hội thi khoa học kỹ thuật, Ý tưởng khởi nghiệp.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Văn Thư	
	6	[H5-5.5-06]	Quyết định, danh sách học sinh được khen thưởng hội thi KHKT, Ý tưởng khởi nghiệp, Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024 Năm học 2024-2025	Văn Thư	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Báo cáo Kết quả học lực/Kết quả học tập, Hạnh kiểm/Kết quả rèn luyện hằng năm của nhà trường.	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	1
	2	[H5-5.6-02]	Kết quả học sinh lên lớp	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	2
	3	[H5-5.6-03]	Kết quả học sinh tốt nghiệp THCS	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	3
	4	[H5-5.6-04]	Thống kê kết quả học sinh trúng tuyển lớp 10 và học nghề	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	4
	5	[H5-5.6-05]	Thống kê học sinh bỏ học, lưu ban	Năm học 2019-2020 đến Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	5

Tiêu chí	Số TT	Mã Minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc thực hiện	Ghi chú
	6	[H5-5.6-06]	Giấy khen học sinh được UBND Huyện biểu dương xuất sắc (học sinh giỏi đạt giải II cấp Tỉnh môn Địa lí) Giấy khen Tập thể trường đạt danh hiệu lao động xuất sắc; cờ thi đua Tỉnh	Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn Thư	6

PHỤ LỤC 2: THỐNG KÊ KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC
(05 năm)

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2019-2020												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	238/93	40	21,63%	98	39,90%	94	33,17%	06	5,28%	0	0

2	7	182/82	34	16,07%	79	42,26%	65	38,09%	04	3,58%	0	0
3	8	139/70	28	25%	61	45,13%	47	27%	03	2,87%	0	0
4	9	144/59	25	21,64%	56	48,50%	63	26,86%	00	3%	0	0
T. trường		703/304	127	18,07%	294	41,82%	260	37,20%	13	1,85%	0	0

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2020-2021

STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	220/97	55	25,00%	91	41,36%	69	31,36%	5	2,27%	0	0%
2	7	220/113	32	14,55%	89	40,45%	92	41,82%	6	2,73%	0	0%
3	8	160/75	42	26,25%	68	42,50%	41	25,63%	5	3,13%	4	2,50%
4	9	134/68	29	21,64%	63	47,01%	42	31,34%	0	0%	0	0%
T. trường		734/353	158	21,53%	311	42,37%	244	33,24%	16	2,18%	4	0,54%

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2021-2022

STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém/Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	180/94	42	23,33%	65	36,11%	69	38,33%	4	2,22%	0	0%
2	7	205/93	56	27,32%	96	46,83%	49	23,90%	1	0,49%	3	1,46%
3	8	206/108	68	33,01%	100	48,54%	34	16,50%	1	0,49%	3	1,66%

4	9	146/73	77	52,74%	54	36,99%	15	10,27%	0	0%	0	0%
T. trường		737/368	243	32,97%	315	42,74	167	22,66%	6	0,81%	6	0,81%

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2022-2023

STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém/Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	189/93	33	17,46%	87	46,03%	68	35,98%	1	0,53%	0	0%
2	7	164/84	46	20,05%	64	39,02%	53	32,31%	1	0,61%	0	0%
3	8	191/84	62	32,46%	98	51,31%	30	15,71%	1	0,52%	0	0%
4	9	190/98	75	39,47%	97	51,05%	18	9,47%	0	0%	0	0%
T. trường		734/359	216	29,43%	346	47,14%	169	23,02%	3	0,41%	0	0%

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC NĂM HỌC 2023-2024

STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Giỏi		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém/Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	6	244/127	90	36,9%	96	39,3%	58	23,77%	0	0%	0	
2	7	179/89	41	22,9%	55	30,7%	82	45,84%	1	0,56%	0	
3	8	148/81	44	29,7%	58	39,2%	45	30,41%	1	0,68%	0	

4	9	177/90	76	42,9%	69	39,0%	32	18,08%	0	0,0%	0	
T. trường		748/377	251	33,56%	278	37,17%	217	29,01%	2	0,27%	0	

PHỤ LỤC 3: THỐNG KÊ KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM
(05 năm)

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2019-2020												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	238/93	217	91,18%	14	5,88%	05	2,10%	0	0,00		
2	7	182/82	149	81,87%	24	13,19%	05	2,75%	0	0,00		
3	8	139/70	112	80,58%	23	16,55%	03	2,16%	0	0,00		
4	9	144/59	141	97,92%	02	1,39%	0	0%	0	0,00		
T. trường		703/304	619	88,05%	63	8,96%	13	1,85%	0	0		

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2020-2021

STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	220/97	200	90,91%	19	8,64%	1	0,45%	0	0%		
2	7	220/113	172	78,18%	45	21,45%	3	1,36%	0	0%		
3	8	160/75	142	88,75%	13	8,13%	2	1,25%	3	1,88%		
4	9	134/68	122	91,04%	11	8,21%	1	0,75%	0	0%		
T. trường		734/353	636	86,65%	88	11,99%	7	0,95%	3	0,41%		

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2021-2022

STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	180/94	154	85,56%	26	14,44%	0	0%	0	0,00		
2	7	205/93	176	85,85%	26	12,68%	3	1,46%	0	0,00		
3	8	206/108	177	85,92%	27	13,11%	2	0,97%	0	0,00		
4	9	146/73	144	98,63%	2	1,37%	0	0%	0	0,00		
T. trường		737/368	651	88,33%	81	10,99%	5	0,68%	0	0		

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2022-2023												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	189/93	186	98,41%	3	1,59%	0	0%	0	0%		
2	7	164/84	139	84,76%	25	15,24%	0	0%	0	0%		
3	8	191/84	176	92,15%	13	6,8%	0	0%	02	1,05%		
4	9	190/98	186	97,89%	4	2,11%	0	0%	0	0%		
T. trường		734/359	687	93,6	45	6,13	0	0%	2	0,27%		

KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM NĂM HỌC 2023 - 2024												
STT	Khối	TSHS/Nữ	Xếp loại									
			Tốt		Khá		Trung bình (Đạt)		Yếu (Chưa đạt)			
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ		
1	6	244/127	240	98,36%	4	1,64%	0	0,0%	0	0,0%		
2	7	179/89	158	88,27%	21	11,73%	0	0,0%	0	0,0%		
3	8	148/81	110	74,32%	34	22,97%	4	2,70%	0	0,0%		
4	9	177/90	173	97,74%	4	2,26%	0	0,0%	0	0,0%		
T. trường		748/377	678	90,64%	63	8,42%	4	0,53%	0	0,00%		

STT	Môn	Năm học 2019 – 2020				Năm học 2020 – 2021				Năm học 2021 – 2022				Năm học 2022 – 2023				Năm học 2023 – 2024			
		I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK
4	Sinh học		1	1	1							1				1					3
5	Tin học	1	2						1	1											1
6	Ngữ văn			1	2				2			3				1		1			2
7	Lịch sử	1	1		2			1	2							1			1		
8	Địa lí				1				2		1		2	1		2		1	3	3	
9	Tiếng Anh				1				2			2		1		2		1			
Cộng		3	4	5	8	1	1	2	13	2	1	2	8	1	1	1	7		3	4	14
Giải khác																					
1	GVDG																				04 GV
2	HKPĐ	3	2			2	3	3						1 (B)				1 giải Nhất; 8 HCV	6 HCB	2 giải II; 10 HCD	Giải II toàn đoàn
3	VHCT, HBTA				2			1	1					2	1	1		3		1	
4	KHKT, STEM			1	1				1			2	2				3				4
5	IOE, Tin học trẻ											1									
6	VYOLIMPIC																				
7	STTTNND		0	1	1							2					1				
8	TNTH																				
9	Đại sứ học đường																				1
10	Văn nghệ, kể																		1		

STT	Môn	Năm học 2019 – 2020				Năm học 2020 – 2021				Năm học 2021 – 2022				Năm học 2022 – 2023				Năm học 2023 – 2024			
		I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK	I	II	III	KK
6	Ngữ văn												1								
7	Lịch sử																				
8	Địa lí												2		1						1
9	Tiếng Anh																				1
Cộng													3		1	1	1				2
Giải khác																					
1	GVDG																				02 GV
2	HKPD														2 (HCB)						
3	TNTH																				
4	HBTA																			2	2
5	KHKT									1	1										
6	STTTNND																				
7	Ý tưởng KN				1				1		1	1						1		1	2
8	Vẽ tranh												1					1			
9	Chỉ huy Đội giỏi														1		2				
Cộng					1					2	2	1		3	1	3	1			3	6
Tổng cộng					1			1		2	2	4		4	1	4	1			3	8